

Đã xuất bản



Tổng phát hành **NAM CƯỜNG**

185-187 Nguyễn Thái Học Saigon ĐT: 23.867

Ấn Quán **Kim Châu** 24 Ng-An-Ninh — Saigon



Sau ba lần bị đóng cửa

Nhật Báo



Sẽ vùng lên ào ạt, sôi nổi,
phát động phong trào

Cách Mạng Rồng Vàng

Toàn Dân Miền Nam sẽ
tham gia phong trào

Cách Mạng Rồng Vàng

Của
Nhật Báo



☆
Chủ Nhiệm : NGUYỄN VỸ



Sách báo mới

■ Trong vòng mắt nai

Tập thơ của Tống minh Phụng, Tố Nguyên xuất bản. Ấn loạt đẹp.

■ Tiếng vỗ san hô

Thơ Trần lưu Nguyễn, quây Renéo.

■ Hương gây mùi nhớ. Đào lý Xuân Phong

Di cáo của Thi sĩ Đông Hồ Ấn loạt trang nhã. Lời tựa rất thơ mộng của Nữ Sĩ Mộng Tuyết, em của Đông Hồ. Quỳnh Lâm X.B. 6-1971.

■ Tốt đên

Tiểu thuyết của Nguyễn Thụy Long, Không Gian xuất bản.

Bìa đẹp, ấn loạt công phu.

■ Asian Morning western Music and other poems

Thơ của Thế Phong — Đàm Xuân Cận dịch ra Anh ngữ. GS. Lloyd Fernando đề tựa. Vị Ý vẽ bìa Tenggara giữ bản quyền — Đại Nam Văn Kiển xuất bản.

Đây là tập thơ được đăng tải trên tạp chí Tenggara, thuộc Viện Đại Học Mã Lai Á. Đã bị cấm bán ở VN, nhưng có bày bán ở Nữu Ước và Kuala Lumpur.

■ Lướt sóng

Nội San của Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Với bài vở của :

HQ Đại Tá Nguyễn văn Ánh, HQ Đại tá Nguyễn hữu Chí, HQ Trung tá Nguyễn ngọc Quỳnh, HQ Trung tá Nguyễn bá Trang, HQ Trung tá Phan phi Phụng, HQ Trung tá Võ Suni, HQ Đại úy Phan lạc Tiếp, Chuẩn úy Trần trọng Thức (mục tìm hiểu)

Anh Vũ, Chu Sinh, Lê minh Hoàng, Phạm phúc Thái, Vũ Thất, Nhật lan Hà, Lê tường Phong, Hải Hoa, Nguyễn tất Ứng, Triều Dương, Tống minh Phụng. Hữu Phương; Lê Giang, 10H10, Thế Vinh, Vũ thái Hòa, Nguyễn Phép, Trần văn Sang, Ngô thy Bích Ngọc, Tôn quang Thoại, Hoàng thanh Mai, Xuân Hoan (văn nghệ và sinh hoạt đơn vị).

■ Quà cưới cho cô bé

Truyện vừa của Dung Võ Hà Anh, hai tác giả được giới trẻ yêu chuộng nhất hiện nay. Sách do Thiên Tứ đọc quyền xuất bản, là cuốn đầu trong 1 bộ bốn cuốn :

— Quà cưới cho cô bé.

— Đám cưới.

— Vợ chồng trẻ.

— Riêng nhau một đời.

■ Từ giả thơ ngây

Truyện dài của Dung (Sài Gòn) Ấn phẩm thứ 5 của cơ sở Thiên Tứ dành đặc biệt cho đôi Dung (Sài Gòn) và Võ Hà Anh. Phát hành tháng 8-71.

■ Tiếng hát

Nhạc phẩm đầu tiên của Vũ thái Hòa được in, và bằng Offset. Phát hành cuối tháng 7-71

■ Khóc trong mơ

Truyện dài về hạnh phúc gia đình và tuổi 16 của Anh Vũ, phóng viên báo chí Hải Quân. Tủ sách Mây Tím ấn hành, khổ nhỏ, trang nhã.

■ Tiếng khóc trên mây

Tập truyện của nhà văn Không

Quân Đào Vũ Anh Hùng viết chung với Võ Hà Anh. Đây là tuyển tập gồm 1 số truyện ngắn của 2 tác giả này. Thiên Tứ xuất bản.

■ Sầu khúc

Thơ Nhữ Đình Toàn. Tác giả tự xuất bản. Gồm những bài thơ tuyển chọn của nhà thơ này trong những năm từ 1962 cho đến nay.

■ Hồng cầu quây

Tập truyện phiêu lưu đường rừng dành cho nhi đồng của Hoàng Ly do Nhà xuất bản Hồng Lĩnh xuất bản trong tủ sách Bướm Hồng.

■ Những áng mây kỳ ảo

— Một chuyện tình đặc sắc và táo bạo của Façoise Sagan

— Bản dịch của Nguyễn nhược Nghiêm và Lê tuyên Quang TÂN THU Xuất bản

TÌM ĐỌC

Quà Cưới Cho Cô Bé

Truyện vừa của DUNG (Sg) — VÕ HÀ ANH
Ấn phẩm thứ tư của 2 cây viết trẻ đang nổi tiếng, với những tác phẩm xứng đáng gói đầu giởng của tuổi hai mươi :

PHỔ THÔNG

Góp phần xây dựng Văn Hóa Việt Nam
Phổ Biến Văn Hóa Đông Tây Kim Cổ

	TRANG	
P.T.	6	
P.T.	8	
VĂN ĐÌNH DƯƠNG	10	
ĐỒ GIO	13	
ĐẦU BẾP	14	
VIÊN VỌNG KÍNH	16	
TRẦM HÙNG	19	
LƯƠNG THẾ ĐÔNG	21	
CHU VĂN LỘC	24	
HỒNG PHONG	28	
NGUYỄN HÙNG	34	
HOÀNG VINH	44	
NGUYỄN VƯƠNG	49	
LÊ HƯƠNG	50	
CAO ĐẮC BỬU	55	
VƯƠNG MINH	62	
PHẠM HỒ	65	
LÊ VĂN LỊCH	71	
HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN	78	
HUY TƯỜNG	79	
NGUYỄN ĐẠT	80	
BÍCH HẠM	82	
PHẠM HỒ	87	
TỪ KẾ TƯỜNG	88	
HOÀNG TUYẾT KHANH	98	
TỪ KẾ TƯỜNG	104	
ĐẶNG BẢO TRÂM	107	
TRẦN MINH HOÀNG	111	
HOÀNG MỸ HƯƠNG	112	

TẠP CHÍ

phổ thông



Giám Đốc, Chủ Bút :
NGUYỄN VỸ

Tổng thư ký Tòa soạn :
PHAN THỊ THU MẠI

Tòa Soạn :
233 Phạm Ngũ Lão Saigon
ĐT. 24814

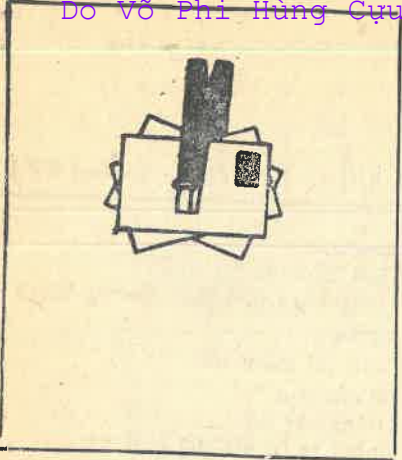
Chúng tôi hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc theo thể lệ chung của các tạp chí quốc tế. Bài lai cáo không đăng, không trả lại. Các Sách Báo Việt Ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp chí **PHỔ THÔNG** nhưng yêu cầu đề rõ xuất xứ: «trích tạp chí **PHỔ THÔNG**» và đừng viết tắt. Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại Quốc mà không xin phép. Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by **PHỔ THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Bài vở, Kỹ thuật, Trình bày
CAO ĐẮC BỬU

Năm thứ XIII — Số 270 — 1-7-1971

- 1.— Sách báo mới
- 2.— Hộp thư tòa soạn
- 3.— Vua Tự Đức và nhà thơ Dương Khuê
- 4.— Thơ ngông :
Chửi cha cái mồm tôi
- 5.— Thử tài của bạn
- 6.— Phổ Thông đây đó
- 7.— Giải Nobel và Văn Nghệ giới VN
- 8.— Một Phòng Thi Nghiệm Sống về Hóa Học
- 9.— Mishima dưới mắt hai nhà Văn Nhật
- 10.— Phổ Thông giới thiệu non nước VN :
Xứ Thủy Dương
- 11.— Sứ giả Hào Hoa (truyện)
- 12.— Đêm chúng tôi Đánh Đám
Chiếc PT của J.F.K.
- 13.— Vời Bàn Tay (thơ)
- 14.— Triều Đại Phù Nam
- 15.— Có Sinh Vật nào khác
Trong Vũ Trụ không ?
- 16.— Dĩa Bay : thật hay bịa ?
- 17.— Phổ Thông đi và sống :
Hoa Cúc Vàng
- 18.— Những Bí Mật trên các bích họa
thời Tiền Sử
- 19.— Buổi trở về (thơ)
- 20.— Giữa chiều thu năm cũ (thơ)
- 21.— Bầy Sao Vỡ (thơ)
- 22.— Thung Lũng Mây Ngàn
- 23.— Thơ Của Người (thơ)
- 24.— Những mùa mưa lãng quên (truyện)
- 25.— Những Giọng Thơ Mới
- 26.— Nhật ký Văn Nghệ
- 27.— Sinh Hoạt Văn Nghệ
- 28.— Xem Vô Tuyến Truyền Hình
- 29.— Học một cuốn sách :
Đề tưởng nhớ Mùi Hương



màu đen. Thi Đềm, Xóm 4ao, Quê ngoại, Buông xười), Trâm mộng Hoàng Minh (Giấc mộng triền miên, Con phố buồn. Khi cuộc tình đã mất), Dương thu Mỹ (Những nụ mưa mềm), Chế Bằng Lai (Hiện Điện), Lệ Giang (Nụ Hồng xưa, Ca Dao đầu đời), Hồ Dũng (Rau mác, Sầu thương), Hoài Anh (Thư cho vợ hiền), Nguyễn xuân Lầu (kể độc hành, Những giòng thơ không tên số 1), Nguyễn ngọc Tuấn (Thơ cho Tuyết Sương, Buổi chiều người ra đi), Nguyễn tiếp Tục (Tôi có mấy que hương để tìm về), Trần Miên Sơn (Gửi người qua sông, Năm mộng thấy Nguyễn về).

Sa chi Lệ (Mưa giông nần, Mưa roi), Thu Miên (Lạc lối, Gọi buồn), Bùi Trần Giang (3 đoản khúc, Giấc mơ hoa), Thùy Linh (Mưa chiều), Việt thảo (Thơ cho mẹ, Thơ cho anh), Trần Quang Thiểu (Sau đêm, Nếu sớm mai ta về), Triều Mặc Lê (Sám Hối), Lê Duy Hùng (Nhìn mặt, Nơi sắp đến) Trần Minh Quang (Di ngôn, Bãi vắng); Phạm Trường Định (Đêm bông nhớ người), Ngã dạ Triều (Từ cánh rừng trên biển)

MANG VIÊN LONG (Quê Nhơn)

Đã nhận thư và mẫu quảng cáo. Có chuyện gì buồn vậy. Nếu vào Sài Gòn anh có thể tìm tôi ở tòa soạn hoặc điện thoại cho số 25521 (buổi sáng) hoặc 93716 (buổi chiều) Thân (C.Đ.B)

NGUYỄN VĂN DŨNG (Tam Kỳ)

Lời đề nghị của bạn sẽ được

Thu Miên. (Xin một nụ cười), Đò Gió (Hoan hô, Đặc cử). Trần Mông Hoàng (Tuyệt tình khúc), Hoàng Yên Phương (Kiếp phận hồng). Trần Mông Hoàng (Tình khúc cho em, Thuca. Thoảngbuồn), HIKH (Lời cuối cho quê hương), Thủy Tử (Lời kính trần tục, Nửa dòng đời), Tâm Tuyền (Màu hạ), Thượng Tá (Mặt trời trong ngày), Trần kim Chi (U hồn, câu ca diệt chủng) Nguyễn tiếp Tục (Mưa bên kia sông, Cho người không đọc. Hiu quanh một đời), Lữ Hoài Trọng Ký (Trinh nữ sầu), Thoại Đình (Hẹn hò), N.S. Nguyễn văn Dũng (Đêm giữa mùa hạ, Còn một lời này, Về tuổi thức giấc), Ngọc thùy Khanh (Ở Bệnh viện với Nữ, Phan Rang, Lăn về thăm, Trước khi xa Đà Lạt, Hai mươi sáu tuổi), Thương Hoài Thanh (Dang dở), Sa chi Lệ (Đêm phục kích ở An Khương), Lê Mộng Hoàng Đế (Phần nộ), Xa ké Sangseve (Một mẹ... hai con), Thu Miên (Giọt buồn), Nhật Phương (Nuối tiếc. Đỉnh buồn, Hãy đến với anh, Mộng lơ, Một

chúng tôi cứ xét kỹ càng Hiện nay cả bác Nguyễn Vỹ lẫn tôi đều bận lắm, nên không thể tính chuyện gì khác được. Cám ơn lá thư (C.Đ.B)

TRẦN MINH SƠN (Phan Thiết)

Những bài vở kèm theo thư, xin bạn đọc ở mục «Bài Nhận Được». Sự kiện «trẻ tuổi» rất tương đối, 16, 17 cũng có thể là trẻ mà 30, 35 cũng vẫn được coi là «trẻ». Do đó việc xưng hô cũng có tính cách tương đối thôi. Bạn bạn tâm chuyện đó làm gì. Cám ơn lá thư (C.Đ.B)

LÂM TỬ VÂN (Hiếu Thiện)

Đã đọc bức thư. Cảm động ghê lắm. Những điều cô nói trong thư chỉ là lo xa đấy thôi. Lúc nào cũng mong nhận được thư và được trả lời thư của đọc giả, nhất là một đọc giả theo dõi mình thường xuyên với chân tình. Điều nhận xét ấy đúng. Phải khác chứ. Cứ gửi thư thường xuyên như đã hứa. Cám ơn về lời chúc (TKT)

NGỌC THÙY KHANH (Đà Lạt)

Bài bên ĐL nhiều quá nên bảo cô em rán đợi cho vậy. Chẳng biết làm sao hơn. Việc trình bày có hơi khó khăn, tuy nhiên sẽ lưu ý. Cứ gửi tiền về ty trị sự cho quản lý. Chắc họ sẽ gửi PT số 265 lên cho bạn. Cám ơn về lời chúc (TKT)

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN (Châu Đốc)

Có thể gặp tôi ở tòa soạn Tuổi

Ngọc những ngày thường đề nói chuyện. Đã đọc bức thư vừa gửi Cũng đáng tiếc thật. (TKT)

HỘP THƯ NHỮNG GIÒNG THƠ MỚI

UYÊN TRANG (Sài Gòn)

Không nhớ là đã nhận được bức thư trước của Trang chưa nữa. Lãng trí thế đấy. Nhưng thư này thì chắc chắn nhận được, bởi đang trả lời. Nói chỉ giáo thì quá to tát. Chỉ nhận xét theo chủ quan của người phụ trách thôi. Cứ việc biên thư dài. Cũng thích đọc thơ dài lắm chứ. Kỳ này chọn một bài, mong Trang cứ gửi tiếp.

TB. MỘNG YÊN HÀ (Tây Ninh)

Chắc là không nhận được thư bạn nói đâu. Nên mới không có trả lời trong hộp thư. Những điều bạn nói trong thư rất đúng. Sẽ cố gắng như thế để giữ ở bạn những tình cảm đẹp đó. Đã chọn một bài của bạn và đăng trong số này.

TẠ MỸ (Kontum)

Chỉ mong các bạn mỗi ngày một góp mặt đông đảo hơn, vui hơn; vững chắc hơn. Sẽ trở lại chủ đề «Thơ lục bát» khi nhận được nhiều thơ lục bát hay. Thơ tốt đấy chứ. Nhưng gửi không nhiều đấy nhé. Bỏ viết ít lắm sao?

TRẦN THỊ KIỀU GIANG (Saigon)

Nếu bạn cho những nhận xét ấy là ngay thẳng và xây dựng thì người phụ trách đã yên tâm với công việc của mình. Bài của bạn đang đọc. Cám ơn lời chúc.

Góp phần xây dựng Văn Hóa Việt Nam
Phổ biến Văn Hóa Đông Tây Kim Cổ

Số 2-0

Ngày 1-7-71

Vua Tự Đức Và Nhà Thơ Dương Khuê

• VĂN ĐÌNH DƯƠNG

Đỗ Tiến sĩ thời vua Tự Đức, Cụ Dương Khuê xuất chính được ít lâu, cho đến khi giữ một chức vụ quan trọng ở một cơ quan trong triều đình, thì không may, Cụ vấp phải một chuyện khá xui, mà luật lệ triều đình nghiêm khắc, không dung tha cho ai làm bất cứ điều gì trái với ý muốn của nhà Vua. Dù là dăm bảy xu, một hai đồng bạc, chi tiêu không đáng hoàng, đúng mức, cũng bị lời thôi, khiến trách là thường, có khi còn tù đầy, giáng chức là đấng khác nữa, chứ có đâu như bây giờ, thời dân chủ, tự do, thật kết, hối lộ từng hàng triệu bạc, mà người phạm tội vẫn cứ phây phây ra mặt ung dung đi lại như thường, không ai dám ho he nửa tiếng, hoặc động tới một sợi lông chân, chứ nói chi đến bắt bớ, tù đầy cho thêm một. Xuất thân là một nhà nho, lại

sinh trưởng trong một gia đình trâm anh, thế phiệt, lấy đạo thánh hiền làm gốc, cố nhiên cụ Dương Khuê bao giờ cũng đặt nặng vào đề « quân thần, phụ tử, bằng hữu... » lên trên hết cả, cho nên, câu chuyện «Cụ bị giáng đi Sơn phòng», vì có hai nén bạc, cũng chẳng có chi là lạ.

Ngày ấy, một hôm, cụ có người bạn cố tri đến chơi thăm Cụ, mà cũng là ân nhân đã giúp Cụ một nén bạc lúc đi thi, lưu lại đến hơn tuần lễ, rồi mới cáo biệt ra về. Lam quan thi thanh bạch, lại gặp ngay cuối tháng, chưa có tiền lương, chẳng lẽ lại để bạn thiết về không. (lúc ấy, bạn Cụ đã sa sùt) không có gì đưa tiền. Mà tiền, biết lấy đâu ra được, lúc trong nhà cũng vừa cạn sạch, thiếu thốn đủ mọi bề. Thôi thì, chỉ còn một cách cuối cùng là : hãy vay tạm trong

công q-ỹ hai nén bạc, đưa « phong bao » cho bạn đã, rồi cuối tháng có lương, bù vào sau cũng chẳng sao mà ! Nghĩ vậy, Cụ thi hành ngay, và khản khoản tiền đưa người bạn lên đường một cách rất chi tinh, mà lòng cũng thấy hả hê, vui sướng, không chút băn khoăn, nghĩ ngợi gì.

Thật là phúc bất trùng lai, hoa vô đơn trí, ngay sáng hôm sau, một quan thanh tra đã bắt thần đến nơi cụ làm việc, khám xét sổ sách, và công quỹ như thường lệ. Sau một hồi tìm tòi, xem xét mọi việc, không có gì khả nghi, suy siêng, quan thanh tra nét mặt lộ vẻ vui tươi, ra chiều đặc ý lắm, nhưng kịp đến khi xem tới công quỹ, trước lúc hồi trào, thì thấy hụt mất hai nén bạc khiến ông vừa sùng sốt, lại vừa băn khoăn, không ngờ tới là vì : một ông quan có tiếng liêm khiết, trong sạch như Dương Khuê, không thể lại có sự bê bối về tiền nong như thế được. Nhưng, phép Vua là trọng, quan thanh tra không thể vì tư vị một người, mà không làm cho ra lẽ suy nghĩ một hồi lâu. quan thanh tra đành phải hỏi Cụ Dương Khuê đầu đuôi câu chuyện ra sao, và, khi được nghe hết sự thực rồi, quan thanh tra lên xe, ra đi mà lòng như còn vương vấn, bịn rịn một sự gì, không tiện nói ra lời được.

Nửa tháng sau, Cụ Dương Khuê nhận được chiếu chỉ nhà Vua, giáng xuống sơn phòng, tại ngoại hầu tra, về tội «chiếm công vị tử», theo số tâu của quan thanh tra trình lên nhà Vua ngự thủy.

Sơn phòng, một biên cương thuộc miền Hòa bình (Bắc Việt), núi rừng bát ngát nước độc ma thiêng, khí ho cò gáy, Cụ Dương Khuê về đây, chịu cảnh đọa đày, chờ ngày xét xử, thật chẳng khác chi người bị đi đày biệt xứ vậy, nhưng, biết làm sao được, một khi tội đã rành rành, chứng cứ hiển nhiên, không sao chối cãi. Cho nên Cụ đành cam chịu, không oán hận, không thở than, không làm sớ kêu xin gì hết mà chỉ biết cố lệnh Vua truyền sao, theo vậy.

Hòa bình, một ngày đầy trời mưa bay, gió thổi, núi mờ, sương phủ, giá rét căm căm, cảnh vật như chìm đắm trong tối tăm. mù mịt của một mùa đông lạnh lẽo, tiêu điều — Thi cũng giữa lúc Cụ đang một mình chịu cảnh tịch mịch, cô liêu nơi sơn lâm chướng khí, bỗng Cụ gặp lại cố nhân, xuất thân là một ca kỹ, xa nhau đã lâu không gặp, nay vì sinh kế, không quản nước độc, ma thiêng, đường xa dặm thẳm, ôm xênh phách lên đây, trở tài trong một bữa tiệc vui, mừng sinh nhật của Quan Án Sát. Tái ngộ với người xưa một cách bất ngờ trong cảnh bẽ bàng, buồn tủi, Cụ tức cảnh, làm ra bài hát nói (dưới đây) tả nỗi lòng mình với người tình quen biết cũ, và cho là : cuộc đời xênh phách của một ca nhi, so với một nho sinh biên bút, đều sai lạc hết, nào có gì đâu !

Hốt ức lực thất niên tiền tự,
Nợ phong lưu chưa trả hưởng
nguyên.

Đến bây giờ lại gặp người quen
Nỗi lưu lạc sự phát ghen là thế thế.
«Thiếp tự thân kh nh lang vị khí,

Thần tung tội trọng để do liên»
 Can chi mặc tội phạm hồn duên,
 Đề sơn phần lũ đàn em cười khúc
 khích.
 Ý trung nhân chỉ khá tình tượng
 bạc
 Nhờ bút nghiêng xênh phách cũng
 đều sai.
 Trông nhau nói nói, cười cười.



Rồi, cách đó chẳng bao lâu, khắp
 ba xứ : Trung, Nam, Bắc, được
 lệnh nhà Vua cho tuyển lựa những
 ai có tài ca hát, như : bát tuồng,
 hát chèo, hát ử đào, v.v... đều
 phải lai kinh, hát mừng ngày nhà
 Vua làm lễ tứ tuần đại khánh.

Do một sự ngẫu nhiên, tưởng
 như có xếp đặt trước, người danh
 ca nọ, lúc ra mắt trước mặt rồng,
 không biết sự nhớ đến cổ nhân,
 hay chỉ là tự tình cờ không định
 trước, mà tự nhiên, bài hát của
 Cự Dương Khuê làm trước đây,
 khi gặp lại nhau ở tỉnh Hòa bình,
 đã được người danh ca đem ra
 véo von, thỏ thẻ rất nỉ non, ai
 oán, nào nề ! Hát đến khổ thơ :
 "Thiếp tự thân khinh lang vị khí,
 thần tuy tội trọng để do liên», nhà
 Vua không khỏi ngạc nhiên, tự
 hỏi lòng mình : "Quái lạ, ta có làm

tội nặng ai đâu, mà sao trong bài
 hát nói này, lại có câu như ngụ ý
 than phiền, ai oán ». Nghĩ vậy,
 nhưng đương lúc hát dở dang,
 nhà Vua không tiện hỏi ngay quan
 thị vệ — Ngài chờ cho tiếng
 phách cuối cùng bao hết,
 lúc ấy. Ngài mới lên tiếng hỏi đầu
 đuôi câu chuyện ra sao. tác giả là
 ai?...rồi, sau khi đã hiểu rõ hết ngọn
 ngành của sự việc, nhà Vua nghĩ
 nhớ đến chuyện trước kia, ra về
 bản khoãn. hồi hận, cho mình là
 quá nghiêm khắc, khắt khe, bèn ra
 lệnh hủy bỏ bản án kia đi. đồng
 thời, còn đặc cách thăng Cự Dương
 Khuê lên một trật, và bỏ đi Tông
 Đốc Nam Định, sau đó ít ngày.

■
 Câu chuyện trên đây, tính đến
 hơn trăm thoát đã có hàng trăm
 năm xa cách, nhưng ngày nay mỗi
 khi có dịp trà dư tửu hậu, mà bỗng
 nghe có tiếng oanh vàng thỏ thẻ
 bên tai, hát đến bài hái của Cự
 Dương Khuê, như trên đã kể, hoặc
 dưới xóm chị em, hoặc trên đài
 phát thanh chẳng hạn, thì lại khiến
 ta băng khuâng, hoài cổ, nhớ đến
 người xưa đã khuất, mà lòng còn
 như bụi ngùi, nhớ tiếc khôn nguôi



○ Hai người bạn đang cùng đi ngoài đường.

Thình lình một người nói :

— Này anh rẽ ngõ này mau. Anh X đang đi tới kia, tôi còn nợ
 anh ta 500\$ chưa có tiền trả ..

— Không sao chúng ta cứ đi, anh X sẽ đi ngõ khác vì anh ta
 còn nợ tôi 1000\$!..



THƠ NGÔNG

CHỮI CHA CÁI MỒM TÔI (1)

Cha tiên sư bố cái mồm
 Bạ đâu cũng sủa cứ ồm ồm
 Kẻ hoài kẻ hủy mà không hết
 Chẳng thể lại còn vnh đuôi tím

Thôi được cho mi vãnh đuôi tôm
 Thử coi mi vãnh được bao hôm
 Bằng không ông sẽ cho mi biết
 Ông quyết đem voi trét đầy mồm
 Ông quyết đem voi trét đầy mồm
 Kèo người ta tưởng anh hùng rơm
 Ngrời ta ngựa mất cho mồi lừa
 Cháy mẹ tiên sư bố nó mồm

Cháy mẹ tiên sư bố nó mồm
 Liệu mi còn vãnh nổi cái đuôi tôm
 Hay là môi mép sưng tở bố
 Có thể thì mi mới mất hồn

■ BỜ GIÒ

(1) Tác giả cảm thấy mồm mình đáng chữi, nên tự chữi.
 Không hề có ý xỏ xiên quẹo móc ai xin thông cảm.)

Thử Tài của bạn

■ ĐÀU BẾP



1.—

NGƯỜI CHỦ QUÁN ĐẦY LƯƠNG TÂM.

Một xe du khách dừng lại trước một quán ăn bên đường ở ngoại ô thành phố. Người chủ quán dùng thức ăn dự trữ để làm món ăn cho khách. Thấy lâu quá bà vợ ông ta dục chồng mau lên. Nhưng ông trả lời:

— Tôi không thể nào làm mau được. Cái bếp đầu hồi cũ đã hỏng rồi nên chỉ còn một cái bếp dùng được thôi. Tôi phải chiên tất cả là 6 miếng thịt sườn heo, ba miếng với bơ, ba miếng với mỡ. Mỗi miếng sườn heo sẽ phải mất ít nhất 10 phút mới chín một mặt: vì cái chảo chỉ chiên đủ mỗi lần hai miếng thịt nên tôi phải mất tất cả 80 phút để làm chín cả 6 miếng thịt. Sau đó tôi còn phải làm 6 miếng thịt bò bít tết cũng ba miếng chiên với bơ, ba miếng chiên với mỡ. Mỗi miếng bít tết chỉ 5 phút là chín một mặt vậy tất cả phải mất 24 phút...

— Nếu ông muốn cho mau ông chỉ việc chiên chung một miếng sườn heo và một miếng bít tết với bơ, sau đó một miếng sườn heo và một miếng bít tết với mỡ. Như vậy sẽ tiết kiệm được thì giờ.

—Ồ không thể được! Người đầu bếp có lương tâm không bao giờ để chung thịt bò và thịt heo trong một cái chảo.

— Thôi ông làm gì thì làm, nhưng phải nhanh nhanh lên kẻo khách họ chờ. Chứ nếu làm như ông tất cả mất 104 phút là quá lâu! Ông chủ quán lo lắng quá, vì nhiều lẽ:

1.— Phải làm cho Bà chủ vừa lòng nếu không khi khách ra về sẽ có một màn đĩa bay trong gia đình.

2.— Lương tâm nghề nghiệp của ông ta không cho phép chiên thịt bò và thịt heo chung.

3.— Ông muốn tuyệt đối tôn trọng ý thích của khách hàng nên không có vấn đề chiên bằng mỡ chỗ thịt mà khách muốn chiên bằng bơ và ngược lại.

Nếu bạn là ông chủ quán ấy, bạn sẽ làm thế nào để giải quyết tình trạng tốt đẹp?

2.—

HAI CHUYẾN XE BUÝT

Một người chào hàng hằng ngày phải dùng xe buýt nhiều lần vào những giờ không nhất định trên lộ trình từ trạm xe buýt góc Trương Minh Giảng và Trương Tấn Bửu đến trạm chính ở trước chợ Sài Gòn — Trên lộ trình này có hai chuyến xe buýt số 43 và 49, cùng ngừng tại một chỗ như nhau. Cứ 10 phút thì có một chuyến xe buýt số 43 và cũng cứ 10 phút lại có một chuyến xe buýt số 49. (giả thử rằng không bao giờ có một sự trục trặc nào làm xáo trộn thời khóa biểu).

Người chào hàng không phải thích chuyến 43 hơn hay chuyến 49 hơn, nên cứ đứng chờ ở trạm xe ngừng và leo lên chuyến xe đầu tiên chạy tới. Như vậy có thể xem như là cứ hai lần chờ xe thì có một lần người ấy đi chuyến xe buýt số 43. Nhưng sau khi tính toán, người chào hàng ấy nhận thấy cứ 1.000 thì hết 900 lần đi bằng xe số 49 và chỉ có 100 lần đi bằng xe 43.

Bạn có hiểu nguyên do điều đó không?

đây đó...

• VIỄN VỌNG KÍNH



■ **KHỐI Ắ RẬP TO LỚN MANG MỘT MỐI THÙ KHÔNG ĐỘI** trời chung với Do thái từ mấy chục năm nay mà qua những cuộc chiến tranh đã xảy ra vẫn không xóa nỗi xúh bé nhỏ này trên bản đồ Cận Đông. Vừa rồi Do thái lại khai thác một khía cạnh mới trên mặt trận văn hóa giáo dục ở Ai cập, đàn anh của các nước Ả rập. Hàng trăm ngàn học sinh Ai cập ngạc nhiên không hiểu sao ít phút trước khi thi Hình học và Sử ký bỗng nhiên được cho về nhà... dưỡng sức! Lý do hoãn thi sau này mới được biết: Một ngày trước đó *dài phát thanh Do thái trong buổi phát thanh bằng tiếng Ả rập đã công bố bài giải về Hình học và Sử ký cho các em học sinh Ai cập!* Khờ cho mấy ông chức trách giáo dục Ai cập bị một dịp diên đầu. Có lẽ nếu còn tại chức vị Bộ trưởng «không chính sách», nhà chức trách tối cao của nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa đệ nhị, sẽ tìm cách liên lạc với đồng nghiệp Ai Cập đề cùng tìm biện pháp chống lại nạn lộ đề thi chẳng?

■ **VẤN ĐỀ BẢN QUYỀN CÁC SẢN PHẨM VĂN HÓA LÀ MỘT** vấn đề khó giải quyết vô cùng nếu không có sự đồng tình để đạt tới một thỏa hiệp quốc tế rộng lớn. Về sách vở ta thấy tại Đài Loan nhan nhản những sách vở khoa học, tự điển... bằng tiếng Anh, Đức v.v... bán rất rẻ vì các chú con trời dưới chế độ Trương Tổng Tài tha hồ in lại sách vở xúh khác mà bất cần biết tới khái niệm pháp lý về bản quyền. Về đĩa hát theo Hiệp Hội quốc tế về Kỹ Nghệ này hàng năm có tới loo triệu đĩa hát sản xuất một cách bất hợp pháp, in lại theo đĩa của những hãng sản xuất «chính thức». Đứng đầu «sở đoàn trường» là xứ ngàn lẻ một *Ba Tư*: 80% các đĩa hát sản xuất tại đây là đĩa hát lậu, và dĩ nhiên được bán với giá rẻ. (Không hiểu có đảng dân biểu nào tính chuyện viếng thăm thiện chí Ba Tư để buôn đĩa hát chưa?).

■ **MỘT PHỤ NỮ VỪA SINH ĐƯỢC 9 ĐỨA CON TẠI MỘT** bệnh viện ở Sydney Úc Đại Lợi. và đây là kỷ lục trong lịch sử y học thế giới 2 đứa bé sau khi sinh ra đã chết. Bà Geradine Broderick hôm chủ nhật đã sinh ra 5 người con trai và 4 con gái, 2 trong số 5 đứa con trai đã chết từ trong bụng mẹ, còn 7 hài nhi kia được đặt ngay vào lồng kính. Trước đây bà Broderick đã sinh ra 2 lần mỗi lần đều bằng lối giải phẫu, nhưng lần này bà sinh 9 con và theo lối bình thường.

Một đoàn bác sĩ và y tá làm việc suốt 24 tiếng đồng hồ một ngày để săn sóc cho số 7 đứa trẻ còn sống cho tới khi chúng qua những ngày giờ nghiêm trọng.

Một phát ngôn nhân của bệnh viện Sydney nói rằng 3 trong số 7 đứa còn sống hiện đang gặp vấn đề hô hấp khó khăn và một trong số 3 đứa này đang được bác sĩ chăm sóc bộ phận hô hấp, 2 đứa kia không nguy kịch lắm.

Theo các giới chức tại bệnh viện này cho biết; bà Broderick đã dùng nhiều kích thích tố miễn đề.

Một phát ngôn nhân của bộ xã hội cho biết nếu 7 em bé này sống sót trong 12 tiếng đồng hồ bà Broderick sẽ được trả phụ cấp sinh đẻ là 92 Mỹ Kim. Ngoài ra nếu cả 7 em bé này sống được. Bà sẽ được trợ cấp 15 75 Mỹ Kim mỗi tuần cho đến khi nào những em bé này được 16 tuổi.

■ **LẶNG TÂM CỦA NỮ HÒANG SEYTHIA CÓ TỪ THỂ KỸ** thứ 4 trước Thiên Chúa Giáng Sinh vừa được các nhà khảo cổ Nga tìm thấy ở gần thành phố Duepropetrovsk thuộc Ukraine. Cũng theo thông tấn xã Tass thì đầu nữ hoàng có mang một vương miện bằng vàng và những mảnh vỡ của vương miện được giữ gìn cẩn thận.

Nữ hoàng mang một chiếc vòng cổ có hình của một con vật lạ lùng và những con sư tử.

Thông tấn Tass diễn tả vụ phát giác này rất đáng chú ý và cho biết một mảnh nữ trang khác của nữ hoàng đã được tìm thấy ở một miền đồi núi khác.

Có 11 chiếc nhẫn đeo trên các ngón tay và giày của nữ hoàng có chạm hình đĩa vàng có khắc những hình ảnh thú vật nhỏ li ti.

■ **VẤN ĐỀ TÌNH DỤC CÀNG BUÔNG THẢ CON SỐ PHÁ** thai càng nhiều. Một chuyên viên về vấn đề hộ tịch cho biết những vụ

phá thai của các thiếu nữ vì thanh niên ở Anh dưới 16 tuổi đã tăng lên 30 phần trăm trong tháng cuối năm 1970 nếu so sánh với cùng thời gian này trong năm 1969.

Bản tường trình của chính quyền đưa ra con số 544 cô gái độc thân đã phá thai vào tháng ba cuối năm 1970 trong khi chỉ có 366 vụ được ghi nhận phá thai cùng thời gian năm 1969.

Chiều hướng này đã xảy ra trong các thiếu nữ tuổi 16 đến 19 chưa lập gia đình. Con số phá thai tổng cộng trong ba tháng cuối năm 1970 là 4017 vụ so với 2594 vụ trong năm 1969.

■ ĐÁU PHẢI CHỈ CÓ GIỚI BÌNH DÂN MỚI MÊ TÍN. CÁC nhà lãnh đạo đã tiếp xúc với đồng bóng đề được chỉ dẫn là bao giờ nên có chiến tranh với Do Thái và có nên hành động chống lại Tổng Thống Sadat không? một ký giả nổi tiếng Ai Cập vừa tiết lộ như vậy.

Ba người liên hệ đến vụ này hiện đều bị giam trong tù vì bị kết tội âm mưu lật đổ chính thể Ai Cập.

Chủ bút Mohamed Hassanein Heikal cho biết nhà đồng bóng Abdel Rehim khi được hỏi về sự dị biệt giữa các lãnh đạo Ai Cập và Tổng Thống Sadat, đã nói «Các ông có thể làm điều gì trong lúc này nếu các ông đã sửa soạn đầy đủ».

Chủ bút Heikal cho biết, có lẽ lời khuyên trên cũng đã khiến một số lãnh tụ Ai Cập có những hành động chống đối lại Tổng Thống Sadat.

Ông Heikal cũng đưa ra tên của ba lãnh tụ từng thành ý của nhà tiên tri Rehim là cựu bộ trưởng chiến tranh tướng Mohamed Fawzi, bộ trưởng nội vụ Sarawi Gomaa và ngoại trưởng Sami Sharaf. Tất cả đều là những người bị Tổng Thống Sdat cách chức.

Chủ bút Keikal đã cho xuất bản bài báo viết về hai lần gọi hồn mà ba vị cựu bộ trưởng trên đã tham dự với một giáo sư đại học làm trung gian.

■ CƠ QUAN Y TẾ CÔNG CỘNG SAN FRANCISCO VỪA QUẢ ĐÃ cảnh cáo việc dùng xoong chảo tráng men nhập cảng từ Hương Cảng. Các dụng cụ làm bếp tráng men này có quá nhiều chất Cadmium là loại kim thuộc có thể gây ra ngộ độc trầm trọng theo lời Bs Francis J. Cury trưởng cơ quan này tuyên bố trong một cuộc họp báo. BS cho biết xoong chảo này do hãng Cost Plus đưa ra bán trong 2 tháng qua.

Các viên chức hãng Cost Plus đã cho thu hồi ngay loại xoong chảo nói trên khi biết có quá nhiều chất cadmium. Theo lời bác sĩ Curry chất cadmium tróc ra khi men bị chà xát nhất là khi chất acid trong thực phẩm như giấm, nước trái cây và trà dính vào chất kim loại này.

Một vài ý kiến thô thiển của một người làm văn nghệ một thời gian sau khi Hàn Lâm Viện Thụy Điển gửi thư mời VNCH dự tranh giải Nobel về văn chương

Giải Nobel Và Văn Nghệ Giới Việt Nam

o TRÂM HÙNG

GIỚI văn học thế giới tự do hầu như định đoạt bằng cái giải thưởng Nobel đối với các nhà văn ngày nay vậy; tuy nhiên có những tác phẩm bên kia bức màn sắt được trao tặng giải thưởng này.

Và những nhà văn chiếm giải như thế hầu như là luôn luôn bị các hội đồng văn hóa của chính quyền Xô Viết lên án gắt gao, các tác giả chiếm giải phần đông, với lý do này hay lý do khác, đều bị khép vào các tội chính trị, phá hoại chế độ, phản bội tổ quốc, hay có lợi cho Tư bản vãn vãn, ngoại trừ một vài người, như Mikhail Chokhov nhà văn chiếm giải Nobel được chế độ đề cao hơn các nhà văn khác.

Sự thật thì có những tư tưởng gia lỗi lạc, những nhà văn hóa, triết gia lớn thỉnh thoảng từ chối giải Nobel, như Jean Paul-Sartre chẳng hạn. Giải thưởng Nobel thường được giao cho các nhà văn Anh, Mỹ, Pháp hơn là cho Đông

Phương. Một vài người như Tagore của Ấn độ, Kawabata của xứ mặt trời mọc chỉ là một vài vì sao le lói bên cạnh những tầm tiếng bay dậy mịt mù André Gide, Albert Camus vãn vãn... Trong các năm gần đây ban trao giải Nobel dường như muốn cho văn học thế giới cân phân, hay để cho người Á đông có tiếng nói, dù là tiếng nói đơn thuần, nhỏ nhoi của kẻ vừa thoát xiềng xích nô lệ, bại vong, được lên tiếng bày giải thân phận mình. Khía cạnh đó có lẽ được nêu lên trong các buổi hội nghị về văn hóa của các cụ Hàn Thụy Điển, đó cũng là một lý do rất giản dị của thứ tinh thần bình đẳng tương trợ. Hay là các cụ Hàn họ đã chán cái thứ văn nghệ Âu Mỹ đầy rẫy dục tính, cả thứ dục tính sâu thẳm nhất trong lãnh vực siêu hình, các cụ Hàn này quay về tìm các chất liệu tươi mát của văn hóa Á đông.

Nói như vậy không có nghĩa là văn nghệ hay văn học Việt Nam, trên lãnh vực tư tưởng, thấp kém

hơn văn học nghệ thuật của thế giới. Cả về văn, về thơ và các tác phẩm triết học xưa nay. Nói như thế cũng không có nghĩa là dựa theo lịch sử chiến đấu bốn ngàn năm của dân tộc đầu. Thứ nhất là đằng sau những văn thơ lục bát, vòm tư tưởng của nghệ thuật ẩn hiện không cách gì người ngoại quốc có thể cảm thông đến được.

Năm nay các cụ Hàn Thụy Điền vừa gây ra xôn xao dư luận trong giới văn nghệ miền Nam Việt Nam, với một văn thư gởi cho Hội Văn Bút đề nghị hội này chọn dùm tác phẩm gởi đi dự giải Nobel.

Hội Văn Bút từ lâu đã tham gia nhiều cuộc viễn du mang chuông đi đánh xứ người, nhất là các cụ Vũ hoàng Chương, Thanh Lăng, sau này thêm một số nhân tài mới dự hội văn hóa ở Đại hàn với các anh Nguyễn Sa, Trần Dạ Từ v.v. Riêng nhà thơ Nguyễn Sa về đã có bài tường thuật lai rai đăng ở báo Trình Bày với các câu chuyện... Đông Du Ký.

Sự thật thì chẳng ai rõ lắm về các hoạt động của các nhà văn ra ngoại quốc, những thành quả thiếu phổ biến, không được chính quyền lẫn báo chí tư nhân quan tâm.

Vì vậy mà các giới văn nghệ trẻ, tương lai mù mịt ở xứ ta vẫn mù tịt với các buổi hội nghị, và không được theo dõi các diễn biến tốt xấu của các nhân vật đi dự hội nghị về văn hóa, có thể nói, đối với quốc tế họ là đại diện cho các nhà văn nhà thơ Việt. Còn ở Việt Nam thời khác...

Mặc cho một vài sự bàn tán, ít ra cũng bàn tán về văn học nghệ thuật ở cái xứ dẫu sôi lửa phỏng này của văn nghệ giới, chánh quyền cũng không hề do đó là gây nên một vài phong trào yêu nghệ thuật phổ biến và nâng đỡ nghệ thuật. Nghĩa là công tác đi về ăn ở của các nhà văn của hội Văn Bút, những kết quả tốt xấu, những tương lai hậu quả về văn hóa của những người làm văn hóa không được mấy chú trọng, mặc dầu văn học nghệ thuật là sinh khí của dân tộc.

Cho đến nay, sự hoạt động văn hóa của hội Văn Bút đã gây được một sự chú ý của các cụ Hàn Thụy Điền. Giải Nobel rất quan trọng, rất tầm tiếng, rất có lợi cho công cuộc tranh đấu về văn hóa với địch, với bạn, nêu cao danh nghĩa VN với quốc tế, cũng không nghe có một tiếng nói một góp sức nào tạo nên hoàn cảnh thuận tiện cho những Nhà Văn Chân Chính. Lịch sử Việt Nam không phải chỉ tiến triển ở chiến tranh, chiến tranh càng khốc liệt, thì dân tộc càng gian lao nguy hiểm và chết chóc hận thù. Lịch sử dân tộc càng nhờ văn hóa đi lên, những kẻ yêu quê hương phải là những nhà văn hóa chân chính.

Không phải dân tộc Việt, có bao nhiêu ngàn năm lịch sử, phải cần ở một cái giải Nobel mới sáng tỏ giá trị văn học nghệ thuật của mình. Nhưng, dù sao giải Nobel, hay các tác phẩm dự giải Nobel, của một thế giới cần sự phổ trương, dù là phổ trương tài đức, cũng nên xem nó như là

□ Xem tiếp trang 27



Một Phòng Thí Nghiệm Sống Về Hóa Học

● Nhà bác học Spallanzani là người đầu tiên chứng minh nhiệm vụ của bao tử có tính cách hóa học chứ không phải cơ học.

● LƯƠNG THẾ ĐÔNG

BAO tử hay dạ dày, nằm ở giữa ống thực quản và ruột đầu, là một cơ quan có hình một túi noãn. Thề tích của túi không nhất định, nó thay đổi tùy theo tuổi tác, giống phái của mỗi người, tăng hay giảm tùy thực số lượng ăn nuốt vào.

Những nhà thông thái thời Thượng Cổ, mặc dầu đã hết sức tìm kiếm, vẫn không thể xác định những nhiệm vụ tế nhị của cơ quan này. Cho đến thế kỷ thứ 18, nhờ nhà bác vật Lazaro Spallanzani, một trong những nhà khai sáng môn sinh lý học, mà vấn đề ấy tiên được một bước quan trọng. Bao tử, với nhiệm vụ tiêu hóa thức ăn, đã là đầu đề cho biết bao nhiêu cuộc tranh luận gay go giữa hai trường phái chống đối nhau. Trường phái thứ nhất cho rằng bao

tử có nhiệm vụ thuần túy cơ học, trường phái thứ hai cho rằng đó là nhiệm vụ hoàn toàn có tính cách hóa học. Chính ông Spallanzani đã làm thí nghiệm để giải quyết vấn đề trên. Ông cho những con gà nuốt những hạt chì rồi sau đó chờ cho chúng bài tiết những hạt chì ấy ra để quan sát. Ông nhận thấy những hạt này không còn tròn như trước nữa, nhưng chỉ hơi bị dẹp đi một tí, chứng tỏ chúng đã phải chịu một sức ép về cơ học hết sức nhẹ.

Như vậy ông chỉ còn phải chứng minh điều quan trọng nhất, đó là tìm hiểu nhiệm vụ hóa học của bao tử như thế nào, và chất lỏng do bao tử bài tiết ra tức là dịch vị, hoạt động như thế nào ?

Spallanzani nhớ ra rằng trẻ con đôi khi nuốt vào phải những hạt cam, hạt măng cầu, hay hạt của những trái cây khác, nhưng rồi nó cũng bài tiết ra những hạt ấy nguyên vẹn. Nhờ đó ông tự làm thí nghiệm với chính mình. Ông nhét thịt vào những cái ống nhỏ có xoi lỗ rồi nuốt những ống ấy vào sau đó khi bài tiết ra, ông có thể quan sát những tác dụng của dịch vị trên chỗ thịt ấy.

Nhưng làm thế nào để lấy được dịch vị? Ông lại làm thí nghiệm y như trước nhưng thay thế thịt bằng những miếng bọt biển nhỏ. Nhờ đó ông lấy dịch vị thấm vào bọt biển ấy. Sau đó ông cho dịch vị ấy vào một cái bình rồi thêm vào đó thịt nghiền nát rồi cặp cái bình ấy dưới nách trong vài giờ để giữ cho nó có nhiệt độ của cơ thể.

Sau đó, ông hết sức hài lòng vì đã có thể trình bày cho mỗi người thấy rằng thật ấy đã tiêu tan hết mà không ai có thể chối cãi. Như thế nhiệm vụ hàng đầu của bao tử là một nhiệm vụ hóa học. Chúng ta biết rằng bao tử gồm có hai lỗ thoát, một ở phía trên gọi là đầu vị thông với ống thực quản, một ở phía dưới, tức là hậu vị thông với ruột.

Đầu vị và hậu vị luôn luôn mở rộng khi bao tử trống rỗng nhưng sẽ tự động đóng lại khi bao tử làm việc, chỉ để lọt qua những thức ăn nuốt vào trong vài lúc nào đó thôi khi đói, bao tử bắt động và thu nhỏ lại trong khi màng nhầy bên trong của nó có màu xám và giống như bị vỡ nhàu. Nhưng ngay khi thức ăn vừa vào đến miệng hoặc có khi vừa nhìn thấy

thức ăn là màng nhầy bao tử liền dãn ra, lấy lại màu hồng và đồng thời dịch vị được tiết ra bởi năm triệu tuyến bài tiết. Số dịch vị này tính ra có thể lên đến từ 5 đến 7 ký lô mỗi ngày, tức hơn một ký lô mỗi bữa ăn. Dịch vị tiết ra sau đó đi vào ruột cùng với thức ăn để được hấp thụ bởi máu. Nó được dùng như là một nguyên liệu để tinh luyện dịch vị một lần nữa. Nhiệm vụ này có tầm quan trọng rất lớn, sau đó các nhà sinh lý học đã đi đến việc thí nghiệm bằng cách cắt ngang hậu vị và đầu vị nối lại với nhau, tách rời bao tử với phần còn lại của ống tiêu hóa, nơi cũng có nhiệm vụ tiết ra dịch vị.

Nhà sinh lý học và vật lý học Blondlot de Nancy đã làm thí nghiệm như sau để lấy dịch vị của một con chó. Ông mở cổ chó cắt ngang ống thực quản rồi kéo hai đầu ống chia ra phía cổ. Khi con chó ăn rồi nuốt vào, thức ăn sẽ thoát ra ngoài bằng đường ở cổ còn dịch vị tiết ra được hứng vào một cái bình bằng cao su nối liền với bao tử ở phía dưới bụng.

Trong khi khoa sinh lý học càng ngày càng hoàn hảo hơn nhờ những phương pháp mới, thì bên cạnh đó, khoa hoá học phân tích chắt dịch vị, chất này có vẻ giống như nước nhưng bay mùi khác nhau tùy theo loại thú vật. Chất lỏng này có chất a cit và cứ 1000 gôram dịch vị thì có 994 gôram nước nguyên chất, 2 gôram chlorure de sodium và phosphate de calcium, từ 2 đến 4 gôram acide chlorhydrique, trong khi đó người ta tìm ra một số lượng nhỏ ba chất có chất

đam, đó là những chất men: pepsine, ngưng nhũ tố pécnoze có nhiệm vụ làm đông đặc chất sữa và chất tiêu chí tố (lipase) dùng để làm tan bã chất mỡ.

Quan sát hoạt động của bao tử bằng quang tuyến X

Ngày nay nhờ có quang tuyến X người ta đã có thể kiểm soát hoạt động của bao tử mà không cần phải giải phẫu. Người được thí nghiệm sẽ uống một chất thuốc màu trắng căn bản là Bismuth bởi vì quang tuyến X xuyên qua chất Pismuth. Như thế chu vi bao tử sẽ bị cắt bởi bóng tối, trên màn ảnh sáng và người ta có thể quan sát mọi động tác của nó. Sau đây là những gì đã xảy ra trong cái phòng thí nghiệm huyền bí đó: Màng nhầy dãn ra, trở thành màu hồng và được bao phủ bởi vô số giọt nước. Để cho thức ăn thấm nhiều dịch vị và không mất mát gì cả, nó sẽ được nhào trộn thật mạnh giống như một người nội trợ nhào bột để làm bánh. Nếu chúng ta quan sát con đường thức ăn đi vào bao tử chúng ta sẽ thấy nó bị kích thích bởi những sự co thắt từ đầu vị tới hậu vị. Trở lại với Acide chlorhydrique, bao tử chúng ta đã chế tạo ra chất acid này rất lâu trước khi có kỹ nghệ hóa học. Acrid chlorhydrique là một chất có khả năng tiêu hủy tất cả mọi vị khuẩn trong thức ăn có căn bản là chất thối. Mỗi ngày nhờ tác dụng trên mà chúng ta tiêu diệt được những kẻ thù tuy

không trông thấy nhưng đó là nguyên do gây ra cái chết cho con người. Acide chlorhydrique là một đồng minh của chất pepsine, vì nó giúp chất này tiêu hóa chất thịt, trứng, phốt phát và chuẩn bị cho những chất này đi vào máu và nhập vào sự tuần hoàn của cơ thể để biến thành thịt.

Lúc đó hậu vị mở ra để cho đợt peptone đầu tiên đi qua và đóng lại ngay tức khắc để những chất còn lại khỏi chạy ra hết; trong thời gian đó chất acide có trung hòa tính. Nhờ đó chất ngưng nhũ tố (pécnoze) hoàn tất nhiệm vụ tiêu hóa chất sữa.

Một điều khá đặc biệt là ở các trẻ sơ sinh chỉ bú sữa không thôi, thiên nhiên không tạo ra chất pepsine trong người chúng vì chất đó vô ích đối với người không ăn thịt.

Cuối cùng chúng ta hãy xem những gì xảy ra cho việc tiêu hóa các chất mỡ. Chúng ở rất lâu trong bao tử, có khi nhiều giờ liên tiếp, vì chúng đòi hỏi một công việc rắc rối nhất. Chất mỡ được cấu tạo bởi acide và glycéri-ne hợp lại vì thế chúng không thể hòa tan được để thấm vào các niêm dịch để vào máu. Lúc đó sẽ cần đến chất lipase, chất này chỉ có tác dụng trên những chất mỡ hay uñh tương thí dụ như trứng đồ, sữa phân tách mỗi giọt mỡ thành acide và glycéri-ne để có thể hòa tan.

Những thức ăn nuốt vào sau khi đã trải qua những động tác khác nhau, cuối cùng đã bị tiêu hóa: Khi chịu ảnh hưởng của ruột lại trở thành dưỡng trấp có thể được hấp thụ vào máu. ☐ ☐



Mishima Dưới Mắt Hai Nhà Văn Nhật Bản

• CHU VĂN LỘC
(Sendai-Japan)

NHÀ văn Mishima Yukio tên thật là Hiraoka Kimitake, xuất thân trong một gia đình quyền quý. Tổ phụ ông là vị thống đốc đầu tiên của miền Nam Sakhalin còn thân phụ thì đã có lần đảm nhiệm chức Giám Đốc Sở Ngư Nghiệp thuộc bộ Canh Nông và Lâm Nghiệp. Thuở nhỏ, ông học ở Gakushuin, một trường dành cho con cháu Hoàng gia và quý tộc. Xanh xao, yếu đuối nhưng rất thông minh, cậu học trò Mishima được phần thưởng danh dự về văn chương ở năm cuối ban trung học. Phần thưởng này gồm một đồng hồ vàng và một chuyến viếng thăm Hoàng cung. Sau này, Mishima vẫn nhắc đến phần thưởng này với vẻ hãnh diện. Học xong trung học, Mishima thi vào ban Luật Khoa của Đông Kinh Đế Quốc Đại học (Tokyo Teikoku Daigaku) rồi tốt nghiệp với bằng cử nhân luật khoa tại trường này (cho tới ngày nay, ban Luật Khoa của đại học đường Đông Kinh vẫn được coi là nơi đào tạo giới élite lãnh đạo Nhật trong các lãnh vực chính trị, kinh tế. Có con thì đổ vào ban Luật Khoa của Đại học Đông Kinh là một vinh dự lớn đối với gia đình người Nhật).

Mishima bắt đầu viết văn từ lúc mười ba tuổi. May mắn, ông được vị giáo sư văn chương Nhật ở Gakushuin khuyến khích và nhắc là giúp cho bài của ông đăng tải trong báo Bungei Bunka (Văn Nghệ Văn Hóa). Vị giáo sư đó là Shimizu Fumio, biên tập viên của Bungei Bunka. Dần dần, Mishima trở nên nhà văn nổi danh ở Nhật bản. Các

tác phẩm của ông được dịch ra Anh Ngữ và rất được độc giả Âu Mỹ ưa chuộng. Nếu không tự sát, rất có thể ông sẽ được giải thưởng Nobel. Tháng mười một năm ngoái, ông tự sát theo nghi thức Võ Sĩ đạo để kêu gọi Tự Vệ Đội Nhật đảo chánh. Lời kêu gọi bất thành và nhiều nhà phê bình nghĩa rằng cái chết của Mishima có ý nghĩa văn học hơn là chính trị. Mishima là một nhà văn, một nho sĩ đồ đệ của tư tưởng Vương Dương Minh nên không thể thích hợp với xã hội bị Âu hóa (đúng hơn là Mỹ hóa) quá nhiều của Nhật bản ngày nay.

Đề bạn đọc tìm hiểu thêm về cái chết của Mishima, tôi lược dịch hai bài phê bình của hai nhà văn Nhật đăng trong tuần báo Nhật Ngữ Sande Mainichi (Mainichi chủ nhật — Sande là tiếng Sunday bị Nhật hóa).

Nhà văn Matsubara Shinichi là một phê bình gia văn học nên ông nhìn hành động của Mishima như có liên hệ với tiểu thuyết Kinkakuji (Ngôi chùa vàng). Ông viết : «Sau thế chiến thứ hai, tôi bắt đầu bước vào làng văn. Thời kỳ này được đánh dấu bằng « văn chương hậu chiến ». Đứng trên phương diện triết học và văn học tôi không có mỹ cảm chi đối với thứ văn chương đó. Vì đấy chỉ là sức sống quay cuồng của các nhà văn có khuynh hướng triết học khác nhau. Dĩ nhiên, tôi cảm thấy cô đơn. Mishima cũng thế.

Mishima diễn tả tư tưởng của ông trong cuốn Hagakure và định nghĩa võ sĩ đạo như một ý niệm dính liền với cái chết. Ý niệm này

trái hẳn với quan niệm thời hậu chiến rằng sự bảo tồn phần xác thịt của con người là quyền tối thượng của tất cả chúng ta. Tôi muốn coi Kinkakuji như một tác phẩm diễn tả rõ rệt nhất quan niệm về cái chết của nhà văn Mishima. Mishima đã cho nhân vật chính của Kinkakuji nói : «Tôi phải nói rõ sự bại trận có ý nghĩa nào đối với tôi. Đó không là sự giải phóng. Không, chắc chắn đó không là sự giải phóng. Đó không là gì khác hơn là sự trở về với trạng thái vô thường của Phật giáo».

Đối với xã hội Nhật nói chung, sự chấm dứt thế chiến thứ hai có nghĩa của một sự thay đổi từ thời kỳ đàn áp sang thời kỳ được giải thoát. Nhưng đối với Mishima đó không là sự giải thoát. Đó là sự chán chường đối với ông. Ở điểm này, lập trường của ông hoàn toàn bị coi như đối lập với xã hội hậu chiến Nhật bản.

Tại sao hậu chiến không thể là thời kỳ giải thoát đối với Mishima? Thường thường, thanh niên nào cũng khao khát đi tìm Tuyệt Đối. Khuynh hướng này mạnh nhất trong đám thanh niên thời chiến. Mishima không thích ứng với xã hội hậu chiến vì ông bị Tuyệt Đối thu hút bằng cường độ quá cao.

Trong Kinkakuji, ngôi chùa vàng, hay đúng hơn cái Đẹp của ngôi chùa, giữ vai trò của Tuyệt Đối. Nhân vật chính thấy lúc nào mình cũng bị ảo ảnh của ngôi chùa làm bắt lức. Ngay cả khi giao thiệp với đàn bà, anh cũng thấy hình ảnh ngôi chùa hiện ra để ngăn cách với người con gái ấy.

Anh muốn được chết cùng với

ngôi chùa nếu nó bị bom tàn phá. Chiến tranh chấm dứt và ngôi chùa còn nguyên vẹn. Anh phải tự tay đốt nó để trốn chạy hậu quả bại hoại của Tuyệt Đối. Đốt xong, anh leo lên một ngọn đồi nhìn lửa bùng lên.

Qua Kinkakuji ta thấy rõ ràng là Mishima đã cố cưỡng lại tiếng gọi của Tuyệt Đối để trở về thế giới của những người bình thường. Đốt ngôi chùa là phủ nhận Tuyệt Đối, là trốn chạy nó.

Nhân vật trong Kinkakuji thấy sự "gặp gỡ" phụ nữ bị ảo ảnh của ngôi chùa cản trở. Còn Mishima lúc nào cũng không giao tiếp bình thường với xã hội hậu chiến vì bị hình ảnh của Tuyệt Đối thu hút. Nhân vật trong Kinkakuji đã thành công trong việc đốt ngôi chùa, còn Mishima? Ông đã thất bại và tự sát ».

Sự tự sát của Mishima có ảnh hưởng nào đối với quần chúng Nhật? Còn sớm quá để trả lời câu hỏi này nhất là khi không có một cuộc thăm dò dư luận về vấn đề này. Nhưng chắc chắn, nhà văn Mishima đã gây xúc động cho nhiều người, điển hình là Hayashi Fusao, một tiểu thuyết gia có uy tín. Hayashi nói ông đã đọc Mishima rất nhiều và hiểu rõ ý định Mishima: "Tôi tự coi mình như một trong những bạn thân của Mishima. Thỉnh thoảng, anh viết thư thăm tôi và tôi cũng có dịp gặp nói chuyện với anh hoài. Tôi đọc truyện của anh và được mời coi diễn hành của đoàn quân do anh tổ chức. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy con người anh rất khó hiểu. Hành động chấm dứt cuộc đời anh đã

vén màn bí mật. Thật như tiếng sét ngang tai. Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ, tôi tự nhủ: "Thôi, Mishima đã mất. Chúng ta đã mất một thiên tài. Anh đã sống huy hoàng. Anh đã chết huy hoàng. Anh đã tự làm anh toàn bích. Một người tự mình dám nói đến sự điên dại thì không thể bị coi là điên. Cái chết của anh là do lòng ái quốc chân thành thúc đẩy. Nếu Mishima là một người cuồng tín thì đây không là trường hợp cuồng tín bệnh hoạn.

Tôi bắt đầu quen với Mishima từ thời hậu chiến. Mặc dù tôi lớn hơn Mishima hai mươi hai tuổi, cố coi Mishima như bạn đồng niên hoặc như senpai (tiền bối) của tôi.

Chưa bao giờ tôi có một Kohai (hậu bối) lễ phép như Mishima. Mỗi năm vào ngày mồng hai tết, Mishima đều lại thăm tôi trước khi đi thăm Kawabata Yasunari (nhà văn được giải Nobel). Lễ này kéo dài bảy, tám năm cho tới khi tôi bảo anh bỏ lễ ấy đi. Anh đồng ý nhưng lúc nào cũng lễ phép và kính nể tôi.

Những nhà lãnh đạo của chúng ta ghét Mishima nên bảo rằng Mishima mất trí và nói rằng Mishima không có ảnh hưởng gì đối với thanh niên trẻ. Chỉ một tuần sau khi Mishima tự sát, ta đã thấy điều đó không đúng chút nào. Những người tin rằng Mishima có một trạng thái tâm lý bình thường, nhưng bị xúc động nhiều nhất là những người trên dưới hai mươi tuổi. Ta chẳng cần trông đợi gì một loạt phản ứng. Tuy nhiên, cái chết của Mishima đã đánh thức các nhà lãnh đạo

chúng ta, những người vì bị chóa mắt bởi sự phình gạc của Hiến pháp Hòa Bình đã biến xứ sở đẹp đẻ này thành một con vật kinh tởm.

Cái chết của Mishima và đồ đệ trẻ của anh là những sự hy sinh quý giá nhất để cản ngăn Nhật Bản xuống dốc »

Trong lịch sử văn học Nhật bản, Mishima đã và sẽ là đề tài của những cuộc thảo luận sôi nổi. Mỗi phê bình gia có quan niệm riêng vì mỗi người nhìn Mishima dưới một khía cạnh khác nhau. Và nguyên do thúc đẩy Mishima tới cái chết vẫn là một bí ẩn đối với chúng ta. ■ ■

Giải Nobel và...

□ Tiếp theo trang 20

một cuộc triển lãm cần phải có sự chăm sóc.

Văn nghệ giới, chín mươi chín phần trăm là chịu thiệt thòi trước bạo lực, trước thế khuynh đảo của kim tiền, chỉ có những kẻ buôn bán văn nghệ phàm, những kẻ áp phe giời trong khi làm văn nghệ mới đủ sức vươn lên để có tiếng vang tạo nên thế lực để được dự giải Nobel Ngoài ra những tâm hồn văn nghệ lớn lao, không bao giờ được nhìn thấy, và không bao giờ được sự nâng đỡ xứng đáng, mà chỉ được những sự chế riễu và thiệt thòi ■ ■



Anh đã nói với em đừng có mời gia đình ông ta dùng cơm, mà em không chịu nghe

xứ thùy dương

o HỒNG PHONG



LÀ I một lần nắng hạ trở về, một lần du khách lên đường hóng mát, nhất là người giàu, kẻ rỗi và khách lãng du. Những nơi mà họ thường đến nhất là Vũng Tàu, Đà Lạt và Nha Trang, trong số đó, Nha Trang đã đứng hàng đầu.

Nơi đây không sương mờ giăng thấp, không có khí lạnh tê tái, miên man xâm nhập vào người. Và, cũng không xe cộ rợp đường hay phù phiếm, xa hoa giả tạo. Ngược lại, chỉ có một sự đơn giản, dịu dàng, một vẻ đẹp như tất cả trình nguyên, một sự trong sáng, hiền hòa tựa hồ đôi mắt đen xanh của thiếu nữ Thượng trong rừng. Đôi mắt đó là bầu trời xanh biếc, là nước biển xanh lơ, là tiếng thùy

dương vi vút, là bãi cát trải dài với muôn tà áo phất phơ. Cái tên, «Miền Thùy Dương Cát Trắng» có lẽ đã phát xuất từ những thành tới đó. Và, cũng chính vẻ đẹp này đã làm nhiều người chỉ biết có tên phố thị mà quên hẳn tỉnh Khánh Hòa, nơi có nhiều danh lam, thắng cảnh có muối mặn, yển sào, có sò, huyết và một thứ nem chả tuyệt vời

Những ai đã một lần đi thăm miền Trung mà không ghé lại thành phố đó? Những ai đã từng sống nơi đây mà không biết muôn cảnh thiên nhiên, những tên Hòn Chồng, Tháp Bà, Cam Ranh đã đi vào lịch sử dân Việt?

Trong những ngày dừng bước lãng du và sống một thời gian trên

quê hương đó, người viết bài này đã được dịp thưởng thức một phần nào vẻ đẹp vô giá của xứ non nước hữu tình này, mà dưới đây là những hình ảnh chính.

Bãi biển Nha Trang

Văn trắng hạ tuần bắt đầu nhô lên khỏi núi, ánh sáng lung linh chỉ đủ để biển vũng nước giữa khơi thành một khối Kim Cương không lờ. Một con thuyền nhỏ vô tình rơi vào vùng thấp sáng như cánh bướm chập chờn, như một lần bám víu để lẩn về cuộc sống. Mặt nước bao la, núi đồi xa tít trong lớp sương mờ, tựa hồ sự trợ vờ, lạc bước trước cảnh mênh mông. Sóng biển vẫn vô tình, vẫn ru buồn giấc ngủ... một con thuyền.

Thanh Hùng rút một khối thuốc dài, đặt tách café xuống bàn, hỏi tôi:

— Mày muốn thành Lý Bạch rồi sao?

Tôi bỗng giật mình như vừa tỉnh giấc mơ hoa rồi đáp lại bằng khối thuốc dài và hộp café thật lớn. Bây giờ, ánh trăng đã tìm đến bọn tôi, nó đến một cách lén lút nhẹ nhàng, sau khi đã xuyên qua kẽ lá của bụi dừa con mà chúng tôi ngồi dưới gốc. Nhờ ánh sáng đó, chúng tôi đã nom rõ từng cặp tình nhân đang chụm đầu trong quán nước, vô vãn cặp khác đang trao trọn linh hồn cho nhau trên bãi cát trải dài. Họ đã quên cả trăng lên, quên tiếng sóng vỗ vào bờ và, nhất là khí mát hơn lên da họ cũng đã trở thành vô nghĩa... Bỗng tiếng máy vang lên: «Mùa thu đã chết, em nhớ cho, mùa thu

đã chết, em nhớ cho...», Hùng bèn đứng dậy bảo tôi:

— Mùa thu không chết, mùa thu vẫn còn xa, ve vẫn gọi vào hè, em vẫn còn ngồi đó, trăng vẫn còn lên, tất cả còn đó, sóng đàn còn đó, tiếng vang rền còn đó, hãy còn... hãy yêu...

Chúng tôi từ già quán số 7, quán trung tâm của bãi biển, thả bộ trên cát, hướng về phía Cầu Đá. Bãi cát lúc này đông nghẹt những người, kẻ ngồi, người nằm, có người đem cả gia đình. Sóng biển rào rạt vỗ vào bờ tạo thành khúc nhạc nhẹ nhàng lúc khoan, lúc nhặt. Trước mặt chúng tôi, độ ba cây số ngàn theo đường chim bay là một thế giới toàn đèn sáng rực, được tạo thành từng khối lớn nối tiếp, xen kẽ nhau chiếm cả vùng mép biển, đó chính là Cầu Đá với những chiếc tàu thủy khổng lồ.

Hơn một giờ sau, chúng tôi đến vùng trồng rất nhiều cây dương in bóng mờ mờ trên nền trời sẫm, nơi đây gần cửa phi trường. Dương không cao lắm nhưng cành lá sum sê, la đà trên cát, làm nơi ẩn náu kín đáo của bao cặp tình nhân. Tiếng dương thì thầm như tí tê, như ân ái như mật ngọt cuộc tình đang rót cho nhau một cách tràn đầy. Họ đang tràn đầy thật sự, cao hơn thủy triều dâng, vạn vật chung quanh họ là cõi chết, là vô hình trong bóng tối. Bởi vậy, chúng tôi dẫm chân lên họ mà không một ai hề hay biết. Nơi này được mệnh danh là vũ trụ của tình ái, chúng tôi đã xâm phạm thế giới đó một cách bất hợp pháp!

Trăng về khuya càng lên, ánh sáng bàng bạc như hồ luyến ái,

biển mặt biển thành khối thủy ngân vĩ đại chưa từng thấy. Hơi lạnh của đêm hè kéo về để xua đuổi khách thập phương.

Những quán nước bắt đầu thừa khách, mấy xe sinh tố bên vườn chơi trẻ em lo thu xếp về nhà, ánh đèn ném từ các trụ điện rọi xuống con đường Duy Tân bằng tất cả cô quạnh!

Du khách muốn đến bãi biển Nha Trang, nếu từ trung tâm thành phố phải đi hết con đường Phan Bội Châu, rẽ sang phải đến đường Phan Chu Trinh, trực chỉ hướng đông độ 500 thước sẽ đến biển, Bãi biển bắt đầu từ tòa Hành Chánh Khánh Hòa, chạy về hướng Nam trên 5 cây số ngàn; song song với đường Duy Tân. Bãi biển rộng chừng 80 thước, theo chiều ngang được chia làm hai phần, phần trên tiếp giáp đường Duy Tân là vùng cát bằng phẳng với những quán nước, quán nhậu cội dừa xanh và nhiều gốc dương già. Phần dưới làm toàn cát trắng và mịn, sạch, nghiêng dần xuống nước như một mái nhà tôle.

Theo chiều dọc, bắt đầu ty Bru Điện chạy đến Cầu Đá tạm chia làm bốn phần khác nhau:

Đoạn từ ty Bru Điện đến Hotel King Duy Tân tức tiếp giáp đường Bà Đa Lộ gồm những cái Bar nổi tiệp, núp dưới bóng dừa và dương mát. Trước mặt King Duy Tân là phòng Thông Tin đọc sách do Đại Hàn xây cất, sát vách có vườn chơi trẻ em đủ tất cả toại xích đu, kể đến là những xe sinh tố, nơi đây về mùa hè đông nghẹt những người trai tài gái sắc, khoe mau, khoe mode tựa hồ đám hội Du khách lần

đầu đến đây sẽ không khỏi thấy lòng mình bỗng dưng nào nức, một niềm tươi vui xuất hiện, một sự sung sướng tràn đầy, dù là kẻ chán đời cũng có thể nhậ được sự sống một cách hồn nhiên. Ngoài ra, trước mặt tòa Hành chánh còn có Công viên Yến Phi, Yến Phi là tên cô Đào thị Yến Phi 17 tuổi đã tự thiêu để tranh đấu cho Đạo Pháp năm 1964. Công viên nhỏ đơn sơ, gần cơ quan công quyền nên không được du khách lưu ý.

Đoạn hai từ King Duy Tân đến Đại khách sạn (Grand Hotel), nơi nghỉ mát và trú ngụ của Tướng, Tá Mỹ). Khoảng này có vài Bar thừa thớt, đặc biệt trên vùng đất bằng sắt lộ có những cội dương già nhưng, gốc không to lắm, được cắt xén bằng phẳng tạo thành những chiếc lọng to tương cho du khách ngồi mát. Gần giáp Đại khách sạn một công viên ngoạn mục có ghề đá, có hồ nước với vòi phun Nơi đây là chỗ chụp hình lý tưởng cho du khách.

Đoạn ba, từ Đại khách sạn đến trước mặt công viên phi trường là bãi cát hoang vu, rừng dương cao vút, bóng mát um tùm, trai gái lấy nơi đây hẹn hò, tình tứ cho được kín đáo, tự nhiên và, cũng dễ nhờ tiếng dương reo, ru tròn giấc ngủ cuộc tình. Tuy nhiên, kể từ ngày Phế binh cấm dùi đến nay, anh em Phế binh đã biến gần hết vùng này làm nơi trú ngụ, thương mại.

Đoạn bốn từ công viên phi trường chạy đến cầu đá, khoảng đầu là bãi tắm của Mỹ, tiếp đến vùng Hải quân và cầu tàu, căn cứ Mỹ.

Những Bar dọc theo bờ biển

được đánh số từ 1 đến 11, ngày xưa chiều dài viên của Bar là nữ; bây giờ chỉ toàn bồi bàn nam giới, bởi vậy nó chỉ là quán giải khát, ăn và nhậu mà thôi.

Dọc theo bờ biển, con đường Duy Tân chạy dài thẳng tắp, rải nhựa cẩn thận và chia làm hai chiều. Giữa đường là những bồn cỏ bầu dục, có dương thấp cát bằng, có vài ba cây bàng cao rợp bóng. Mé trong của đường là lâu đài trắng lè, có vườn rộng cây cao, huyết Phượng chất đầy. Đặc biệt nhất là viện Pasteur, gần đầu đường, một ngôi nhà đồ sộ, kiến trúc tối tân với khu vườn rộng nuôi đủ loại gia súc để thí nghiệm. Viện Pasteur được Bác sĩ Yersin thành lập năm 1890, đến nay trải qua bao cuộc sửa đổi.

Mùa hè năm nay, biển Nha Trang đông hơn hội chợ. Chủ nhật vừa rồi, tôi đã có dịp tắm ở đó, chẳng khác nào cuộc bơi lội giữa biển người, trai gái chen nhau dưới nước, một cánh nhộn nhịp khác thường từ sáng đến chiều. Đặc biệt nhất là những chiếc thuyền độc mộc với cánh bướm màu lênh đênh ngoài xa như bướm đậu, những chiếc canot tắm bay tít trên mặt nước làm thành làn sóng bạc trắng xóa.

Nhưng rồi Nha Trang không phải chỉ có biển cả, cát trắng, dẫy thủy dương mà ngược lại còn nhiều thắng cảnh khác, bao sự tích lý kỳ Biển Nha Trang, chỉ là cái đẹp trong muôn ngàn cái đẹp, một nét điểm kiêu trong muôn nét điểm kiêu, một nụ cười, một màu tươi trong vạn khối đang tươi. Thật vậy, người ta chỉ cần tìm hiểu hai

tiếng Nha Trang cũng đủ thể hiện vẻ đẹp vô vàn, đẹp của một trang sử hiển hách, của sông núi hùng vĩ bao la.

Nha Trang nguyên thủy là xứ của dân Hời, bởi vậy có người cho rằng từ tiếng Yjatron mà ra. (1). Và rồi, lại có một số quan niệm khác cho rằng do chữ Ja-Ja-Dikrom, sự biến thái từ chữ phạn Yatakraman Ja là nước, sông, Krom là tre và, Di là thuộc về, có nghĩa mảnh đất này thuộc về sông tre, tức sông Nha Trang có bờ tre rữ bóng.

Chính cái lịch sử xa xưa đó, bây giờ chúng ta mới có Tháp-Bà ngoạn mục với những truyền thuyết ly kỳ.

Tháp Bà

Chín giờ sáng sương vẫn còn giăng thấp, tiết trời mùa xuân ấm áp lạ thường. Nga trao chiếc máy ảnh cho tôi vì đã thấm mệt sau một hồi leo lên mấy mươi bậc cấp khá cao. Sân tháp bây giờ đã đông nghẹt những người, khói hương từ trong tháp tỏa ra, lan rộng, quyện vào hơi sương trông mờ ảo, huyền hoặc lạ thường. Đã bao mùa xuân viếng tháp, lúc nào cũng thế, vẫn cảnh người tấp nập, già trẻ, gái trai, rục rờ muôn màu. Và, nhất là đây người hành khất lại càng sẵn sàng hơn nữa nơi hai bên bậc cấp thành hai hàng dài, bằng một sự van lơn, nỗi lòng da diết, khẩn khoản, đôi khi họ lại chấp tay vái lạy khách thập phương. Than ôi! họ xin được gì,

1) Yjatron : Sông lan.

hy vọng chỉ làm bằng thất vọng. Cái mộng ước bình thường, giản dị của họ là một số tiền nhỏ mọn để ấm lòng giữa ngày xuân, để có nén hương thắp lên bàn thờ, để sưởi ấm những linh hồn xấu số, thân yêu của họ đã bị bệnh tật, chiến tranh cướp mất, nhưng nào có được ! Đã bao lần bọn tôi đứng trông, bao lần nhìn nơi đôi mắt họ một sự thất vọng nặng nề trên một niềm hy vọng...

Nhưng thôi, đến Tháp Bà không phải để nhìn những con người khổ khổ đó, vì bọn tôi cũng chỉ là kẻ tầm thường như muôn kẻ tầm thường, có đứng than và trách thì biết Bà có linh mà chứng kiến cho không ? ! Bởi vậy, chúng tôi liền trở về với thực tại trong cảnh du xuân.

Vòm trời bây giờ đã lên cao, trước mặt tháp là mặt biển xanh phẳng lặng như tờ. Những chiếc ghe thuyền đậu san sát nơi bến cá xóm Bông như đang chuyển sức sống cho nhau giữa ngày xuân.

Hòn Chữ giữa lòng sông cái, gần cầu Bông cũng có một số người đang đứng thấp hương. Đó là một cụm đá lớn, nổi lên giữa cửa sông, nhấp nhô, gập gềnh, giữa có một tảng đá lớn chênh vênh, kể bên lại có cây gòn khẳm khi thưa lá. Nơi tảng đá này dân làng có lập cái miếu để thờ. Tục gọi Hòn Chữ vì trên tảng đá đó có loại cổ ngữ lún vào, không một ai biết loại chữ gì. Quay lại nhìn xuống phía đông nam chân tháp, một con thuyền tam bản đang xuôi giong trên mặt nước lặng yên của con sông cái bằng tất cả nhẹ nhàng như một giấc mơ, một nụ cười, một khuôn mặt khả ái của

nàng thôn nữ.

Đứng nơi đây nhìn về tứ phía thật còn gì ngoạn mục cho bằng. Tôi bỗng hỏi Nga sao dân Hời xưa kia lại lãng mạng đến thế, tìm cái ngọn đồi cao gần 40 thước để xây tháp, nhất là nơi sơn thủy hữu tình. Nàng bèn mỉm cười đáp :

— Có lẽ để Bà thần thêm nguồn thi hứng !

Và rồi, cảnh nhộn nhịp muôn người lại kéo chúng tôi trở về với thực tại, với cụm tháp uy nghiêm, sừng sững.

Tháp gần bốn ngọn, xây trên đỉnh của ngọn đồi bằng phẳng khá rộng, chung quanh tháp là cái sân đất trắng. Ngọn tháp lớn nhất thuộc hướng đông bắc, cao 23 mét, quay mặt xuống quốc lộ số 1, kể tiếp về bên phải là hai ngọn thấp, được đặt sát nhau, giữa ngọn cao và ngọn thấp có lùm hoa giấy um tùm, chi khít, quán quít trên lưng hai ngọn như một sự âu yếm, ngọt ngào đang thì thầm kể chuyện trăm năm. Ngọn thứ tư ở sau lưng ba ngọn ấy, nhỏ hơn và nhiều vết lở

Chúng tôi tiến về phía tháp, bàn thờ lộ thiên ngay trước cửa ngọn tháp lớn đã chật ních những người đứng lạy, khói hương ngùn ngụt bốc cao. Vị thần Civa bằng đá chạm trên khung cửa cũng bằng đá, vẫn như ngày nào, vẫn bốn cạnh tay, vẫn một chân đạp lên mình con thú dị hình, chân khác múa rối giữa hai nhạc công thổi địch không có gì khác lạ. Tuy nhiên mặt người hôm nay như thể hện sự tươi vui, mãn nguyện lạ thường, có lẽ khói hương,

lòng sùng bái muôn người đã làm xúc động cả tượng đá vô tri vô giác ấy. Chúng tôi nào lạ gì bên trong cửa tháp, thế mà sự chen lấn mọi người như động cơ thúc đẩy chúng tôi chui vào trong, làm một cuộc chen lấn bái thần, xin xăm thật vô cùng hứng thú. Tượng nữ thần Thiên Y-A-Na trông có vẻ oai nghiêm, lộng lẫy khác thường trong đám khói hương mờ mịt, quanh quất không lối thoát. Bà vẫn ngồi xếp bằng trên bệ đá cao thường ngày, hai tay để ngửa trên đầu gối, 8 tay còn lại giơ cao thành hình rẽ quạt, mỗi tay cầm một món binh khí như dao, án, tên v.v..., bà đội nón ngọc niệm, mặc áo cầm bào. Tiếng chuông ngân vang, tiếng lắc ống xăng lóc cóc, nhịp nhàng, cứ tiếp tục và tiếp tục như thế.

Ra khỏi tháp, mồ hôi thấm ướt cả người. Chúng tôi đến ông thầy bàng nơi cánh hữu của hai ngọn tháp nhỏ. Hai tháp này vẫn có tượng thờ nhưng không có du khách bái lạy. Bởi vì theo một vài truyền thuyết của ngọn kế tháp lớn thờ Thái Tử Bắc Hải, ngọn tiếp theo là cha mẹ nuôi của Nữ Thần Thiên Y-A-Na, người có công nuôi

bà từ tấm bé.

Tiến ra sau tháp, những tảng đá xanh lớn chồng chất lên nhau cũng chật ních cả người. Kể đứng, người ngồi, họ thì nhau chụp hình tấp nập. Cảnh trước tháp oai nghiêm, cảnh sau lưng lại thâm u như rừng rậm với đá chất, cây cao che khuất vòm trời.

Ngoài ra, dưới chân đồi về phía trước, gần mép quốc lộ, lại có những trụ gạch dựng đứng xây theo lối tháp. Nhiều người cho rằng ngày xưa dân Chiêm dùng nó gát ván lên để làm sân khấu, nhảy múa vào ngày vía bà để thần trên nhìn xuống, dân đứng dưới trông lên.

Du khách muốn thăm Tháp Bà, từ thành phố đạp xe lam đi ra theo quốc lộ 1, qua khỏi cầu Hà Ra đến đầu cầu Xóm Bông bên ngoài, phía tay trái, trên ngọn đồi cao có cây cối um tùm, đó là Tháp Bà. Tháp Bà được xem nổi tiếng nhờ du khách đến viếng và xin xăm luôn ngày, nhất là rằm, mồng một. Nhưng, sự linh thiêng ấy từ đâu mà có, nó huyền hoặc ra sao, phải chăng đó là một mẫu huyền thoại vô cùng kỳ lạ.

□ Còn 1 kỳ



Một nhóm du khách thăm sở thú, dừng chân trước một con lạc đà. Một ông giải thích :

— Hình như con vật này có thể làm việc năm ngày liền không cần uống nước ! Bà vợ ông liền tiếp lời :

— Như vậy có gì lạ đâu ? Ông còn giỏi hơn, vì ông có thể uống trong tám ngày mà không cần làm việc !

SỰ giả hào hoa

- *Truyện của*
GUY DE MAUPASSANT
- NGUYỄN HÙNG *dịch*

TRONG lúc cao hứng anh L. một ký giả kỳ cựu kể lại một chuyện vui chung cho anh em trong tòa soạn nghe. Đây là một chuyện có thật ở tỉnh P. mười mấy năm về trước, khi anh L. còn là một Ký giả ở tỉnh. Câu chuyện bắt đầu bằng một chuyến đi Balé gọi là chuyến bỏ hàng của một thương gia có tánh « băm lăm ». Hẳn tên là M.

Bây giờ, mời các bạn theo dõi chuyến phiêu lưu của một kẻ ở tỉnh lên chốn kinh thành Ánh Sáng, một chuyến đi đầy kích thích nóng làm điên đầu và đưa đến một kết thúc tởm nhục, bi thảm.

I

« M. lên Balé mười lăm ngày, nói với vợ là đi bỏ hàng. Các anh phải biết, đối với một thương gia ở tỉnh, mười lăm ngày ở Balé là cả một thích thú to lớn. Máu nóng trong người như sôi sục. Đêm nào người ta cũng đi xem thoát y vũ, đi vũ trường. Luôn luôn đụng chạm với đàn bà con gái làm cho thần kinh căng thẳng. Người ta có thể điên lên được lắm. Điên vì người ta thấy các cô vũ nữ sexy gần như lửa lò, người ta ôm trong vòng tay những cô vũ nữ ăn mặc hở hang, ngực vung, đùi dài. Tất cả người đẹp ở những nơi giải trí đó rất gần gũi chúng ta, chỉ với tay tới là được. Những khiêu khích đó làm gia tăng sự thèm khát khiến tay chân miệng lưỡi chúng ta ngứa ngáy.

M. trải qua tình trạng đó khi ông ta mua vé xe lửa 7 giờ đêm, để trở về tỉnh nhà. Trước khi xe lăn bánh, M. nhìn lại lần chót Balé hoa lệ như tiếc rẻ những lạc thú thần tiên mà ông vừa hưởng phần nào. Bỗng ông đứng ngậy người : một thiếu phụ trẻ đang ôm một bà cụ trước khi chia tay. Ông M. lăm bằm : « Trời ơi ! người sao mà đẹp đến thế ! »

Người đẹp bước vào ga, ông M. cũng đi theo. Nàng ra ngoài chờ xe. Ông M. bám sát một bên, và lúc nàng bước lên toa xe trống, anh chàng háo sắc cũng bước theo luôn như bóng đeo sát với hình.

Chuyến xe chót thừa khách. Xe lửa kéo còi bánh xe từ từ lăn. Trong toa chỉ có hai người.

M. nhìn người đẹp trần trần. Nàng dường như mới mười chín hay đôi mươi. Người trắng, nở nang, bạo dạn. Nàng uốn hai chân đến chiếc băng ghế đầu lên xác tay, chuẩn bị ngủ.

M. nghĩ thầm « Nàng là ai ? Rồi cả ngàn ý nghĩ, à ngàn giả thuyết dồn dập trong đầu óc ông. M. nhủ thầm : « Người ta kể rất nhiều chuyện hay trên xe lửa. Có lẽ đêm nay mình gặp một chuyện hay như thế. Chắc là trời xui khiến nên mình gặp người đẹp này. Biết đâu chừng số đỏ đã về với mình ! Chỉ cần bạo dạn là được. Nhà cách mạng Danton há đã chẳng nói « Bạo dạn, bạo dạn và luôn luôn bạo dạn » hay sao ? Không chắc Danton là tác giả câu đó. Nếu không Danton thì chắc là Mirabeau. Nhưng mà không cần biết chắc điều đó. Chỉ cần biết là mình đang thiếu bạo dạn. Chỗ khó là ở đó ! A ! Nếu người ta có thể đọc được tâm hồn kẻ khác thì hay biết mấy ! Mình dám đoán chắc là mỗi ngày người ta đã bỏ qua biết bao cơ hội bằng vàng mà không hay biết ! Mình chỉ cần có một cừ chỉ nhỏ thôi để chinh phục cô nàng... »

Thế rồi ông nghĩ đến những hành động để đưa đến chiến thắng. Ông hình dung những chuyện xã giao giúp ông làm quen với người đẹp rồi hai người nói chuyện với nhau. Câu chuyện rất sôi nổi : duyên dáng về sau cùng, đi tới chỗ... mùi mẫn.

Đêm vẫn trôi từ từ và cô bé vẫn ngủ ngon lành trong khi ông M. buồn bã nghĩ đến một dịp may sắp rơi khỏi tầm tay.

Rồi hừng đông bắt đầu lộ dạng, ánh dương chiếu tia sáng đầu tiên từ chân trời. Xuyên qua cửa kính con tàu, ánh sáng ve vuốt gương mặt dịu hiền của cô bé.

Nàng giục mình, ngồi dậy, nhìn ra đồng quê rồi nhìn M. mỉm cười. Nụ cười của nàng có vẻ vui tươi và khuyến khích. Ông M. chột dạ. Không còn nghĩ ngợi gì nữa. Nụ cười đó là một lời mời mọc kín đáo, một dấu hiệu mà ông chờ đợi từ lâu. Nụ cười đó có nghĩa : « Ông ngốc quá! ông điên quá? Tại sao ông lại ngồi ngây người như một cây cọc từ đêm qua đến nay. Nè, hãy nhìn tôi. Có duyên dáng chăng? Vạy mà ông không nói một lời nào trọn một đêm dài.»

Nàng vẫn mỉm cười khi nhìn ông và nàng bắt đầu cười to lên, ông M. hoang hoang, cố tìm một lời khen để nói Nhưng ông không tìm được một lời nào. Thế rồi bỗng nhiên một sự bạo dạn xuất phát trong lòng, ông ta nghĩ thầm «Minh cứ liều.» Rồi không lên tiếng trước, ông tiến tới, mở rộng vòng tay, ôm lấy cô bé, hôn bừa lên má.

Nàng nhẩy dựng lên, kêu thét lên « cứu tôi, bỏ người ta ! ». Rồi nàng mở cửa quơ tay lia lịa. Trong lúc kinh hoàng, nàng vùng vẫy và toan ra khỏi xe. Anh chàng M. chết điếng, sợ nàng nhẩy xuống đường sắt, nắm áo nàng, ấp úng, cà lăm : « Xin cô... Xin cô... » Xe lửa chạy chậm lại rồi ngừng. Hai nhân viên Hỏa xa chạy lại tiếp cứu. Cô nàng té xối vào cánh tay vạm vỡ của họ, thều thào : « Ông đó muốn... tôi ». Rồi nàng bắt tỉnh.

Lúc bấy giờ xe lửa tới ga. Cảnh sát địa phương bắt giữ ông M. lại.

Khi nạn nhân tỉnh lại, nàng làm tờ khai-kê rõ nội vụ. Ông thương gia được phép trở về nhà sau khi đóng thuế chân tại ngoại hầu tra vì vụ này sẽ được giải tòa.

II

Bấy giờ tôi là Tổng thư ký báo X. Tôi gặp M. mỗi ngày tại quán cà phê. Qua ngày sau vụ bê bối, M. đến gặp tôi để nói chuyện xui xẻo. Tôi mắng hắn ngay : « Mày ngu như heo ! không ai làm như mày ! »

Hắn khóc mũi. Đêm qua hắn bị vợ đánh. Công việc làm ăn

của hắn kể như tàn. Tên tuổi hắn bị vùi chôn dưới biển. Bạn bè cũng xấu hổ lây, không ai thèm chào.

Thấy tình cảnh hắn quá thê thảm, tôi gọi Ký giả R. lại hỏi ý kiến. R. khuyên tôi nên đến gặp ông Biện lý, ông này là bạn của tôi. Tôi liền bảo M. về nhà chờ tôi gặp ông biện lý.

Tôi được biết nạn nhân của M. là cô giáo B vừa tốt nghiệp trường sư phạm Balê. Cô mồ côi cha mẹ và về nghỉ hè tại S. với gia đình người cậu.

Chỗ rắc rối trong vụ này là chính cậu cô bé đã đâm đơn kiện M. Biện lý cuộc đồng ý xếp vụ này nếu nguyên đơn bãi nại. Và đó là điều mà M. cần cố gắng.

Tôi đến tìm M. báo tin công cuộc vận động. Hắn nằm liệt trên giường, vừa mệt vừa rầu. Bà vợ ông ta cao lớn, xương xẩu, hành hạ chồng không ngớt. Bà đưa tôi vào nhà, lớn tiếng : « Ông muốn gặp thằng cha băm lăm M. hả? Đó, hắn nằm đó ». Mụ đứng chằng háng, một tay chống nạnh, một tay chỉ vào mặt chồng.

Tôi trình bày tình hình. M. nhờ tôi đến gặp gia đình cậu cô giáo để xin bãi nại. Đây là một sứ mạng tế nhị, khó khăn, nhưng tôi nhận. Tôi nghiệp M. quá chừng, Hắn cứ lải nhải : « Tôi xin thề là tôi không hề hôn con bé ».

Tôi đáp : Hôn được hay hôn không được mày vẫn là một thằng ngu như heo.

Và tôi lấy mười ngàn bạc mà hắn đưa cho tôi để tùy nghi xử dụng nhưng tôi không đại gì một mình thám hiểm gia đình cậu cô giáo, tôi cần thận mang theo ký giả R. cho có bạn. R. đồng ý với điều kiện là phải đi ngay vì ngày mai hắn phải điều tra một vụ quan trọng khác.

Hai giờ sau, chúng tôi đến một ngôi nhà xinh xắn. Một cô gái đẹp chạy ra mở cổng. Cô gái đó chính là cô giáo B.

Tôi nói thầm với R. «Bây giờ tao mới hiểu tại sao thằng cha M. làm bậy»!

Cậu của cô giáo B là độc giả của báo chúng tôi. Biết chúng tôi là nhà báo, lại là báo bồ nên ông T. đón chúng tôi niềm nở. Ông rất hào hoan được hai ký giả đến viếng R. nói nhỏ với tôi «Tao tin rằng mình có thể thu xếp cho M. không khó».

Cô cháu xuống nhà sau. Tôi khéo léo trình bày câu chuyện. Tôi nêu lên chuyện si-căn-dan mà cô cháu sẽ lãnh đủ vì một khi vụ này ra tòa, người ta sẽ bàn án xôn xao, việc bé được xé ra to, có người không nghĩ rằng câu chuyện chỉ là một cái hôn cưỡng bức.

Ông T. đâm ra do dự, ông không thể quyết định một mình, ông phải cho ý bà vợ. Bà này đi xồm, tóc mới vẽ.

Bồng ông kêu lên một tiếng :

— Hay quá ! Tôi vừa có một sáng kiến. Các ông phải ở lại ăn cơm tối với chúng tôi. Rồi ngủ lại đây luôn. Chừng nhà tôi về, tôi hy vọng là chúng ta sẽ tìm ra một lối giải xếp đôn thỏa.

R. không tán thành sáng kiến đó. Nhưng vì muốn giải quyết cho xong vụ M. nên chúng tôi ở lại.

Ông T. ta vui vẻ gọi cô cháu sửa soạn đi cùng đi với chúng tôi thăm đồn điền của ông.

Trong lúc du ngoạn, R. nói toàn chuyện chính trị với ông T. còn tôi thì đi sau với cô cháu. Nàng thật là duyên dáng và hấp dẫn.

Tôi đề cập vụ bê bối vừa qua thật khéo léo và thận trọng để tranh thủ nàng theo chủ trương hòa giải của tôi.

Nhưng cô bé không có vẻ e thẹn chút nào. Nàng lắng nghe câu chuyện với vẻ thính thú.

Tôi nói «Cô nên nghĩ đến những cái bực mà cô có thể gặp sau này. Cô phải ra tòa, phải đương đầu những ánh mắt tinh quái, phải kể trước mọi người vụ không hay trên xe lửa, theo tôi nghĩ, tốt hơn là cô đổi toa thay vì la hét kêu cứu để làm rùm beng lên !

Cô bé cười «Ông nói rất chí lý. Nhưng mà lúc đó tôi sợ quá. Và khi sợ thì không còn lý luận nữa.

Sau khi hiểu được tình thế, tôi lấy làm tiếc là mình đã la, nhưng đã trễ, hơn nữa, phải biết là thằng cha đó nhào lại ôm tôi như một thằng điên, không nói một lời. Tôi cũng không biết ông ta muốn gì» Cô bé nhìn thẳng vào mặt tôi, không hề e lệ hay sợ sệt. Tôi nghĩ thầm «Con nhỏ này cũng không vừa. Tại thằng cha M. quá đần độn nên mới thất bại».

Tôi tiếp tục đùa : «Cô nên thông cảm với hần. Bởi vì khi đối diện với một người đẹp như cô người ta không thể không thấy ham muốn».

Cô bé cười to lên, để lộ hàm răng trắng : «Giữa sự ham muốn và hành động, còn có sự kính trọng».

Câu nói có hơi kỳ tuy hơi rõ nghĩa, tôi liền hỏi : «Nếu bây giờ mà tôi hôn cô thì cô sẽ làm gì ?»

Cô bé ngừng bước nhìn tôi từ trên xuống dưới rồi ôn tồn nói «Ông thì khác».

Tôi cũng biết là câu chuyện sẽ khác vì ở tỉnh P. ai cũng khen tôi đẹp trai. Tôi mới ba mươi.

Tôi hỏi «Tại sao vậy ?».

Nàng nhún vai, đáp : «Tại sao hả ? Tại vì ông không ngốc như thằng cha đó ! », và nàng nói thêm khi nhìn tôi lần nữa «và ông cũng không xấu xí như hần».

Trước khi cô bé tránh né, tôi đặt một chiếc hôn lên má nàng. Cô bé nhảy sang một bên, nhưng đã muộn, Nàng nói : «Ông nữa ! ông cũng sờ sảng như hần. Nhưng đừng có dở trò đó nữa nghe không».

Tôi làm ra vẻ hối hận và nói : «Thưa cô, nếu tôi có một ước nguyện thì ước nguyện đó là được ra tòa cũng như ông M.»

Đến lượt nàng hỏi : «Tại sao vậy ?»

Tôi nhìn vào mắt nàng, nghiêm nghị nói : «Tại vì cô đẹp lắm và tấn công cô là một điều vinh hạnh. Vì khi được chứng kiến vẻ đẹp của cô, người ta sẽ đồng ý với hành động của tôi».

Nàng cười thật thích thú :

«Ông kỳ quá !» Nàng chưa dứt lời thì tôi ôm chầm lấy nàng, hôn lấy hôn để, hôn lên tóc, hôn lên trán, hôn lên mắt, hôn lên môi, hôn lên má. Nàng cố dùng hai cánh tay che, nhưng vẫn để hở một chỗ cho tôi hôn.

Sau cùng, nàng vùng ra, đỏ mặt và có vẻ như bị xúc phạm :

«Ông phạm phu quá ! Tôi ân hận vì đã nghe theo ông».

Tôi nắm tay nàng, ấp úng :

«Xin lỗi cô. Tôi đã xúc phạm cô. Tôi đã tỏ ra tàn bạo, phạm phu. Xin cô tha lỗi cho. Nếu cô biết là tôi...»

Một lúc sao, nàng nói : «Tôi không muốn nghe ông nói gì nữa»

Bấy giờ tôi mới tìm ra câu tôi muốn nói : «Thưa cô, tôi đã yêu cô hơn một năm nay».

Cô bé hoàn toàn bất ngờ, ngược mắt lên nhìn tôi. Tôi nói tiếp : «Cô hãy nghe tôi. Tôi không biết ông M. Tôi cũng cóc cần về chuyện hần ra tòa. Tôi đã trông thấy cô ở đây, một năm về trước. Lúc đó cô đứng trước cổng nhà. Tôi xao xuyến khi thấy cô và từ đó, hình bóng cô không bao giờ rời tôi. Cô tin hay không tin, điều đó không quan hệ. Tôi chỉ thấy cô đáng yêu, và hình bóng cô luôn ám ảnh tôi. Tôi muốn gặp lại cô, nên mới viện cớ hòa giải vụ bê bối của M. Bấy giờ tôi đến đây, bên cạnh cô. Tôi đã đi quá ranh giới, nhưng trong trường hợp đặc biệt, xin cô tha thứ cho...»

Nàng nhìn ánh mắt tôi để đo lường sự thành thật. Nàng cười bảo :

«Tán gái một cây !»

Tôi đưa tay lên, giọng thành thật (Tôi cũng tin là tôi thành thật) «Tôi xin thề với cô là tôi không nói dối»

Nàng chỉ nói : «Thôi đi ông !»

Lúc bấy giờ chỉ có tôi với nàng, R. và cậu nàng đã khuất đằng xa. Tôi liền tỏ tình thật lâu và thật dịu dàng. Tôi nắm bàn tay nàng, hôn các ngón tay búp măng mịn màng. Nàng lắng tai nghe như nghe

một điều mới lạ và thích thú. Tôi cũng thấy xúc động vì chính những lời tỏ tình của tôi. Người tôi tái sắc, run rẩy, và dịu dàng, tôi ôm lấy chiếc eo thon của nàng.

Tôi nói thì thầm qua những sợi tóc lưa thưa bên tai nàng. Nàng có vẻ mơ màng xa xôi.

Thế rồi bàn tay nàng gặp bàn tay tôi, siết chặt. Tôi từ từ siết chặt chiếc eo thon của nàng. Nàng không cử động nữa. Tôi hôn lên má nàng rồi bỗng nhiên đôi môi nàng tìm đôi môi tôi. Đây là một chiếc hôn dài. Chúng tôi còn hôn lâu hơn nữa nếu không có mấy tiếng « hum hum » vài bước sau chúng tôi.

Cô bé chạy trốn trong bụi cây. Tôi quay lại thấy R. đang tiến về phía tôi. Hắn đứng lại giữa đường nghiêm nghị :

— Toa hòa giải vụ thằng cha M. như vậy đó phải không ?

Tôi đáp « thì mình phải cố gắng hết sức. Còn ông cậu đầu rồi ? Toa đã thuyết phục được ông ta chưa ? Chớ riêng về cô bé thì tôi đã nắm được cô ta rồi »

R. đáp : « Móa không được may mắn như toa ».

Tôi nắm tay R. trở về nhà.

III

Bữa ăn tối làm cho tôi càng thêm ngầy ngất. Tôi ngồi bên cạnh nàng và dưới mặt bàn phủ khăn, tay luôn luôn tìm tay nàng Bàn chân tôi cũng đập bàn chân nàng. Bốn mắt chúng tôi luôn luôn quấn quít lấy nhau.

Sau đó chúng tôi đi dạo một vòng dưới ánh trăng. Tôi thì thầm vào tâm hồn nàng, những lời âu yếm dịu dàng. Tôi ôm chặt lấy nàng chốc chốc lại hôn. Môi chúng tôi lúc nào cũng ướt. Đi trước chúng tôi. R. và ông cậu thảo luận sôi nổi về các vấn đề quan trọng. Dạo chán chúng tôi trở về. Một nhân viên Bưu điện mang đến một điện tín báo tin bà mẹ không về được trong đêm mà về chuyển xe lửa bảy giờ sáng mai.

Ông T. bảo cô cháu : « Con hãy đưa các ông ký giả về phòng chúng tôi bắt tay chúc ông ngủ ngon rồi theo cô bé về phòng. Nàng đưa R. tới một phòng rồi đưa tôi đến một phòng gần bên.

Ngay lúc chỉ có nàng và tôi trong phòng, tôi ôm lấy nàng. Nàng chạy trốn đúng vào lúc thấy không còn nghị lực chống trả cuộc tấn công ồ ạt của tôi.

Tôi nằm trên giường, lòng rạo rục.

Tôi biết không thể nào ngủ được. Tôi cố tìm xem mình đã vụng về ở điểm nào để xống mất người đẹp.

Giữa lúc đó có tiếng gõ cửa thật khẽ.

— Ai đó ?

Một giọng oanh :

— Tôi.

Tôi ngồi dậy, mở cửa nhanh.

Nàng bước vào :

— Tôi quên hỏi... sáng nay ông muốn đi tìm tâm như thế nào ?

Cà phê sữa ? hay...

Tôi ôm choàng lấy nàng, vuốt ve ấp úng :

— Tôi dùng... cái gì cũng được !

Nhưng nàng chạy vượt khỏi vòng tay tôi, thỏi ngọn đèn trên bàn rồi rút nhanh ra ngoài.

Tôi mò trong đêm tối, tìm điem quẹt, nhưng không được. Mãi một lúc lâu mới tìm thấy. Nhưng tôi không thắp lên mà cầm chiếc đèn đi ra ngoài.

Tôi định làm gì đây ? Tôi cũng không biết : Tôi không còn lý luận được nữa. Tôi chỉ muốn gặp lại người đẹp. Tôi muốn ngủ với nàng. Tôi bước mấy bước, không hề suy nghĩ gì. Bỗng tôi phát giật mình. « Nếu mình bước vào phòng ông Cậu thì chết một cửa ! Mình phải ăn làm sao, nói làm sao đây ?

Tôi đứng tần ngần, đầu óc trống rỗng, tim đập mạnh. Vài giây sau, tôi tìm được một câu trả lời : « Ồ có gì đâu ! Mình sẽ nói là tìm phòng R. để nói một việc thật gấp.

Thế rồi tôi lần bước, cố nghiên cứu các cửa phòng để tìm ra động đảo. Nhưng cửa nào cũng giống như cửa nào, không có gì hướng dẫn tôi, tình cờ tôi thấy một cửa có gán chia bên ngoài. Cửa không khóa, tôi mở, bước vào. Cô nàng đang ngồi trên giường, nhìn tôi với vẻ lo lắng.

Tôi nhón gót bước tới, nói :

— Thưa cô, tôi quên hỏi mượn cô một quyển sách để đọc.

Cô giảo vung vẩy trong vòng tay tôi, nhưng sau cùng tôi đã tìm được quyển sách mong muốn. Tôi không nói tên quyển sách đó, nhưng chắc chắn đây là quyển sách kỳ diệu nhất, là một quyển thơ thần tiên nhất.

Một khi lật xem trang nhất nàng để tôi tự do hoàn toàn. Tôi lật thật nhiều trang đọc thật nhiều trang cho đến hai ngọn đèn lụn dần vì hết dầu.

Sau khi cảm ơn người đẹp, tôi rón rén trở về phòng, bỗng một bàn tay tàn bạo nắm tôi lại và có tiếng — tiếng của R. — nói vào tai tôi « Toa giải quyết vụ thằng cha M. xong chưa ? »

Bây giờ sáng, nàng mang tới cho tôi một tách cà phê sữa. Chưa bao giờ tôi thưởng thức một tách cà phê ngon như thế. Cà phê thơm ngát, làm ngây ngất cả người.

Nàng bước ra một lúc thì R. tới. Hắn có vẻ bức của một kẻ không ngủ đợc, hậm hực nói « Nếu toa tiếp tục, toa sẽ làm hỏng sứ mạng hòa giải cho coi ».

Tám giờ, bà mợ về. Cuộc thảo luận diễn ra ngắn ngủi. Họ đồng ý bãi nại và tôi nhận danh lão M. để lại năm ngàn đồng giúp công việc từ thiện ở địa phương.

Người ta muốn giữ chúng tôi ở lại chơi trọn ngày, dự định hướng dẫn chúng tôi đi xem các thắng cảnh trong vùng. Cô giáo đứng sau lưng cậu thợ làm dấu cho tôi nhận lời. Tôi nhận ngay, nhưng R. nhất định đòi về.

Tôi phải kéo hắn ra ngoài năn nỉ « Mỏa yêu cầu toa ở lại. Đề giúp mỏa ». Nhưng hắn đồ quạu : « Mỏa chán toa lắm rồi. Toa nghe chưa !

Tôi đành phải trở về. Đây là giây phút thử thách ghê gớm nhất trong đời tôi. Lẽ ra thì tôi phải thu xếp vén khéo vụ này.

Lên toa, sau khi chia tay mọi người, tôi mắng R. « Mày chỉ là một con vật vô tri vô giác ». R cũng chẳng vừa quật lại « Còn mày, mày làm tao bức bối nhiều lắm rồi ».

Về đến tòa soạn, tôi thấy anh em tụ tập thật đông để chờ biết kết quả.

— Sao ? hòa giải vụ lão M. như thế nào ?

Tất cả dân chúng trong tỉnh đều quan tâm, theo dõi vụ bê bối này. Lúc bấy giờ R. đã hết bức. Vốn tánh vui vẻ thường lệ, hắn cười ngất rồi tuyên bố :

— Kết quả mỹ mãn nhờ anh chàng sứ giả hào hoa L. đây !

Xong rồi, chúng tôi đến nhà M. báo tin vui. Lão nằm trên chiếc ghế dài, đầu đắp bông gòn thấm nước lạnh, vẻ mặt tiêu tụy xác xơ. Hắn ho khúc khặc. Đúng là một người ngộ cảm. Đứng bên cạnh là bà vợ. Bà sư tử Hà Đông này lúc nào cũng trọn trừng như sẵn sàng nhai tới xé xác, nhai xương ông chồng khốn nạn.

Thấy chúng tôi, lão ta run lên như nóng muốn biết kết quả, tôi nói :

— Xong rồi ! Nhưng từ đây về sau, đừng có dở trò con heo đó nữa, nghe không !

Lão đứng lên, nắm bàn tay tôi hôn, vừa khóc vừa cảm ơn rối rít. Lão cũng ôm R. và toan ôm lấy bà vợ, nhưng mụ này xô hắn té xuống ghế dài.

Nhưng câu chuyện không phải kết thúc ở đó, cả tỉnh đều biết hành động của lão M. Nếu có ai lớn tiếng chưởi một kẻ khác « Đồ con heo » ở ngoài đường thì lão M. ngẩng đầu lên ngay.

Hai năm sau lão M. mất, còn tôi, khi ra ứng cử nghị viên tôi viếng văn phòng thừa phát lại B. Một thiếu phụ mập mập tiếp tôi ở phòng khách.

— Ông không nhận ra tôi sao ?

Tôi ấp úng :

— Dạ không, Bà là...

— Tôi là cô giáo B. ở tỉnh...

— Vậy sao ? Tôi tái sắc. Còn nàng thì tự nhiên hết sức. Nàng nhìn tôi mỉm cười rồi bước ra sau để ông thừa phát lại và tôi nói chuyện. Ông B. xiết chặt tay tôi, nói :

— Lâu rồi chúng tôi muốn đến viếng ông. Nhà tôi nhắc đến ông luôn. Tôi biết trường hợp nào nhà tôi quen ông. Và tôi cũng biết ông là người hoàn toàn, tể nhị, tận tụy trong sứ mạng hòa giải vụ... bê bối của lão M. ■ ■



Bà chủ trách mắng chị bồi phòng :

— Chị thật là lười biếng, chị có nhìn thấy cái bàn kia không ?

Nó đóng bụi từ sáu tháng nay !

— Thưa bà, nhưng mà con vào làm mới có ba tháng !

☆

Một ông công chức sau giờ làm việc, than phiền với vợ :

— Ngày hôm nay thật là dễ sợ ! Họ bắt bọn anh làm công việc của bốn người !

— Ô tội nghiệp anh quá, chắc anh mệt lắm ?

— Không, trong phòng anh cả thầy là tám người !

■

— Trờ X, trờ có biết con Kangourou dùng cái túi ở trước ngực của nó để làm gì không ?

— Thưa thầy, để trốn vào đó khi bị săn đuổi.

Một pháo thủ Hải Quân
Thiên Hoàng thuật lại vụ
đánh đắm chiếc phóng ngư lôi
PT 109 do cố Tổng Thống
Mỹ Kennedy làm thuyền trưởng

Đêm Chúng Tôi Đánh Đắm Chiếc PT Của J.F.K.

• HOÀNG VINH lược dịch

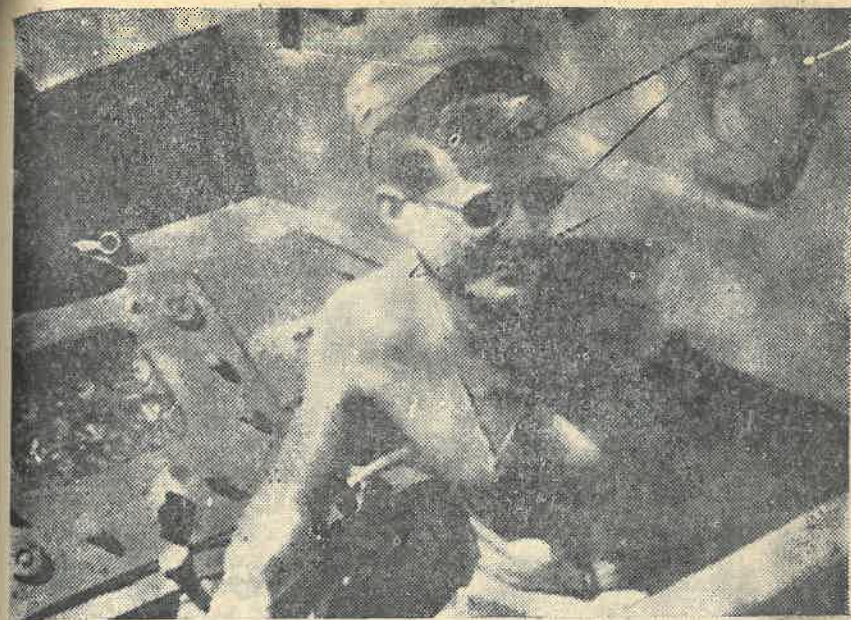
TÔI là một trong số 245 thủy thủ và 13 sĩ quan thuộc dưới quyền chỉ huy của Hải quân Trung Tá Kohel Hanami, Hạm trưởng của chiến hạm *Amagiri* 8, một chiến hạm thuộc loại mới và lớn của Hải Quân Thiên Hoàng. Chiếc tàu của chúng tôi nằm trong

đoàn chiến hạm gồm 4 chiếc khu trục hạm do soái hạm *Hagikaze* cầm đầu, dưới quyền chỉ huy của HQ ĐT *Kaju Sujiure*. Hai chiếc còn lại là *Arashi* và *Shigre*. Mỗi chiếc trong đoàn tàu chúng tôi phải chở thêm 300 binh sĩ và 70 tấn thực phẩm và chiến cụ để tiếp viện cho quân trú phòng đang trấn giữ cứ điểm *Villa*, ở phía đông của đảo *Kolombangara*, ở Tây bắc *New Georgia*. Chúng tôi đã đổ đoàn quân tiếp viện xuống đảo và trở về căn cứ chúng tôi ở *Rabaul*, cách *New Britain* 400 dặm về phía đông bắc.

Hạm trưởng Hanami đứng trên tháp chỉ huy của chiếc *Amagiri*, nghe tiếng sóng vỗ vào mạn tàu từng chập. Chúng tôi đang ở phía bắc tây bắc của vùng biển «*Ấm thanh Đáy sắt*», được gọi như vậy là vì nơi đây là mỏ chôn không biết bao nhiêu tàu chiến của cả hai bên Mỹ Nhật. Tàu lặn, tàu chiến và phi cơ Mỹ thường đánh đắm



Tác giả
HARUYOSHI KIMMATON



Cố Tổng Thống L. F. Kennedy khi còn là Hải Quân
Trung Úy, thuyền trưởng chiếc PT 109

các tàu tiếp vận của chúng tôi ở vùng này.

Vì thường bị phát hiện và đánh đắm, nên từ lâu nay các tàu tiếp vận Nhật thường di chuyển ban đêm trên lộ trình *Blackett Strait*, và chính vì lý do đó nên trong cái đêm tối om không trăng sao này, tàu của chúng tôi cũng phải phẳng lướt sóng đại dương tại đây. Lộ trình này của tàu Nhật đã trở thành quen thuộc, và được đặt tên là «*Tokyo Express*», với 4 chiếc «*pháo đài nổi*» khổng lồ thuộc Hạm đội khu trục 11 bảo vệ chống lại các cuộc tấn công của Mỹ.

Strong mù đã rơi từ sớm trên vùng biển, và từ 6 giờ 30, mặt trời đã hoàn toàn biến mất sau

quần đảo *Lumberi*. Mười lăm phút sau, tia nắng cuối cùng tắt hẳn trên bầu trời, rồi trời tối sầm lại. Chúng tôi vẫn tiến về phía trước trong tình trạng căng thẳng và báo động. Đây là cuộc hành trình đầu tiên của tôi qua lộ trình «*Tokyo Express*» và nỗi lo sợ thẳm kín của tôi là sợ những giấc mơ kinh khủng sẽ thành sự thật. Các tàu Nhật vào thời đó chưa được trang bị máy ra đa, do đó chúng tôi bắt buộc phải trông cậy vào các ống viễn kính cực mạnh nhìn ban đêm. Cho quá nửa đêm, chúng tôi đi thật bình yên, rời khỏi *Blackett Strait*, đến gần đảo *Plum Pudding*. Lúc đó là ngày thứ hai, 2 tháng 8, giờ 30 phút.

Đụng tàu địch

Tôi vẫn đứng ở vị trí của tôi, nhìn bóng đêm yên lặng sâu thẳm thâm và lòng lo sợ tăng mạnh mẽ. Ở chung quanh tôi, các chiến hữu khác cũng có vẻ căng thẳng như tôi. Ở boong tàu phía trên tôi, Hạm trưởng Hanami thỉnh thoảng nhìn phía trước, mắt đi vào ống viễn kính, tay điều khiển ống kính lia lịa. Tôi cũng chợt giật mình trước cử chỉ của ông. Chợt máy phóng thanh vang lên tiếng báo cáo của đài quan sát: « Có tàu phía trước! » Hạm trưởng Hanami nói như hét vào máy: « Kiểm soát lại lần nữa! Báo cáo ngay! ».

Tôi ráng nhướn mắt nhìn về phía trước, và thấy trong bóng đêm dường như có một con cá voi đen đang lao thẳng về phía tôi. Nhưng tôi chợt thấy tôi lầm to. Không phải cá voi gì cả, mà là một chiếc phóng ngư lôi P.T của Mỹ! Tôi sợ đến điếng cả người, thờ không ra hơi, vì chưa bao giờ tôi thấy địch quá gần như vậy.

« Bắn! Bắn! » Chợt tiếng ra lệnh của viên hạ sĩ quan Mitsuki Sawada vang lên, sau khi tiếng còi hiệu của ban hỏa lực kêu inh ỏi, đưa tôi về thực tại. Nhưng ở súng nệ nằm phía trước tàu của chúng tôi, gần mục tiêu nhất, thì lại không thể bắn. Chiếc tàu địch gần tàu chúng tôi quá, đến nỗi súng chúng tôi không thể nhắm mục tiêu cho trúng. Ban phóng thủy lôi cũng đang ở trong tình trạng sẵn sàng khai hỏa, và Trung úy Hiroshi Hosaka, trưởng ban thủy lôi, đang hồi hộp chờ đến lúc hạ lệnh. Nhưng lệnh của ông không bao giờ ban ra,

ông đã nhận thấy các thủy lôi hoàn toàn vô dụng vì chiếc tàu địch quá gần, nên thủy lôi nếu phóng sẽ ra dưới xa tàu địch và đi luôn.

Trong lúc bối rối ấy, chiếc P.T. bỗng xoay chiều và vượt ra xa, tiếng máy nổ thật dồn dập. Hạm trưởng Hanami không phải là tay vừa, từ chỗ của tôi, tôi nghe tiếng ông thét lanh lảnh vào máy: « Bẻ lái gấp! Bẻ lái gấp! »!

Vào lúc đó tiếng còi báo động sắp tông phải tàu địch rú lên ghê rợn khắp tàu. Tay thủy thủ lái tàu lành nghề Coxswain Kazutodo hai tay dính chặt trên tay lái, vận một vòng dài hầu như bất tận để tàu bẻ lại hơn 23 độ. Và chiếc tàu chúng tôi hướng thẳng vào hông chiếc tàu địch. Mũi tàu được tăng cường vỏ thép dày của chiếc khu trục hạm chúng tôi đâm ngay vào phòng lái của tàu địch, và chúng tôi vẫn lướt tới như thể đụng vào một hộp quẹt bằng gỗ, với tốc độ hơn 20 hải lý. Tiếng động nổ tung do sự đụng chạm giữa hai khối thép vang ra thật là kinh hồn.

Đám cháy trên tàu

Từ lúc thấy tàu địch đầu tiên cho đến lúc tàu chúng tôi húc vào tàu địch, thời gian có lẽ không quá 30 hay 40 giây, thế mà tôi thấy dâng đặc, dữ dội vì những nỗi kinh hãi quá dập dồn.

Khi tàu chúng tôi đi ngang qua thân chiếc PT nhỏ bé của địch, ngọn lửa và cột khói do chất dầu gasoline bị đốt cháy gây ra tấp vào bên hông tàu chúng tôi. Hạm trưởng Hanami nhảy xuống phòng

lái, ra lệnh các thủy thủ cầm sẵn bình chữa lửa để chữa ngay những chỗ nào lửa bắt cháy, và ra lệnh ban kiểm soát thiệt hại làm việc ngay. Ở một vài chỗ trên boongtàu, chất nhiên liệu lỏng bị cháy của tàu địch tung lên cháy lan nhanh chóng, bắt qua một số dụng cụ và chạm phải một số thủy thủ. Đây là chuyến đụng trận đầu tiên của tôi, với những hiểm nguy kinh hoàng diễn ra trước mắt, và giờ đây tôi rất xấu hổ mà nói rằng lúc đó tôi hầu như bị tê liệt và khùng hoảng. Với số tuổi 19, tôi chưa được tôi luyện đầy đủ để phản ứng trước sự nguy hiểm.

Mỗi quan tâm lớn nhất của chúng tôi bấy giờ là làm sao để dập tắt ngọn lửa đang lan tràn. Chúng tôi biết rằng với ngọn lửa sáng rực trong lòng biển cả tối đen, chúng tôi là cái đích rất tốt để địch phóng ngư lôi hoặc nã đại bác.

Ngay sau khi tàu của chúng tôi tông vào tàu địch, phần mũi tàu và phần phòng lái ở phía trước là cả một vùng hỗn độn. Có nhiều sĩ quan và thủy thủ chạy lộn xộn và ngơ ngác, vì họ ở các phần hành khác, không kịp được thông báo quyết định của hạm trưởng. Viên hạ sĩ quan Masayoshi Takashima từ phòng phóng ngư lôi gọi lên hỏi « Cái gì xảy ra vậy? Có vật gì trúng tàu ta? »

« Phía hông tàu... có lửa cháy! » Viên trưởng ban hiệu lệnh Shigeo Takemura, bắt hai tay làm loa kêu mấy viên thủy thủ ở trên boong. Takemura, cũng như nhiều thủy thủ khác, thoạt tiên tưởng rằng chiếc PT đã phóng ngư lôi trúng chiếc tàu của chúng tôi và gây nên trận hoả hoạn.

Chiếc Amagiri bỗng thỉnh thoảng bẻ ngặt một vòng thật gấp, khiến tôi cảm giác chiếc tàu đang xoay một vòng 360 độ, và làm tôi té ngược vào pháo tháp. Đầu tôi đập vào pháo tháp mạnh đến nỗi tôi mất thăng bằng, và té sập xuống sàn. Tay phải và cùi chỏ của tôi té bại hẳn đi sau cái té này, không điều khiển được nữa.

Tôi ráng đứng lên, nhưng trong lúc còn đang cố gắng tuyệt vọng thì tôi thấy ngọn lửa cháy trên nhiên liệu lỏng đang dần dần về phía tôi. Tôi rướn người lên kêu cứu, nhưng không một tiếng nao thoạt ra khỏi cơ họng tôi. Trong nỗi hoảng hốt vì sợ bị thiêu sống, tôi lại kêu gào lên một cách tuyệt vọng, nhưng cũng chẳng kêu được thành tiếng. Lúc rồi sắp phó mặc cho số mệnh thì Trung úy Quân y Atira Nakajima và Hạ sĩ Yoshitake Yamazaki, trong ban quân y, leo lên bậc thang vào pháo đài. Nhưng vừa lên tới, Trung úy Nakajima đã thấy ngọn lửa sắp tấp tới chỗ tôi nên vội leo xuống báo động các toán chữa lửa, còn Yamazaki thì xô tôi lên, công về chỗ an toàn. Sau đó tôi thấy các toán chữa lửa dập tắt được hết các ngọn lửa, và chiếc tàu may mắn không bị thiệt hại gì nặng nề. Chiếc tàu của chúng tôi lúc bấy giờ đã xa cách hẳn các tàu bạn, và các sĩ quan đều lo sợ rằng nếu gặp phải tàu địch một lần nữa chúng tôi bị nguy. May mắn thay, chúng tôi đã không gặp tàu địch, và bắt liên lạc được các chiến hạm bạn. Các chiếc này sau đó đã đến gặp chiếc Amagiri và bao quanh tàu chúng tôi, làm thành bức tường bảo vệ, rồi đưa chúng tôi về bến an toàn.

Không phải là đến mãi sau này sau chiến tranh, tôi mới biết nạn nhân của chúng tôi đêm đó là chiếc PT rog do John F. Kennedy làm thuyền trưởng. Ngay khi ông bắt đầu nổi tiếng trên trường chính trị và báo chí bắt đầu khai thác các câu chuyện của ông khi ông tham chiến, tôi đã được biết đều đó. Dĩ nhiên một biển cố chính trị xa xôi như vậy lẽ ra không làm tôi để ý, nhưng không hiểu sao tôi lại thường nghĩ

đến ông và nhớ lại đêm kinh hoàng đó. Nhất là khi ông bị késát nhân bắn vào đầu khi đang ở trên tột đỉnh của vinh quang, tôi càng nghĩ đến ông nhiều hơn.

Quả vậy, vì một lý do khó hiểu nào đó, ký ức vẫn còn ảnh hưởng đến tâm hồn tôi. Tôi không thể quên được cái đêm tháng 8 năm 1943 khi chúng tôi suýt giết chết John F. Kennedy ■ ■



— Ông bán cho tôi cái mũ này. Có vẻ « được » nhất đấy.



BÓNG NÀNG CHÂU THỎ

Về thăm đất mẹ chưa bồi
Hai hàng lệ nhỏ trên đôi cây thưa
Trăm giòng sữa mẹ ngàn xưa
Trái không chín cũng rụng vừa tầm tay
Từ khi em bước ra ngoài
Bóng nàng châu thổ xuống khai hoang rừng

VỚI BÀN TAY

Bổng bàn tay mở trong mù
Bổng ngàn con sóng bủa sâu lên không
Mưa đầu bãi gió đầu đông
Trắng xương xanh ngát hương đồng đầu dây
Ngắm bàn tay với tháng ngày
Ngắm mình trong đáy đời quay loạn cuồng
Em về đốt lửa lên không
Ngàn năm để lạnh giòng sông giữa trời
Quên em quên cả tên người
Tuyết mù trên đỉnh với đời bao la

HẠNH PHÚC VÀ BUỔI CHIỀU

Hát mừng hạnh phúc trên cây
Lá thu mùa trước rơi đầy bến sông
Ra khơi tìm bến đò không
Trở về tìm đã cạn giòng máu tươi

NGUYỄN VƯƠNG



TRIỆU ĐẠI PHÙ NAM

• LÊ HƯƠNG

Vương quốc Phù Nam ở miền Nam Việt Nam ngày nay được ghi vào lịch sử thế giới bắt đầu năm 1 DL căn cứ theo 4 tấm bia đá tìm được ở Võ Cảnh (Nha Trang), Đồng Tháp Mười (Kiến Phong), Bati (phía Nam thủ đô Phnom-Penh, ở cực Nam nước Cao Miên, và theo sử sách Trung Hoa trong việc giao thiệp ngoại giao, thương mại, tôn giáo.

Trải qua một thời kỳ cực thịnh từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 5, quốc gia này bị nước Chân Lạp (Cao Miên) xâm chiếm và tiêu diệt vào cuối thế kỷ thứ 6, đến đầu thế kỷ thứ 7, năm 627 Phù Nam bị xóa hẳn tên trên bản đồ.

Trong phần tài liệu dài 3 kỳ này, chúng tôi ghi từ Triều Đại Phù Nam từ vị Quốc Vương thứ 1 đến vị cuối cùng.

Lieou — Ye (? — ?)

N G U Ò N gốc của vương quốc Phù-Nam được ghi trong quyển « Sử ký Tư-mã Thiên » về đoạn Sử giả Việt-Thường nhờ tìm chỉ nam của Ông Châu Công đi về nước, ngang qua Phù-Nam và Lâm Ấp có nói nước Phù-Nam đang có một vị Nữ-Vương tên SAY-LIÊU trị vì Ông Mã-đoàn-Lâm trong quyển « Văn-hiến Thông-khảo » ghi rằng Phù-Nam có một Nữ-vương tên DIỆP-LIÊU mạnh mẽ, còn trẻ tuổi rất giống con trai, cạo đảm phi thường, nổi danh trong những cuộc chinh phạt các quốc gia láng giềng. Người Pháp phiên âm danh từ DIỆP LIÊU là LIEOU-YE hoặc YE-YE (1) cho rằng có nghĩa là « LÁ DỪA ». Người Tàu cho là « Lá DƯƠNG-LIÊU ».

Không ai được biết gì thêm về Triều đại này vì Lieou-Ye không biết chữ nên không để lại di tích nào và chưa có bang giao với nước Trung Hoa nên người Tàu không nhắc trong sử của họ.

Kaundinya (? — ?)

Sử liệu đầu tiên nói về Phù Nam là tập ký ức của K'ANG-TAI (Khang Thái) và TCHOU-YING (Châu Ứng), hai vị Sử giả Trung Hoa giữa thế kỷ thứ 3 Dương lịch. Bản chánh tập ký ức này đã mất nhưng nhiều đoạn còn rải rác trong các Niên Giám và các tập « Bách Khoa toàn thư », hợp với một bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) vào thế kỷ thứ 3 Dương lịch chứng minh được lịch sử của quốc gia này vào hai thế kỷ trước.

Theo ông K'ANG TAI thì vị Quốc Vương Phù Nam thứ nhất tên KAUNDINYA (2) phiên âm là HOUEN-T'IEH hay HOUEN CHEN, người Việt dịch là HỒN ĐIỀN. Nhà vua là người ngoại quốc, có lẽ từ Ấn Độ, bán đảo Mã Lai hay từ các đảo về phía Nam, nơi đó sử Trung Hoa chép rằng có một vương quốc tên là KIỆU (KIAO). Ngài rất tôn sùng các vị thần Bà La Môn nên Thần cảm động. Một hôm, Ngài nằm mơ thấy vị Thần trong gia đình cho Ngài một cây cung và truyền lệnh Ngài xuất dương trên một chiếc thuyền lớn. Sáng hôm sau Ngài vào đền thờ làm lễ và thấy cây cung ở dưới gốc cây, bên dòng suối ra biển, gió thần đưa thuyền đến đất Phù Nam. Vị Nữ Vương Lieou-Ye thấy người lạ mặt liền xua quân cõi thuyền nhẹ ra định đánh cướp bị Kaundinya bắn một phát tên thần xuyên qua thuyền đến tận chỗ Nữ Chúa đứng, trúng một tên quân. Lieou-Ye hoảng sợ, xin đầu hàng và chịu kết duyên với vị Hoàng Thân Ấn Độ, lập nên Vương quốc Phù Nam. Ngài không bằng lòng thấy vợ trần trụi, lấy vải vá xếp lại trông từ trên cỏ để che thân. Đoạn, Ngài cai trị lãnh

(1) Người Pháp cho rằng « có thể » xưa kia ở Phù-Nam có một « ngành họ tên LÁ DỪA » cũng như họ đã tìm thấy trong lịch sử nước Chiêm Thành.

(2) Kaundinya theo đạo Bà La Môn gốc ở Motie (Ấn Độ) nơi mà vào giữa thế kỷ thứ 3 người Trung Hoa gọi là WOU-WEN ; ông thuộc về một ngành họ nổi danh trong vùng Tây Bắc nước Ấn.

thổ tự xưng là «*Đi Hoàng Đế nước Phù Nam*» lấy theo vương hiệu RĀJĀDHI-RĀJA của Ấn Độ. Ngài sanh một Hoàng tử và cấp cho 7 thành phố làm ấp phong.

Chắc hẳn cốt truyện này là biến thể của một huyền thoại Ấn-Độ nói về vua Kaundinya và công chúa SOMĀ, ái nữ của Vua Rắn bảy đầu. Truyện thần tiên này được khắc trên bia đá tìm thấy tại Mỹ-Sơn đất Chiêm-Thành, nay thuộc tỉnh Phú-Yên. Truyện chép rằng Vua Kaundinya lãnh một cây giáo do Thần ACVATTHAMAN con của Thần DRONA tặng. Ngài phóng xuống đất để chỉ nơi Ngài sẽ xây đế đô tương lai, rồi Ngài phối hôn với SOMĀ (1), ái nữ của Thần Rắn NAGA và sáng lập một Vương triều, sanh một dòng Vua cai-trị đất Phù-Nam.

Ngoài việc dạy đàn bà mặc chần thay vì để trần truồng, Vua Kaundinya đem văn hóa Ấn Độ, chữ viết là luật pháp truyền bá trong dân gian. Đây là sự «*Ấn độ hóa*» ở Phù Nam lần thứ nhất.

Houen-P'an-Houang (? — 217)

Sử ký nhà Lương (Leang 502-556) chép rằng một trong những người con của vua Kaundinya là HOUEN-P'AN-HOUANG (Hồn-Bàn-Huống), sanh năm 127 Dương lịch. Ngài nối ngôi Vua Cha, dùng mưu phân chia lãnh thổ làm nhiều chư hầu và gieo rắc sự nghi ngờ giữa các Lãnh Chúa. Đoạn, Ngài cầm quân tấn công và dẹp hết tất cả vị này, giao cho con, cháu trấn đóng, gọi là Tiều vương, Ngài

thăng hà năm 90 tuổi, vào đầu thế kỷ thứ 3.

Houen-P'an-P'an (217 - 220)

Người con thứ tên HOUEN-P'AN-P'AN (Hồn Bàn Bàn) nối ngôi theo cuộc bầu cử. Tân vương rất

(1) *Cuộc phối hợp huyền bí này còn được duy trì dưới triều đại ANGKOR vào cuối thế kỷ thứ 13 bằng một cuộc lễ do vị Tùy-viên Sử giả Trung-Hoa CHĀU-ĐAT-QUAN (Tchéou-ta-Kouan) ghi trong tập ký ức «*Chân Lạp phong thổ ký*» như sau: «... Tôi có nghe nói rằng ở trong cung có nhiều chuyện lạ lùng lắm, nhưng có một lệnh cấm vô cùng nghiêm nhặt, không cho ai thấy. Nhà Vua ngủ trong ngôi tháp bằng vàng giữa cung. Nhiều nhà tai mắt trong nước thuật với tôi rằng: xưa kia trong tháp ấy có một nàng tiên ẩn vào hình con rắn chín đầu là vị Tiên bảo hộ cho quốc gia dưới triều đại của một vị Quốc vương. Nàng Tiên ấy mỗi đêm biến thành một thiếu nữ đi tìm Nhà Vua để ân ái. Nhà Vua đã có vợ nên bà Hoàng Hậu không dám vào cung trước một giờ nào đó, nhưng sau hai tiếng gõ lăm hiệu cho biết Nàng Tiên đi rồi, Nhà Vua mới có thể tiếp Hoàng Hậu hay mấy bà vợ khác. Nếu nàng Tiên không đến một đêm đó là dấu hiệu Nhà Vua sắp băng, nếu nhà Vua vắng mặt trong cuộc hội ngộ thì người ta có thể tin chắc rằng sẽ có 1 trận hỏa hoạn hoặc những thiên tai khác...»*

tôn sùng việc thờ cúng Thần Çiva. Ngài giao hết binh quyền cho một Tướng Lãnh tên ÇRI MĀRA, người Trung Hoa gọi là FAN MAN (PHẠM-MẬU) để nghỉ ngơi. Sau ba năm ở ngôi, nhà Vua thăng hà.

Fan-Che-Man (220-225)

Theo sử Nam Triều Nhà Tề (Ts'i 479-501) toàn danh của FAN-MAN là FAN-CHE-MAN (Phạm Sư Mang). Tướng Fan-Che-Man được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài là một tướng can đảm đầy mưu lược, nổi chí Tiên Vương xua quân chinh phục lân bang trên lục địa và trên mặt biển khiến Ngài nổi tiếng lẫy lừng. Ngài bành trướng thế lực rộng lớn, người thời bấy giờ tôn Ngài «*Phù Nam Đại-vương*». Ngài lập một hải cảng chi phối mặt biển, đóng nhiều chiến thuyền lớn và vượt khắp đại dương.

Sử ký nhà Lương (502 — 506) chép rằng: «*Ngài tấn công 10 vương quốc, và kể tên 3 vương quốc, trong số này là K'IN-TOU-K'OUEN có lẽ là miền Nam Trung Việt, KIEOU-TCHE và TIENS-OUEN ở vùng Ligor (Mã Lai). Ngài mở mang bờ cõi rộng năm hay sáu ngàn lý (hơn 3000kms). ngày nay người ta khó tìm những vương quốc này, nhưng có thể đoán rằng các nước ấy thuộc vào những vùng thung lũng sông Mé-Kông, phần đất ở biên hồ TONLÉSAP (Cao Miên) và vùng đồng bằng, ở phía Nam là một phần đất Mã Lai, phía Tây là miền dưới Miên-Điện.*

Ngài cũng chiếm được phần lãnh thổ chạy dài từ khoảng sông Mé-

kong — Đồng Nai đến vịnh Cam Ranh và Nha Trang nơi mà sau này ta tìm được bia đá ở Võ Cảnh mang tên ÇRI MĀNA.

Người Trung Hoa cho rằng Vua FAN-CHE-MAN ngã bệnh và thăng hà năm 225 Dương-lịch giữa lúc Ông cầm binh chinh phạt một quốc gia tên KIN LIN (Kim Lâm) «*biên giới vàng*». Người ta cho đây là địa danh ở SUVANNABHUMI «*đất vàng*» theo các bản văn viết bằng chữ Nam Phạn (PALI) hoặc ở SUVARNAKUDYA «*vách tường vàng*» theo các bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) thuộc miền Nam Miên Điện hay bán đảo Mã Lai. Trước khi lâm chung, Ngài giao ngài vàng cho Thái tử tên FAN-KIN-CHENG (Phạm kim Sanh) và truyền lệnh cho con tiếp tục cuộc hành quân.

Fan-King-Cheng (225)

Thái tử FAN-KING-CHENG (Phạm-kim-Sanh) là người con trưởng, bị người anh bà con tên FAN-TCHAN (Phạm Chiêu) ám sát chết. Phạm Chiêu là con người chị cả của Quốc vương Phạm Mậu tức là cô của Phạm kim Sanh. Ông có 2.000 thủ hạ và sai đến gạt Vua rồi hạ sát để đoạt ngôi.

Quốc Vương Phạm Mậu khi thăng hà có một người con còn bé tên FAN TCH'ANG (Phạm Trường) sống trong dân chúng nên khỏi bị hại.

Fan Tchan (225-245)

FAN TCHAN (Phạm Chiêu) lên ngôi. Ngài là một Tướng lãnh nắm binh quyền trong nước. Triều đại

của Ngài ở vào khoảng năm 225 đến 250 Dương lịch. Đề cũng có địa vị, năm 228 Dương lịch. Ngài sai sứ giả triều cống vua Tàu, bấy giờ là Ngô tôn Quyền dưới thời Tam quốc phân tranh. Đây là lần đầu tiên Phù Nam thông hiếu với Trung Hoa. Năm 229. Thứ Sứ Nhà Ngô ở Giao Châu (Việt Nam) là Lữ Đại cử Sứ giả sang đáp lễ.

Trong quyển « Tam quốc chí » (SAN KOUO TCHE) của Trần Thọ (TCH'EN CHEOU) viết vào cuối thế kỷ thứ III, thuật lại những chuyện xảy ra từ 220 đến 280. Có ghi ở hồi 60 tiểu sử của ông Lữ Đại (LU TAI) làm Thứ Sứ đất Quảng Đông và Giao Châu dưới triều đại thứ nhất của nhà Ngô (WOU) vào thượng bán thế kỷ thứ III như sau :

«... Ngoài ra, nhà Vua phái các viên quan Tung sự (TS'ONG CHO) đi khắp miền Nam lãnh thổ phổ biến nền văn minh bản quốc gọi là chiến dịch NAM TUYẾN QUỐC HÓA, và các vị Quốc vương ngoài biên cảnh như Phù Nam. Lâm Ấp và Đường Minh (T'ANG MING) đều có gởi phái đoàn Sứ giả đến dâng lễ cống.

Quốc Vương FAN TCHAN có tiếp một du khách tên KIASIANG-LI (Giả trường Lê) quê ở tiểu bang T'AN YANG, người Tàu dịch là Đàm Dương thuộc vùng phía Tây Ấn Độ, đến Phù Nam. Du khách tường thuật những chuyện lạ về đất An dưới triều đại Murunda (người Tàudịch là MEOU-LOUEN) như phong tục tập quán, việc thi hành luật pháp, sự giàu có, ruộng đất phì nhiêu. Ông nói rằng ai muốn vật gì cũng có và nhiều đại

cường quốc thần phục quốc gia này từ nhiều thời đại.

FAN-T'CHAN hỏi :

— Từ đây đến đó bao xa, phải đi mất bao lâu mới tới ?

KIA-SIANG-LI trả lời :

— Nước Ấn Độ cách xa hơn 30.000 lý, đi và về phải mất ba năm hay bốn năm, đó là trung tâm diêm của Trời và Đất.

Nhà Vua mê say đến đời phái một người bà con tên SOU-WOU, người Tàu gọi là TÔ VẬT, làm sứ giả đi từ hải cảng T'EOU-KIU-LI (Đầu Cầu Lợi) có lẽ là TAKKOLA ở bán đảo Mã Lai, theo một cái vịnh lớn thẳng hướng Tây Bắc, qua nhiều biển và nhiều quốc gia ngọt một năm mới ngược dòng sông Hằng Hà dài 7000 lý đến triều đình vua VASUDEVA. Phái đoàn khởi hành vào năm 240. Vua Ấn rất ngạc nhiên khi thấy phái đoàn sứ giả triều kiến. Ngài phán rằng :

«O' tận cùng bờ đại dương còn có người ở nữa hay sao ?»

Ngày truyền cho bá quan đưa Sứ giả du ngoạn khắp lãnh thổ và gởi tặng Vua Phù Nam 4 con ngựa Nguyệt thị (indo scythe), người Tàu dịch là YUE-TCHE, và cho 2 viên quan mà một vị tên TCH'EN-SONG (Trần Tống) đi theo về Phù Nam để cảm ơn nhà Vua. Khi SOU-WOU trở về vào năm 245, tính ra cuộc du hành mất 4 năm.

Theo sử ký Trung Hoa đời Tam quốc, nhà Đông Ngô (222 — 265) thì năm 240 Vua Fan Tchan có tiếp hai Sứ giả của Vua SUN CHUAN (Tôn Quyền). Năm 243

Nhà Vua gởi một phái đoàn đi Trung Hoa với lễ cống gồm có nhạc sĩ và thợ săn. Năm 244 một văn phòng thương mại Phù Nam thành lập gần thủ phủ Nam Kinh gọi là PHÛ NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN).

Chính Ngài là tác giả bản văn khắc trên bia đá tìm thấy ở Võ Cảnh (Nha Trang) trong ấy Ngài cho rằng Ngài là một thân tộc

trong gia đình CRI MÀRA (FAN-CHE-MAN) vì Ngài là con của người em gái của vị Quốc Vương này.

Bấy giờ lãnh thổ Phù Nam mở rộng đến bờ Vịnh Bengale. Nhà Vua Phù Nam giao thương với Ấn Độ và Trung Hoa. Năm 245 Quốc Vương FANT-CHAN bị ám sát. ■■

(còn 2 kỳ nữa)



Bạn có biết trẻ con Mỹ nghĩ thế nào về gia đình không ?

— Một gia đình là những người ngồi chung dưới một cái dù trên bãi bờ mùa hè.

— Một gia đình luôn luôn làm những chuyện giống nhau, thí dụ như xem Ti Vi.

— Có nhiều trẻ con thì làm thành một gia đình.

— Trong gia đình tôi có ba tôi, Má tôi, hai anh và tôi. Chúng tôi cũng có nuôi một con chó. Nó thuộc về gia đình tôi, nhưng nó cũng có một gia đình khác của nó.

— Trong gia đình tôi, ba tôi nghĩ rằng má tôi đẹp và má tôi cũng nghĩ thế, vì bà có tánh tự kiêu !

— Một gia đình ăn tối cùng bàn với nhau và dùng màu khăn bàn giống nhau, thí dụ như màu xanh.

— Một gia đình không phải luôn luôn xem Ti Vi ; đôi khi họ đọc báo hay chơi ô chữ.

Một ông khách nhìn vào bảng tính tiền của khách sạn :

— Sao đắt quá vậy. Còn cái này có nghĩa gì đây : Giấy 50 đồng. Tôi có dùng tờ giấy nào đâu ?

— Thưa ông có chứ, đó là tờ giấy tính tiền ông đang cầm !



• CAO ĐẮC BỬU

CÓ SINH VẬT NÀO KHÁC TRONG VŨ TRỤ KHÔNG ?

Nỗi thắc mắc ngàn đời này của con người sẽ được giải đáp bằng những ước tính khoa học và toán học chính xác nhất mà nền khoa học hiện đại đã tìm được.

TRONG hơn 70 năm con người đã tiến một bước dài từ chiếc xe ngựa cho đến những phi thuyền liên hành tinh. Từ Orville Wright (1) đến những Neil Armstrong, Edwin Aldrin chỉ trong một thế hệ. Bây giờ, con người đã đặt chân lên mặt trăng, và phi thuyền Apollo 15 sắp sửa tiếp tục thám hiểm mặt trăng trong nay mai. Tuy đã tiến một bước dài như vậy, nhưng hầu như con người vẫn chưa đủ sức trả lời nỗi thắc mắc ngàn đời của loài người, mà từ bao nhiêu năm nay các nhà bác học đã ra công khám phá. Nỗi thắc mắc đó là :

Từ ngàn triệu năm nay — có một giống sinh vật thông minh nào khác sống trong vũ trụ không ?

Câu hỏi thật đầy hấp dẫn. Với những dữ kiện khoa học mới nhất ta hãy thử xét các vấn đề liên hệ trước khi rút ra một kết luận khoa học.

Những liên hệ giữa trái đất và vũ trụ bên ngoài

Trong Thái Dương Hệ, bên cạnh mặt trăng là vệ tinh của quả đất, còn có Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, Thổ Tinh, Diêm Vương Tinh, Thủy Vương Tinh... Nếu con người đã lên đến mặt trăng, con người cũng sẽ có khả năng lên đến các hành tinh khác trong Thái Dương Hệ. Theo một tài liệu chuyên môn, có lẽ con người sẽ đặt chân lên Hỏa Tinh vào năm 1995, và sau năm 2002, con người sẽ "ngấp nghé" hành tinh xa nhất trong Thái Dương Hệ là Diêm Vương Tinh, cách mặt trời 5 19 920 triệu 300 ngàn cây số.

Đối với nhiều người, những bước tiến về không gian như vậy thật không lồ, nhưng thật ra, nếu họ biết được liên hệ giữa quả đất và toàn thể vũ trụ bên ngoài, họ sẽ thấy các thanh quả kê trên thật không bằng một hạt cát giữa sa mạc.

Quả đất là một trong 9 hành tinh nằm xung quanh mặt trời. Mặt trời này là một trong số hàng hà « mặt trời » khác thuộc một hệ thống vĩ đại gọi là Giải Ngân Hà.

Đối với mặt trời, quả đất cách xa khoảng 149 triệu 600 ngàn cây số, hoặc nếu tính theo tốc độ của ánh sáng (300.000 cây số/giây) thì phải mất 8 phút.

« Thái dương hệ » khác gần nhất với Thái Dương hệ chúng ta trong Giải Ngân Hà là *Alpha Centauri A*, cách chúng ta 4, 3 năm ánh sáng, nghĩa là với tốc độ 300.000 cây số 1 giây, ánh sáng từ « Thái dương hệ » này phải đi mất 4, 3 năm mới đến chúng ta. Mới chỉ chòm sao gần Thái Dương Hệ chúng ta nhất mà ta đã thấy có vẻ quá xa vời rồi.

Nhưng chưa hết, Giải Ngân Hà trong đó có Thái Dương Hệ chúng ta được tính ra rộng đến **MỘT TRĂM NGÀN NĂM ÁNH SÁNG**, nghĩa là phải mất 100 ngàn năm mới đi từ đầu này đến đầu kia của Giải Ngân Hà, với tốc độ 300.000 cây số 1 giây !

Như thế vẫn chưa thấm vào đâu, vì bên cạnh Giải Ngân Hà còn có nhiều giải thiên hà "lớn

(1) Một trong những tiên phong về ngành máy vào năm 1903.

cận" khác, và khoảng cách giữa các giải thiên hà với nhau được tính vào con số hàng chục, hàng trăm TRIỆU năm ánh sáng. Và các viễn vọng kính đã tìm thấy HANG HÀ SA SỐ các thiên hà và hệ thống thiên hà, không thể tính được bằng con số, và con người chỉ có thể kết luận là KHÔNG GIAN VÔ TẬN.

Như vậy như, đã nói, đối với khoảng không gian vô lượng kia, một cuộc hành trình lên mặt trăng, hay lên Hỏa tinh, không thấm vào đâu cả. Dựa vào các dữ kiện này, ta có thể kết luận ngay một cách không sợ sai lầm rằng SẼ KHÔNG BAO GIỜ con người có thể thám hiểm những vùng không gian bao la của vũ trụ ở cách xa Thái Dương Hệ.

Thật vậy, dù cho chúng ta có đạt đến tốc độ của ánh sáng — một điều không tưởng — thì một phi thuyền không gian cũng chẳng đi đến đâu vì con người sống không thể quá 100 năm, và với 100 năm ánh sáng, không kể lúc trở về, con người đi không được 1/1000 của Giải Ngân Hà, thì làm sao đời thám hiểm những giải thiên hà khác?

Những điều kiện để đời sống có thể tồn tại trên một hành tinh

Mặc dù con người chưa bao giờ được thấy, nhưng các nhà khoa học đã ít nhiều nói về sự hiện hữu của các hành tinh nằm quay quanh chung quanh các «mặt trời» khác thuộc Giải Ngân Hà. Các nhà bác học nay lý luận, giả

thiết điều trên có thật, có thể một trong số các hành tinh này có một đời sống thông minh vượt bậc hơn chúng ta hiện nay rất nhiều.

Một nhà khoa học không gian danh tiếng đã đặt vấn đề: «Có những sinh vật thông minh nào khác trong vũ trụ không? Giải Ngân Hà có phải chứa đầy những thế giới văn minh, hoàn toàn khác nhau và khó tưởng tượng ra nổi, mỗi thế giới tự phát triển bằng nền thương mại và văn hoá của chính nó, thích hợp với riêng điều kiện của mình? Hay là chúng ta hoàn toàn ĐƠN ĐỘC TRONG VŨ TRỤ, và bởi vì một sự tình cờ kỳ lạ nào đó, nền văn minh của chúng ta là nền văn minh DUY NHẤT?»

Nếu chúng ta là duy nhất thì cái may mắn, tình cờ «kỳ lạ» ấy là những gì? Đó chính là những điều kiện thích hợp, cần thiết cho một hành tinh để một đời sống có thể sinh sôi và phát triển.

Trước tiên, một hành tinh phải nằm ở một khoảng cách vừa phải, đúng đắn đối với «mặt trời» của nó. Nếu quá xa, vạn vật sẽ bị đông đặc. Nếu quá gần, đời sống sẽ bị hủy diệt bởi sức nóng thiêu đốt.

«Mặt Trời» này cũng phải sản xuất nhiệt lượng và ánh sáng đều đặn, vì có nhiều ngôi sao thường thay đổi rất đột ngột nguồn nhiệt lượng của mình.

«Mặt Trời» này cũng phải nằm cách xa các «mặt trời» khác trong các thái dương hệ khác bằng một khoảng cách thế nào để hành tinh của mình có thể «đi» đúng quỹ đạo mà không bị ảnh hưởng của thái dương hệ khác. Một hành tinh nếu «đi» trong một quỹ đạo xung

quanh nhiều mặt trời khác nhau chắc chắn sẽ chịu nhiều sự biến đổi không lồ và đời sống sẽ bị hủy diệt. Các bác học đã khám phá ra rằng MỘT NỬA số ngôi sao trong Giải Ngân Hà của chúng ta đều chịu ảnh hưởng của nhiều «mặt trời» một lúc.

Ngoài ra, hành tinh phải xoay quanh mình với một tốc độ đúng đắn so với khối lượng của mình và giữ khoảng cách đều đặn với «mặt trời» của nó. Nếu xoay chậm quá, đời sống sẽ một phần giá băng, một phần bị bốc cháy.

Một điều kiện khác phải thỏa mãn là đời sống trên hành tinh phải phù hợp với sự cấu tạo hóa học của bầu không khí bao quanh. Nếu một hành tinh không có kích thước vừa phải, thì sức hút của nó sẽ yếu khiến cho các chất khí có ích cho đời sống thoát ra ngoài không gian. Còn một hành tinh quá gần «mặt trời» cũng sẽ đi đến nạn bầu không khí bị bốc hơi vào không gian.

Bầu không khí cũng phải đủ dày để bảo vệ hành tinh khỏi bị các vụn thạch đụng phải. Bầu không khí cũng phải chứa đựng một màn lưới ozone để bảo vệ đời sống khỏi bị các tia tử ngoại tuyền từ mặt trời chiếu xuống gây hại.

Trên đây chỉ là những điều kiện rất căn bản cần thiết cho những hình thái giản dị nhất của đời sống. Nhiều hình thái rắc rối hơn đời bởi nhiều điều kiện rắc rối hơn. Và trái đất có đủ mọi điều kiện này cộng thêm hàng triệu sự hòa nhịp khác giúp cho đời sống trở nên vô cùng hoàn hảo.

Hỏa Tinh có sự sống không?

Trái với Địa cầu, những khám phá của khoa học về Hỏa Tinh đã cho thấy một hình ảnh hoàn toàn đối nghịch.

Lúc đầu, khi chiếc phi thuyền không người lái *Mariner 4* bay lên quỹ đạo Hỏa Tinh vào tháng 7 năm 1965, người ta hăm hở hy vọng các bức ảnh do nó chụp được sẽ cho thấy một vài hình thái của đời sống, hoặc có thể là bằng chứng về một xã hội tiến bộ đã bị hủy diệt từ lâu, mà dấu vết là những con «kênh đào» và «thành phố» mà con người thấy được bằng viễn vọng kính. Nhưng các hy vọng đó dần dần trở thành ảo tưởng.

Khi các bức hình từ *Mariner 4* truyền xuống trái đất, người ta thấy khung cảnh trên Hỏa Tinh chỉ là một vùng đất rộng lỗ chỗ những hố sâu dường như không do một dòng nước nào xoáy nên. Hiện tượng thiếu sự xoi mòn trên Hỏa Tinh có nghĩa là không có một chút gió hay nước nào đã tác dụng lên mặt Hỏa Tinh từ một thời gian khá lâu không rõ được — nhưng các nhà bác học cho rằng có lẽ từ 2 đến 5 TỶ NĂM.

Không có một chút biển, một dòng suối, một dòng nước ao trên Hỏa Tinh như trái đất đã có. Không có dấu hiệu gì cho thấy từ trước đến nay đã có biển trên đó. Không vết tích núi lửa không một chut mây không mọi vật chuyển động. KHÔNG CÓ GÌ CẢ. Chỉ toàn là 1 vùng đất hoang vu, với những dấu vết rõ ràng do vụn

thạch rơi trúng tạo nên.

Ngay cả niềm hy vọng theo đó có thể có một chất lỏng nào đó tập hợp với vài hình thái của sự sống cũng bị tan biến. Các luồng điện vô tuyến của *Mariner IV* phát ra xuyên qua bầu khí quyển của Hỏa Tinh hầu như đi vào một phần chân không. Áp xuất không khí của Hỏa Tinh chỉ bằng từ 1 đến 2 phần trăm áp xuất của trái đất. Ngay cả nếu chất nước có tập hợp được cũng hầu như biến mất ngay dưới áp xuất quá yếu này.

Mặc dù vẫn còn một chút hy vọng sẽ có một hình thức vi khuẩn nào đó sống dưới những điều kiện khó khăn trên Hỏa Tinh, nhưng sự thật không thể phủ nhận được vẫn là: **HỎA TINH LÀ MỘT HÀNH TINH CHẾT!** Đó chỉ là một mảnh đất mênh mông không có sự sống, và huyền thoại về « người Hỏa Tinh » hoàn toàn sụp đổ.

Còn các hành tinh khác trong Thái Dương hệ?

Đối với các nhà khoa học, Hỏa Tinh là hành tinh có nhiều hy vọng có vài hình thức đời sống nhất trong số các hành tinh thuộc Thái Dương Hệ chúng ta. Hành tinh có chút hy vọng ít hơn là Kim Tinh, gần như có cùng một độ lớn với trái đất, nhưng gần mặt trời hơn 40 triệu cây số so với trái đất.

Các lần thám hiểm của phi thuyền *Mariner* đã cho thấy nhiệt độ bề mặt của Kim Tinh lên đến mức độ không thể chịu đựng nổi là 800 đến 900 độ Fahrenheit (nước sôi

ở 212 độ Fahrenheit). Áp xuất của Kim Tinh lên tới 75 lần hoặc gấp 100 lần áp xuất của trái đất. Bất cứ một sinh vật nào ở trên mặt đất Kim Tinh cũng phải có khả năng chịu đựng một áp xuất tương đương với áp xuất ở một độ sâu trên 800 thước, dưới mặt đại dương của địa cầu!

Mọi cuộc phân tích về bầu không khí bao quanh Kim Tinh cho thấy có nhiều chất độc *Ammonia* và *carbon dioxide* cùng các hợp chất rắc rối khác. Điều này khiến không thể có một hình thức sinh vật nào thông minh có thể tồn tại được.

Và câu kết luận không thể rảnh được là Kim Tinh cũng **KHÔNG CÓ ĐỜI SỐNG.**

Các hành tinh khác trong Thái Dương Hệ chúng ta thì hoặc là quá gần mặt trời, hoặc là quá xa, hoặc là quá lớn hay quá nhỏ. Chỉ có hành tinh duy nhất có đủ điều kiện để duy trì một đời sống hoàn hảo, đó là Địa Cầu của chúng ta.

Có sinh vật ở các Thái Dương hệ và giải thiên hà khác?

Nếu có những hành tinh bao quanh những « mặt trời » tạo thành nhiều thái dương hệ khác trong vũ trụ thì theo cách tính xác xuất của toán học, có thể có những hành tinh được hưởng những điều kiện tương tự quả đất, do đó có thể có những sinh vật thông minh hiện đang hiện hữu. Tuy nhiên, sự thật không phải giản dị như vậy.

Vài kết luận toán học đã được đưa ra về độ xác xuất của sự hiện hữu này. Các nhà bác học cho rằng với một số lượng thí dụ là 10.000.000.000.000.000.000 (mười ngàn tỷ tỷ) hành tinh nằm ở trọng vũ trụ, thì tỷ lệ may mắn để **MỘT** trong số tỷ tỷ hành tinh trên có một nền văn minh kỹ thuật là 1/10.000.000.000.000.000.000 (một phần mười ngàn tỷ tỷ). Thật là một sự « may mắn » quá ư hiếm có!

Tính xác xuất theo một lối khác, Sir John C. Eccles, một nhà bác học đoạt giải Nobel chuyên nghiên cứu về sự cấu tạo não bộ, đã cho rằng sự tiến triển của đời sống thông minh của loài người là một sự « bất ngờ » may mắn. Ông cũng tuyên bố rằng sự may mắn này còn rất lâu mới xảy ra một lần nữa cho các sinh vật khác nếu có. Tỷ lệ để xảy ra sự may mắn này là một trên 400 triệu tỷ tỷ tỷ tỷ tỷ!

Một kết luận không thể tránh được

Trong các năm 50 và 60, nền tiểu thuyết khoa học giả tưởng đã lên đến mức độ tuyệt đỉnh trong thị trường sách báo Tây Phương. Các tác giả danh tiếng lẫy lừng về lĩnh vực này như J. G. Ballard, Brian W. Aldiss, John Brunner, Thomas M. Disch... cùng hàng trăm tác giả khoa học giả tưởng khác đã thi đua nhau sản xuất những mẫu chuyện đầy huyền thoại về những sinh vật không gian thông minh tuyệt đỉnh, những « người Hỏa Tinh » với hình thù

quái dị, và những loài quái thú hung ác đến từ các hành tinh khác...

Nhưng đến nay, sau khi các phi hành gia Apollo 11 đặt chân lên mặt trăng và các phi thuyền *Mariner* đã bay những chuyến thám hiểm chung quanh Hỏa Tinh, các câu chuyện giả tưởng đã mất đi nhiều tính chất hấp dẫn vì một phần là sự đặt chân lên mặt trăng cho thấy khả năng giới hạn của con người trong việc chinh phục các không gian xa hơn (vì mất quá nhiều thời gian), phần khác các hình ảnh Hỏa Tinh do *Mariner* chụp được cho thấy đó chỉ là 1 vùng đất chết. Và với những dữ kiện khoa học mới nhất, rồi đây các huyền thoại về những « sinh vật không gian » sẽ sụp đổ hoàn toàn.

Như vậy, với câu hỏi đặt ra trong phần mở đầu của bài này, chúng ta có thể trả lời một cách hiền nhiên rằng: không có một sinh vật nào khác sống trong vũ trụ; nghĩa là loài người cùng các điều kiện sống chung quanh, là **DUY NHẤT TRONG VŨ TRỤ.** Với kiến thức của nền văn minh hiện nay của con người, đó là câu trả lời đúng nhất. ■■

LTS: Bức ảnh in ở đầu bài là hình ảnh mà các họa sĩ phân họa dựa theo những tưởng tượng về một loại « sinh vật không gian » dữ tợn xuống tàn phá địa cầu.

DĨA BAY: Thật Hay Bịa ?



Nhiều cuộc điều tra cho thấy đĩa bay chỉ là điều trông tượng, nhưng nhiều nhà bác học vẫn còn tin tưởng đĩa bay có thật

• VƯƠNG MINH

TRONG 21 năm qua, các đĩa bay và vật lạ không trung, mà giới khoa học gọi là UFO (1) đã là đề tài không biết bao nhiêu câu chuyện lạ lùng hấp dẫn về các giống sinh vật văn minh tuyệt đỉnh. Theo câu chuyện này, chính các sinh vật nói trên đã lái những "phi thuyền không gian" tối tân, bí mật xuống "thám hiểm" địa cầu. Và các đĩa bay cũng đã là đề tài cho các nhà bác học cãi nhau sôi nổi, người thì bảo có, kẻ thì bảo không.

Trong thời gian gần đây, một đoàn khoa học gia đã bỏ ra 18 tháng trời để nghiên cứu vấn đề và đã khẳng định các vật lạ không trung chỉ là những hiện tượng, những biến cố tự nhiên trên trái đất, chứ không phải là những "phi thuyền" từ các hành tinh khác tới. Các khoa học gia này còn cho rằng họ đã uống công để đi nghiên cứu một vấn đề bông lông như vậy.

Đây, ba trong số những bức ảnh người ta đã chụp được về đĩa bay: thật hay chỉ là ngụy tạo?

Không lực Mỹ, cũng đã từng điều tra hơn 10.000 vụ « vật lạ không trung » từ vụ đầu tiên vào năm 1947, khi một thương gia lái một chiếc phi cơ riêng và trông thấy « vật lạ », từ lâu đã nhấn mạnh rằng các đĩa bay chỉ là do sự trông lầm mà ra. Từ mấy chục năm nay, bầu trời luôn luôn đầy rẫy những phi cơ, kính khí cầu đo khí tượng và vệ tinh nhân tạo, do đó những người không tin ở đĩa bay cho rằng các nhân chứng đã lầm lộn những phi cơ, vệ tinh trên, cùng các rối loạn về khí tượng, với các đĩa bay.

Tuy vậy, những nhóm đồng ý là đĩa bay có thật như Ủy Ban Quốc Gia chuyên Điều Tra các Hiện Tượng Không Trung (2) đã bác bỏ các lời giải thích nói trên và tố cáo Không Lực Mỹ đã bưng bít « sự thật ».

Cuộc đi tìm sự thật

Trong nỗ lực trấn an những lời đồn đãi của dân chúng về « sinh vật không gian » cũng như nhằm chứng minh cho các nhóm cho là có đĩa bay được rõ sự thật, Không Lực Hoa Kỳ vào năm 1966 đã ký một hợp đồng trị giá 500.000 Mỹ kim với Đại Học Đường Colorado để Viện Đại Học này mở một cuộc điều tra khoa học và độc lập về các « vật lạ không trung ». Giáo Sư Edward E. Condon, 66 tuổi, một nhà vật lý học có uy tín, đã hướng dẫn một toán 12 nhà vật lý học, tâm lý học và bác học không gian đi phân tích thận trọng 59 vụ trông thấy đĩa bay. Trong số mấy ngàn trường hợp, G.S. Condon và các đồng nghiệp

của ông chỉ chọn ra 59 vụ mà họ cho rằng mới nhất, đáng lưu ý nhất. Ủy Ban NICAP cũng nhân dịp này đề nghị mấy vụ quan trọng nhất nằm trong số 59 vụ đó.

Phần lớn công việc của toán bác học này nằm trong việc phỏng vấn những người đã tuyên bố trông thấy một « vật lạ không trung ». Bản tường trình sau đó đã viết « những người này trong hầu hết trường hợp đều có vẻ bình thường và có trách nhiệm... trừ một số rất ít là hiển nhiên bị rối loạn tâm lý, đầu óc họ chứa đầy những tưởng tượng về khoa học và tôn giáo... »

G.S. Condon và các đồng nghiệp của ông hy vọng quan sát được một vật lạ « bằng xương bằng thịt ». Nhưng, theo bản tường trình, « hy vọng đó không thành tựu ». Gần như tất cả những cuộc trông thấy vật lạ đều rất ngắn, đôi khi kéo dài một tiếng đồng hồ và đôi khi kéo dài được vài phút. Đoàn điều tra đã chia thành từng toán 2 người (gồm một nhà bác học và một nhà tâm lý học) đi đến tận những địa điểm trông thấy « vật lạ » để tìm những bằng chứng cụ thể nhưng không ai tìm ra. Và trong số 35 bức ảnh chụp được các đĩa bay giữa thời gian 1966 và 1968, các chuyên viên nhận ra 9 bức giả tạo, 7 bức chụp lầm những vật do người chế tạo hoặc có sẵn trong thiên nhiên, và

(1) UFO (Unidentified Flying Object): Vật bay vô danh.

(2) NICAP (National Investigation Committee for Aerial Phenomena)

19 bức thì không thể kết luận được.

Kết quả của bản tường trình

Cuốn tường trình của đoàn điều tra do GS Condon, cầm đầu dày 1465 trang, chia làm 3 bộ, cho rằng hầu hết các vụ trông thấy đĩa bay đều dễ giải thích: Thí dụ, một nông gia ở Colorado đã lầm lẫn một hành tinh với một phi thuyền không gian. Nhưng một số ít trường hợp thì không thể giải thích giản dị như vậy được. Thí dụ như một oanh tạc cơ của không quân vào năm 1957 đã thành linh nhận thấy một đốm sáng rực rỡ bay bên cạnh; các đài ra đa dưới đất cũng phát hiện vật lạ này. Cuối cùng bản tường trình đánh kết luận về vụ này như sau: « Trường hợp của chiếc oanh tạc cơ phải xếp vào loại không rõ ».

Căn cứ vào các dữ kiện khoa học, bản tường trình không cho là các « vật lạ » là những phi thuyền ngoài Địa cầu. Bản tường trình này cũng bác bỏ luận cứ của ủy ban NICAP theo đó không lực Mỹ đã bóp méo sự thật, và đánh tan những lời đồn đãi rằng

Hoa Kỳ đang giữ những mảnh vụn của các đĩa bay bị đâm xuống đất trong những căn cứ bí mật.

Một ủy ban 11 người của Hàn Lâm Viện Khoa Học Hoa Kỳ đã duyệt xét bản tường trình của G.S. Condon và không ngần ngại xác nhận những kết quả và kết luận trong đó. Sự chu đáo này của Hàn Lâm Viện Khoa Học Mỹ không làm vừa ý nhiều người. Đối với những người này, với sự kiện có những « vật lạ » sáng rực, và những vật lạ biến mất thật nhanh trong bầu trời, thì phải có những vật lạ đó. Đặc biệt là nhà bác học David R. Saunders, một trong những nhân viên của toán điều tra thuộc đại học Colorado, mới đây đã xuất bản một cuốn sách bênh vực quan điểm « đĩa bay có thật » và ủy ban NICAP lại kêu gọi một cuộc điều tra khác về đĩa bay.

Tuy nhiên, với những khám phá mới nhất về vũ trụ, theo đó khó có một sinh vật thông minh nào khác hiện hữu trong các tinh cầu, chúng ta có thể kết luận là những « đĩa bay » hoặc « vật lạ » đều chỉ là sản phẩm của tưởng tượng và hiểu lầm. ■■



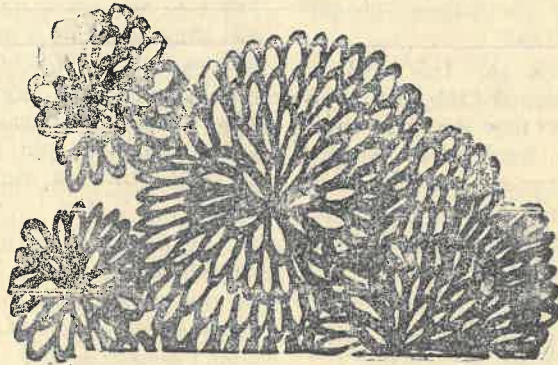
Hai thủy thủ bị dạt vào hoang đảo với một con chó.

— Tôi đói quá, hay là mình ăn thịt cái đuôi của con chó ?

— Còn con chó ăn cái gì ?

— Thì mình để dành xương cho nó !

phổ thông đi và sống



HOA CÚC VÀNG

(Viết cho người phi công đã chết, người phi công trong biệt đội ở Quảng Ngãi đã vẽ lên nón bay mình đóa cúc vàng, và trên lòng phi cơ của mình câu thơ: Áo nàng vàng anh về thương hoa cúc...)

o Bút ký của PHẠM HỒ

VIẾT xong bài bút ký về thị xã Qui Nhơn với những hình ảnh kỷ niệm của ngôi trường Sư Phạm Qui Nhơn, tôi đã hứa trước với anh Tổng Thư Ký là trong kỳ này tôi sẽ viết về Hoa Cúc Vàng. Trong ý hứa, tôi muốn nhắc lại hình ảnh những ngày đến Quảng Ngãi với một vai kỷ niệm

mà từ lâu tôi quên không viết đến mỗi lần nhắc đến tình lý này.

Không ngờ vừa qua, chưa kịp viết tôi đã nhận được một tin đến bàng hoàng cả tâm hồn. Tin ấy đến với tôi như một thứ linh tính mà tôi đã chợt nhận từ đáy hồn sâu thẳm. Tin ấy đã gây cho tôi bàng khuâng đến nỗi chiều n o

tôi cũng đi lang thang trong thành phố dưới những cơn mưa. Tôi thật là lãng mạn và cũng thật là nhẹ lòng. Vì thế mà tôi dễ bị đau đớn với bất cứ những gì như trái gió trở trời.

Không trái gió trở trời sao được, khi người định viết trong thiên bút ký này đã chết trong một phi vụ hành quân ở Huế. Vâng, tôi được tin Hoa Cúc Vàng, biệt danh của người phi công quan sát một lần nào tôi đã gặp đã uống chia mừng cùng anh một ly rượu cưới sau một phi vụ hướng dẫn phi tuần khu vực đánh giải toả áp lực địch cố về vây tỉnh Quảng Ngãi địa đầu này.

Tôi đã uống một ly rượu mừng khi nhìn ra hướng bắc thấy ngọn núi Thiên Ấn nằm lưng lửng xanh cao cây cỏ giữa trời mây của phương xa, và nhìn ngược lại hướng nam ngọn Thiên Bút với la đà mây núi của dãy Trường Sơn lam bối cảnh.

Từ chân trời xa, từ hướng Chu Lai hai oanh tạc cơ lúc đầu chỉ là hai chấm đen xuôi về Nghĩa Hành, dần dần lộ rõ hai thân tàu đen đũi khi bay ngang qua bầu trời Quảng Ngãi. Rồi hai oanh tạc cơ nhào xuống. Xuống thật thấp. Đứng ở phi trường Quảng Ngãi cứ tưởng tượng như hai oanh tạc cơ bay sát đen ngọn cây và một tràng nổ ầm vang động, một cụm khói trắng bốc cao. Phía đó, Nghĩa Hành, vùng địch vừa bị ta phá giặc. Vùng mà những người phi công trẻ trong những phi vụ tham sát đã thấy địch quân lố nhố, đã xa thấp, sát phi cơ trên đầu địch, quang những trái khói màu gni đầu bóng địch quang.

Hình ảnh cuối cùng tôi đã thấy ở Quảng Ngãi như thế đó. Vây mà thời gian chưa qua bao nhiêu lâu, lòng tôi chưa quên thì tôi lại hay tin, một trong những người phi công ấy đã bỏ mình trong một phi vụ ở Huế. Người phi công ấy lại là người phi công tôi cùng uống chén rượu mừng ngày cưới của anh. Người phi công mang cái biệt danh đa tình Hoa Cúc Vàng.

Tôi còn nhớ, những đoạn viết về anh, về ngày cưới của anh, tôi đã ghi lại một câu thơ của Hữu Loan trong bài «Màu tím hoa sim»: *Nhưng không chết người trai nơi khói lửa, mà chết người em gái nhỏ ở hậu phương* để đặt câu hỏi ngược lại là rồi chẳng một đi không trở lại thì người con gái chưa kịp: *khấp như thiếu nữ vu qui nhật* đã mắt đỏ trông với bóng người đi. Khi viết và đặt câu hỏi như thế, tôi đã sống trong lòng với những ý nghĩ và hình ảnh một người *pilot* mặt đầy mồ hôi từ trên phi cơ bước xuống, tháo lệ chiếc găng tay vui vẻ đến bắt tay tôi. Một cái bắt tay thân mật. Một cái bắt tay như muốn nói với tôi rằng: tôi đã hoàn thành xong một phi vụ gian nan, tôi đã về đây, con tàu tôi đã nằm im trong bến đậu đó, và mời anh cùng tôi trở lại chung một ly rượu, trong ngày cưới của tôi. Tôi viết với tràn đầy hình ảnh như thế đó. Tôi viết như là một giọng kể về những gian nan mà những người tuổi trẻ trên dưới ba mươi của chúng tôi, đang trải đời mình, đang lần đời mình trên những vùng trận địa heo hút, xa xôi.

Tôi viết trong tâm trạng lạc quan

khi nhắc về ngày cưới của Hoa Cúc Vàng như thế là trong kỳ báo này, tôi cũng dự định gửi đến bạn đọc hình ảnh về một cuộc tình đẹp của một người lính từ một nơi xa đến đóng trên một tỉnh lẻ và yêu người con gái đẹp của tỉnh lẻ ấy. Yêu và tình yêu được dệt thành một ngày cưới với trên trời có một chiếc phi cơ bay sà thấp trên mái nhà lam một dấu hiệu chia mừng.

Nhưng bây giờ thì lại với một tâm trạng, một ý khác hơn. Bởi người lính ấy đã ra đi rồi. Người lính ấy ra đi để lại nỗi tiếc thương cho người con gái đẹp của tỉnh lẻ, đã một đời làm vợ của anh ta. Ôi, sao mà buồn quá vậy!

Áo nàng vàng anh về thương hoa cúc, (1) của những ngày trên đất Quảng Ngãi nên thơ, có giòng sông Trà Khúc và hai ngọn núi nhỏ Thiên Ấn, Thiên Bút đối cảnh cùng một số bạn hữu chiến binh giờ này còn nhớ lại người xưa chẳng. Hay là nơi khuê phòng chỉ còn người thiếu phụ ngồi nhớ lại thời nào ngợp nắng vàng, ngợp lửa yêu đương và ngợp tình chân gối. Đạn bè đâu? Những ngày bay trên nền trời đất nước thân yêu, qua từng ngọn núi mù xanh, từng khu rừng miên man cỏ cây què hương yêu dấu cùng phi trình với những người bạn trong chuyến gian nan, an nguy ở một độ cao của không gian. Có ai còn nhớ đến chăng?

Tôi đến Quảng Ngãi vào một buổi xế mai nắng ráo. Mới đó, cách gần hai giờ bay tôi đã không nghĩ là Quảng Ngãi có một cơn nắng đẹp và khô ráo. Bởi vì từ Đa Năng, phi cơ đưa chúng tôi chui qua tầng tầng mây nam ngọt của ngọn

bão từ hướng Nam Hải thổi về. Phi cơ đến gần không phận phi trường Chu Lai, ngược về Quảng Tín, Tam Kỳ. Nhìn qua khung kính phi cơ, tôi vẫn còn thấy bầu trời mây giăng đen thẫm. Vậy mà khi phi cơ đến không phận tỉnh Quảng Ngãi, mây đen bị loãng ra dần, và bầu trời ở đây thật quang đãng.

Bước chân đến Quảng Ngãi, tôi được hướng dẫn đến Cầu lạc bộ sĩ quan của Sư đoàn. Tại đây tôi đã được giới thiệu với những người bạn Không Quân bay biệt đội và biệt phái cho tỉnh này. Tôi đã gặp các sĩ quan liên lạc hành quân ở đây cùng với vị sĩ quan biệt đội trưởng. Cả ngay ngày đầu cho đến ngày kế tiếp sau, tôi bận một vài công việc với những người bạn thân cũng đóng quân ở tỉnh này. Những người bạn ấy đưa tôi đi thăm những danh lam thắng cảnh của Quảng Ngãi. Từ những làng mạc nhỏ ven tỉnh cho đến những chiều đứng trên Bộ Chỉ Huy của Trung đoàn Sáu mới từ Tam kỳ di chuyển quân về ở một mỏm đồi nhìn xuống giòng Trà Khúc lượn lờ bên dưới.

Trong những ngày đầu, tôi đã sống như thế. Tôi đến thăm các Tiểu đoàn và Trung đoàn Sáu đóng rải rác ven triền núi Thiên Ấn và nghe những người bạn lính kể lại những pha đánh nhau oai hùng trên các mặt trận thuộc vùng một. Và được gặp bà Thiếu tá Soạn theo bên chồng chiến đấu anh dũng trong những trận đánh bốc lửa của Tiểu đoàn...

(1) Đây là một câu trong một bài thơ của Nguyễn Sa

Cho đến một buổi chiều chúng tôi quay trở lại văn phòng của biệt đội quan sát, tôi mới được hay tin và được mời dự đám cưới tại đơn vị hành quân của một vị pilot. Tôi ngỡ ngàng. Tôi không hiểu gì cả. Và trong Câu lạc bộ của Sư đoàn, buổi chiều hôm đó, tôi được nghe kể về chuyện tình của người pilot ấy. Một chuyện tình cảm động. Một chuyện tình tuyệt đẹp. Tôi đã nghĩ như vậy khi nghe kể xong. Tôi còn nhớ Đại úy Đức, vị sĩ quan liên lạc hành quân căn dặn :

— Làm sao mình cũng đến dự đám cưới của hắn. Nhà trai của hắn chỉ có chúng ta. Như vậy nếu vắng một mạng chúng ta là bên nhà trai kể như ít đi một người...

Đại úy Đức còn kể :

Hắn làm đám cưới như vậy và vẫn phải nhận lệnh hành quân. Vì hắn không kịp xin phép xin tắc cấp trên gì cả. Nhưng hắn không cần. Tình yêu của hắn đã kéo dài từ lâu rồi. Nhất là nàng là hoa hậu của tỉnh này...

Kể như thế, Đại úy Đức và một số anh em trong biệt đội kể cho tôi nghe câu chuyện tình đầy gian nan và thơ mộng của chàng.

Nàng là một cô gái đẹp nhất tỉnh, nhà nàng cũng thuộc vào hàng khá giả. Lần đầu tiên chàng được biệt phái ra đây bay chung trong biệt đội quan sát. Buổi trưa đầu, sau khi đi bay về, chàng cùng anh em trong biệt đội ra phố ăn cơm trưa, tình cờ chàng thấy nàng đi trên đường trong phố chợ. Lần đầu tiên chàng thấy nàng mặc chiếc áo màu vàng ánh rực rỡ trong nắng. Lòng chàng như ngây như dại khi trở về phòng. Sau đó chàng tìm

theo dấu tích của nàng. Chàng được biết nhà nàng ở ngay trên khu phố đường dẫn vào nơi biệt đội chàng ở. Thế là sau những giờ bay hành quân cùng anh em đơn vị, chàng lặn mò đứng đón trước cổng nhà nàng. Và dần dần chàng được biết đến ngôi trường nàng đang cấp sách đi học, hơn nữa chàng còn biết nàng là một trong những hoa khôi trong tỉnh nhỏ này. Ôi, thật là khó quá đi thôi. Từ ấy, chàng về tương tư. Tương tư luôn cả màu áo vàng, nàng thường dùng trang phục. Cũng từ ấy chàng thường ngâm nga hát một bài hát có câu : *Áo nàng vàng anh về thương hoa cúc, áo nàng xanh anh anh mến lá sân trường...*

Lần biệt phái đầu tiên ấy chấm dứt theo định kỳ hành quân, chàng trở về Đà Nẵng với lòng nhung nhớ vợ. Màu áo vàng trong ánh nắng vàng hanh của xứ Quảng cuốn hút, lòng lộng trong đầu chàng. Dù quê hương của chàng ở Huế, nhưng từ đó trở đi, chàng không bao giờ xin được biệt phái về bay ở Huế. Trong mỗi chu kỳ biệt phái chàng đều xin phép đơn vị trưởng hoặc trao đổi cùng bạn bè các chuyên biệt phái đều đặn ra Quảng Ngãi. Dù Quảng Ngãi với những phi vụ hành quân gian nan, dù có những tiền đồn heo hút sát kề biên giới. Và dù trong những ngày tháng Hạ, ngọn gió Lào là những thứ như đốt cháy cả thân thể con người, nhưng chàng không từ nan. Chàng muốn luôn luôn có mình đang bay trên không phận tỉnh lý có người con gái mặc áo vàng.

Cũng từ đó, bạn bè thấy trên nón bay của chàng có vẽ một bông cúc vàng. Nhất là trên tân số liên

lạc hành quân, bạn bè hoặc các đơn vị bạn đều nghe danh xưng từ tân số của chàng là Hoa Cúc Vàng.

— Hoa Cúc Vàng. Hoa Cúc Vàng đây Sa Tăng nghe rõ trả lời. — Hoa Cúc Vàng nghe rõ bạn năm trên năm, bạn đã đánh trúng mục tiêu pass đầu. đánh tiếp...

Tất cả những phi vụ chàng bay đều được nằm trong danh xưng hành quân với tiếng Hoa Cúc Vàng như thế. Trong những lần xin cất cánh hoặc hay trở về đáp trên phi trường, báo cáo kết quả hành quân đều là một tiếng Hoa Cúc Vàng.

Tình yêu của chàng đẹp như thế. Và người con gái của tỉnh lý nhỏ ấy đã cùng chàng diu nhau đi trên những con đường ngoằn ngoèo của tỉnh lý. Những buổi chiều xuống thật đẹp bên bờ sông Tra Khúc, bên con đường tàu xuyên Việt đã bị bỏ hoang cũng đã từng ghi dấu vết đôi chân của cặp tình nhân gắn bó bên nhau.

Yêu nhau phải có ngày đến giai đoạn chung sống với nhau. Gần hẳn nhịp cầu ăn ái tuyệt vời của một đời người miên viễn. Nàng hoa cúc vàng được song thân cho phép về làm dâu nhà chàng phi công hào hoa kia. Và chàng cũng thế, chàng bay về Huế xin phép người mẹ già để được cưới một bông hoa đẹp nhất nhì của tỉnh là Quảng Ngãi. Phép của hai bên đồng thuận. Ngày cưới của chàng được tất cả bạn bè cùng tham dự, dù trong cuộc đời nha binh, với giấy tờ cần thiết chàng chưa được phép gi.

Vì vậy, ngày cưới của chàng,

chàng vẫn nhận lệnh và thi hành lệnh hành quân một cách nghiêm chỉnh. Đã có nhiều bạn bè xung phong bay thế cho chàng, nhưng chàng cảm ơn mọi người.

Tôi còn nhớ, buổi chiều hôm ấy khi ngồi trong câu lạc bộ nói chuyện cùng một số anh em trong biệt đội cùng những vị sĩ quan liên lạc hành quân Không Quân với chàng, ai cũng một lòng chia vui cùng chàng. Tình đơn vị, anh em cùng chung sống chết với nhau trên quê hương những khi này thể hiện lên một cách rõ rệt.

Sau đó tôi từ già Quảng Ngãi, tôi từ già tiệc cưới chưa tàn của Hoa cúc Vàng trở về Đà Nẵng mà trong đầu vẫn còn nghĩ đến hình ảnh tuyệt đẹp của căn nhà cưới, ngay giữa phố chính của thành phố Quảng Ngãi. Trên con đường trở ra phi trường, tôi còn cố nhìn để thấy chiếc máy bay quan sát của bạn bè Hoa Cúc Vàng làm những phát « mức » vang trên nóc nhà của cô dâu để gọi là mừng ngày cưới của một người bạn phi công, như buổi chiều hôm trước họ đã bàn lén với nhau. Tôi nghĩ đến âm thanh động cơ của chiếc quan sát làm một cái rào sát ngay trên nóc nhà, rồi vút qua. Chắc khi ấy bạn bè của nhà gái phải ngạc nhiên vô cùng. Và cuộc đời của những người lính bay biệt phái những tỉnh xa, tôi nghĩ không còn gì đẹp hơn là những hình ảnh như vậy.

Tôi sống trọn vẹn với hình ảnh đẹp như vậy không biết bao nhiêu ngày. Tôi cứ tưởng tượng đến một ngày cưới hiếm có của đất nước chúng ta mà chỉ trong

chiến tranh mới có mà thôi.

Nhưng bây giờ thì hết rồi. Khi tôi ngồi viết những giòng này, người phi công có cái tên Hoa Cúc Vàng trên các tần số hành quân của tỉnh Quảng Ngãi, và đối với các bạn bè chung đơn vị đã không còn nữa. Chàng đã làm xong bốn phận một người trai. Chàng đã đành phụ bạc người con gái đẹp nhất nhì của tỉnh Quảng Ngãi, thích mặc áo màu

vàng, đã một thời gian làm vợ của chàng.

Ngày hôm nay, với những giòng này, tôi xin viết về người phi công ấy, như một từ giả vĩnh viễn, người phi công tôi chỉ gặp một lần trên tỉnh Quảng Ngãi. Một tỉnh nổi tiếng có kẹo mạch nha, có đường phèn, có món Mì Quảng vang danh, và cũng có những mối tình muôn thuở. ■■

Với sự thỏa thuận của TENGGARA, Đại Học Mã Lai, nhà Đại Nam Văn Hiến vừa in xong, phổ biến hạn chế:

THE PHONG Asian Morning Western Music and Other Poems

- Translated from the Vietnamese by DAM XUAN CAN
- Preface by LLOYD FERNANDO, Professor of English, University of Malaya
- Cover design: VI Y — Photo by TRAN CAO LINH

Saigon bán tại XUÂN THU — TRINH BẦY
Mã Lai—Đại học Mã Lai, TENGGARA—New York Cenergie Hall
VN. 550 — US. 200.—M. 7.00

Ở xa xin biên thư cho ông:

DAM XUAN CAN
Hộp thư 1123 — SAIGON

Những bức bích họa của người tiền sử đào được ở vùng bờ biển Tây Ban Nha cho thấy con người man rợ 10.000 năm trước Tây Lịch cũng có đầu óc mỹ thuật không ngờ...

Những Bí Mật Trên Các Bích Họa Thời Tiền Sử

• LÊ VĂN LỊCH

V A O một buổi chiều mùa Hạ năm 1879, nhà khảo cổ tài tử Marcelino S. de Sautuola đang lom khom đào các đồng đá ở một miệng hang mà ông vừa tìm thấy ở Altamira gần Santillana del Mar thuộc phía Bắc bờ biển Tây Ban Nha. Bỗng nhiên từ bên trong hang, cô con gái lên 9 của ông tên Maria la lớn lên: «Bò, Bò, mau lên Ba!» Nghe tiếng la, ông vội quăng cuộc chạy vào thì thấy cô gái đứng nép một phía và chỉ lên tường. Lấy can đảm dù lạnh gáy ông giờ cao đèn lên để khám phá sự thật, thì ra không phải bò sống là bích họa có hình bò mộng trong hang động thời tiền sử, chỉ có các màu vàng, nâu, đen đỏ mà nét vẽ linh động vô cùng. Sự thật, bích họa dài 18m cao 10m này không phải chỉ có một con bò mà đầy đầy khắp nơi với nhiều dã thú có lông xù — 17 hình trong số ở thể linh động khó diễn tả như đứng, nằm, đang cào đất, ngủ khoanh tròn, sống, dầm mình trong cát hay đang hấp hối vì bị trọng thương — hình ảnh dã man

được nhìn thấy trong hình các con heo rừng bao vây một con ngựa và con hưu run rẩy trước con chó sói. Tiếp tục tìm kiếm, ông tìm được hàng chục bức bích họa vẽ trên vách đá, và các bức chạm nổi chạm hình các loài vật gồm các loại nai to sừng con và dài, bò mộng và mammoth (voi có lông xù thời tiền sử).

Khám phá này như một chìa khóa tiết lộ một kỷ nguyên không thể nghi ngờ trong lịch sử nhân loại. Don Marcelino biết ngay tước khắc những bích họa này lâu đời không biết mấy ngàn năm mà kể. Phần lớn các loài động mô tả trong các bích họa linh động này hoặc đã bị tiêu diệt theo thời gian hoặc biến mất ở Tây Âu trong nhiều thế kỷ trước. Những cổ vật mà ông đào được trong các lần viếng thăm đầu tiên có từ kỷ nguyên Paleolithic (vào khoảng năm 10.000 trước Tây lịch). Tất cả các cổ vật và bản sao các bích họa được trình bày trong một quyền sách thanh nhã, nhưng rồi cuộc họp của Quốc hội bàn về ngành

khảo cổ thời tiền sử ở Lisbon năm 1880 đã cho tác phẩm này là đồ giả mạo. Các giới trí thức không bao giờ tin rằng một nghệ thuật truyền cảm như vậy dù là man rợ nhưng nhất định không thể là thứ nghệ thuật của dã nhân (khỉ đột) được; nhưng dưới sự thống trị và độc tài của giáo hội ông bị lên án là phản đạo vì dám thách đố Kinh Thánh về nguồn gốc sáng tạo. Danh dự bị bôi lọ, với niềm kiêu hãnh của công dân Tây ban Nha ông đã chết để chầm dứt một trò cười vào năm 1888. Tuy nhiên, chẳng bao lâu ông được minh oan. Vào năm 1902 Abbé Henri Brenil, ông ta nổi tiếng vì là «Giáo sĩ của hang động», đến viếng thăm Altamira, nơi đây ông tìm thấy trên nền các hang động các bộ xương hóa thạch mang hình vẽ giống y các bức bích họa mà Don Marcelino đã in trong tác phẩm, dĩ nhiên là hàng ngàn năm. Sự so sánh giữa các bộ xương và bích họa không cho phép người ta nghi ngờ nữa, để kỷ niệm người ta xây cất một thánh đường họ Sistine của nghệ thuật tiền sử tại Altamira. Cách đó vài chục năm hơn một trăm hang động khác được khám phá với các bích họa, điêu khắc, cổ vật tại miền Bắc Tây Ban Nha ở dãy Pyrenée và phía Bắc vùng Dordogne, dọc theo miền nam nước Ý và dãy Urals.

Tuy vậy, không nơi nào có những bức họa trên tường linh động hoặc có thể sánh với các bích họa kiệt tác vĩ đại của Altamira.

Vào năm 1940, một nhóm học sinh gần Lascaux ở Pháp đã tìm thấy và đã trượt trên một phiến đá để xuống một hang, phiến đá này chứng tỏ sự hiện diện của thú vật thời tiền sử. Các hình ảnh nói về nghệ thuật thời Paleolithic ở Bảo tàng viện Louvre là hình ảnh các con bò mộng dài từ 4 đến 5 thước, những con ngựa chạy nước kiệu, các bích họa chạm nổi các loại nai rừng to đang lội qua một dòng sông và loài ngựa của Trung Quốc da vàng có lốm đốm đen (sở dĩ gọi là ngựa của Trung Hoa là vì màu sắc trên bích họa giống màu sắc của ngựa đời nhà Đường (618-901), nai rừng đen núi, và một quái vật giống ngựa nước có thai mà dài, và có một sừng chia ra từ đầu gọi là «Độc giác». Tương ứng với các bích họa kiệt tác về loài thú là các bích họa thô sơ về loài người. Trong số đó có một vài bức cho khách bàng quan biết là không phải các nghệ sĩ trong các hang động thời tiền sử bất tài, không thể vẽ chính xác hình ảnh con người. Con người được mô tả bằng các nét sơ sài, và hình vẽ nguệch ngoạc như hình vẽ của trẻ em lớp tiểu học. Họ cố làm xấu đi không phải không có lý do, vì vẽ hình ảnh con người được coi như phạm vào luật cấm kỵ tuyệt đối của tôn giáo.

Dù phải trải qua 10 năm dài nghiên cứu không ngừng trong đó có cả sự đóng góp của khoa học và kỹ thuật; các nhà khảo cổ cảm thấy không tiến được bao nhiêu. Có nghĩa là họ biết rất ít về nghệ thuật trong các hang động và con người thời tiền sử. Tuy nhiên họ có thể mạnh dạn trả lời một số câu hỏi mà người nghe phải ngạc nhiên.

Các tác phẩm nghệ thuật được

bao nhiêu tuổi? Các phương pháp phân tích bằng carbon phóng xạ (radio carbon) cho biết là các bích họa được vẽ lên ở các hang động vào khoảng từ năm 30.000 đến năm 10.000 trước Tây lịch. Trong các bích họa ở kỷ nguyên đầu thì nét vẽ quá thô sơ, nhưng các bích họa sau cùng không có chi tiết nào được bỏ sót vì đôi khi các nhà động vật học phải dùng các tranh này làm bản đồ giải phẫu. Trong số cùng có một số thuộc phái lập thể (giống như tranh của Picasso bây giờ), vì đầu và sừng thú được vẽ và nhìn từ phía trước, có đầu thì thiếu tai hoặc tai dính dưới cằm hay cằn cỗi, có nhiều bức họa sĩ lại tưởng tượng ra để thêm vào.

AI là tác giả các tác phẩm?

Đó là các dân tộc ngự trị Tây Âu lúc bấy giờ, người Cromagnon, con người có hình dáng dễ coi, tứ chi thẳng trắn cao mặc da thú. Họ sinh hoạt bằng cách săn thú rừng, bắt cá, lên rừng hái trái cây và bắt ốc, họ chưa biết trồng trọt cây cấy và nuôi gia súc, cũng không biết cỡi ngựa và dùng súc vật thay người để chuyên chở đồ vật. Khí hậu lạnh lẽo đời sống man dại và ngắn ngủi, đàn ông ít người sống đến 50, đàn bà không quá tuổi 35. Người Cro-Magnon dĩ nhiên là một giống người có tình cảm mạnh mẽ và thông minh. Bằng chứng là những bài hát, vũ điệu, văn hóa của họ, đều là các sáng tạo nghệ thuật đáng kể. Họ luôn luôn tin tưởng sau khi chết, linh hồn con người tiếp tục bắt đầu một đời sống ở một thế giới khác với thế giới hiện hữu nên họ chôn các thức ăn, dụng cụ

chung với người chết trong các mồ mã. Họ cũng biết loài vật có linh hồn như loài người, điều này được ghi lại trong một bức tranh trong hang động, có một con ngựa con vụt chạy xa ngựa mẹ vừa trong thương.

Lý do sáng tác các bích họa

Các nhà khảo cổ đều đồng ý là các tác phẩm chỉ được sáng tạo vì các mục đích của tôn giáo, việc đi săn thú vật to lớn và dã man đặt ra cho con người một vấn đề nan giải, vì phải đương đầu bằng vũ khí thô sơ.

Họ phỏng đoán là người thời tiền sử phải chịu bị các lễ nghi phức tạp và trọng thể để cầu xin «huyền lực của quỷ thần» dùng bùa, chú để thôi miên loài vật Hành động thôi miên được mô tả con vật bị ma lực dẫn về đến hang động rồi bị bắt mà không chống cự trước ảo thuật của con người. Chính vì vậy mà họa sĩ dễ dàng quan sát và ghi nhận trung thực các đặc tính thể chất của dã thú như: bước đi nhịp nhàng của ngựa, nai, nét mạnh mẽ của mammoth và bò rừng, can đảm của heo rừng và sư tử. Các vết thương trên mình dã thú được tô đậm để chứng tỏ tài thiện xạ của mình, và dùng một số hình ảnh để chỉ các khuyết điểm các tay thợ săn mới vào nghề. Cũng nhiều lúc, nạn khan hiếm thú rừng đe dọa đến thực phẩm của họ, thì các bức bích họa được sáng tác như những thông cáo để báo động vấn đề tiếp tế thực phẩm. Người ta cũng thấy là xung quanh thông cáo là những bức họa trả lời với những hình ảnh dồi dào thực phẩm.

Kiến thức sáng tác như thế nào

Thường thường, bước đầu của bích họa là việc phác họa các đường nét trên vách đá bằng những thỏi đá lửa nện rồi mới tô màu. Các họa sĩ thời này không có các xanh lá cây và xanh da trời, họ dùng Oxýt mangan để chế màu đen và màu tím sẫm. Màu đen cũng được lấy từ than và lọ chảo, các màu đỏ, cam, vàng được lấy từ các quặng sắt được nghiền bằng đá rồi đem trộn với máu, mỡ loài thú và nhựa cây. Nước sơn được sơn rất dày bằng nhiều cách: bằng tay, cọ làm bằng lông thú, lông chim, cây đập cho tưa đầu, bằng rong rêu, bằng thân cây sậy để thổi màu vào các nơi mà khó vẽ, hoặc bằng xương thú vật. Đôi khi họ dùng đất sét vàng nhồi với mỡ làm thành các viết chì nhỏ để vẽ, tất cả đều được tìm thấy ở Altamira. Tranh thường thường là chạm nổi để trang trí chung quanh hang động, nơi nào có lỗ hồng được chọn làm mắt của súc vật, vết rạn nứt của đá dùng làm vết thương, các số đá nhỏ lên cao được làm thành sừng các chỗ nhô cao làm lưng, hông và bờm, các nơi như những vú đá được chọn làm chân. Dù vẽ hay chạm, các tác phẩm được sáng tác và mô tả một cách rắn chắc kèm theo một vai nét sửa sai. Sự thật, thì trước khi vẽ họ đều phải đến trường để học hỏi môn này, vì ở Limeil miền Tây Nam nước Pháp, người ta tìm thấy 137 bức họa có đường nét thô sơ và các chi tiết đều được sửa chữa lại như là được một ông thầy giảng dạy.

Tại sao trải qua bao tuyết sương mà chúng vẫn tồn tại?

Không ai có thể trả lời một cách hoàn toàn. Tất cả những gì mà chúng chịu đựng đều được tìm thấy trong hang động, vì ở bên trong lòng đất nên nhiệt và ẩm độ không thay đổi, không khí có thoáng nhưng cũng không hoàn toàn đủ hơi ẩm, vì hơi ẩm trong không khí đủ sức giữ cho màu sắc không phai mờ và bị tróc ra. (Mỡ dù đã được vẽ hàng ngàn năm, màu quẹt tay vào là dính tay mới là lạ!). Quan trọng nhất là các cửa hang bị các vụ sụp đá mờ toang, người xưa hoảng cửa động là vì sợ có người vào làm hư các tác phẩm. (Những tác phẩm của người xưa trải qua 15 ngàn năm không hề nao núng, giờ đây lớp hơi thở con người, bụi bặm, vì sinh vật được đổ xô vào động Lascaux, lại thêm du khách hay dùng đèn điện nên mới có 15 năm mà đã muốn hư rồi, và giới hữu trách bắt buộc phải đóng cửa không cho dân chúng vào xem từ năm 1963).

Việc gìn giữ các họa phẩm đều tùy thuộc ở họa sĩ. Dù là ở thời tiền sử, các tác phẩm nghệ thuật cũng không phải là môn dễ phổ biến trong quần chúng. Các hang động có các bích họa như vừa nói đều là những nơi thờ phụng thiêng liêng và chỉ mở cửa vào các dịp lễ bái, muốn đến cũng rất khó khăn và nguy hiểm. Để bảo toàn các họa sĩ hay lựa các chỗ hang sâu động thẳm và tới nơi nào khó đặt chân đến nhất để sáng tác. Các bức bích họa ở Rouffignac ở Pháp cách xa miệng hang gần 2 cây số, còn như ở Font-de-Gaume thì bức họa lại nằm ở cuối miệng hang đường tròn ốc, muốn vào chỉ có

những người nào ốm để trường xuống hang vừa chật vừa quanh co.

Nhưng từ năm 10 000 trước Tây Lịch trở về sau, thì nghệ thuật Paleolithic hình như đến độ suy tàn. Khi mùa nóng kéo đến, con người từ bỏ các hang động để dựng các lều gỗ dọc theo sông hồ cho thoải mái hơn. Họ bắt đầu trồng trọt cây cấy, nuôi gia súc dần dần bỏ việc săn thú rừng và không còn giữ đúng truyền thống trong đời sống ở hang động nữa. Hang động được coi là nơi thú vật trú lạnh để ngủ trong suốt mùa đông giá rét. Khi các thương gia miền đông Địa trung hải đặt chân đến đây lần đầu tiên khoảng từ năm 1500 đến năm 800 trước Tây

Lịch thì một số bích họa đã được 9000 năm rồi. Truyền thống sáng tạo nghệ thuật trong hoang động bị quên lãng. Ý chí sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ đầu tiên trong thế hệ đầu và các thế hệ vàng son kế tiếp giờ đây mãi mãi đi trên con đường vô định rồi. Nội dung hấp dẫn, cảm giác huyền bí và sức sống mãnh liệt bùng dậy trong nhân tuyến của khán giả. Mỗi khi nhìn bức họa trong ánh sáng mờ ảo của hang động người ta thấy hình ảnh của các con vật như đang di động thật sự. Điều đáng nói là trải qua 15.000 năm mà các bích họa vẫn tồn tại, quả là một phép lạ của Altamira.

••



giải đáp « thử tài của bạn »

1.—

NGƯỜI CHỦ QUÁN ĐẦY LƯƠNG TÂM.

Nếu tôi là người chủ quán ấy, tôi sẽ lý luận rất hợp lý như sau :

Tôi có 4 loạt thịt, mỗi loạt ba miếng phải chiên cho chín. Bởi vì tôi không thể chiên thịt lẫn lộn cũng như không thể chiên một lúc nhiều hơn hai miếng thịt nên mỗi loạt thịt tôi phải chiên làm hai chảo, chảo đầu hai miếng thịt và chảo thứ hai chỉ có một miếng thôi. Thịt heo phải mất 10 phút mới chín một mặt, vậy muốn một chảo thịt heo chín, phải mất : $10 \times 2 = 20$ phút.

Trong khi đó thịt bò chỉ mất 3 phút cho mỗi mặt, nên một chảo thịt bò sẽ phải mất : $3 \text{ phút} \times 2 = 6$ phút.

Vậy nếu chiên chín tất cả 4 loạt thịt sẽ phải mất tổng cộng :

$$(20, \times 2 \times 2) + (6 \times 2 \times 2) = 104 \text{ phút.}$$

Nhưng sau khi suy nghĩ tôi thấy rằng mỗi loạt thịt có 6 mặt tất cả, và số thời gian chiên chín 6 mặt ấy cũng là thời gian làm chín 8 mặt. Vậy phải có một cách, trên lý thuyết để tiết kiệm thì giờ.

Cách ấy như thế nào ?

Chúng ta hãy lấy một trong những loạt thịt ấy. Thí dụ loạt ba miếng thịt heo chiên với bơ. Gọi A và A', là hai mặt của miếng sườn heo thứ nhất, B và B' là hai mặt của miếng sườn heo thứ hai và C và C' là hai mặt của miếng thứ ba.

— Cho vào chảo miếng sườn heo thứ nhất và thứ hai ở hai mặt A và B

— Sau 10 phút lật miếng sườn heo thứ nhất qua mặt A', lấy miếng sườn thứ nhì ra thay vào mặt C của miếng sườn thứ ba.

— 10 phút sau nữa những mặt thịt đã chín là A và A', B và C.

— Lấy miếng thịt thứ nhất đã hoàn toàn chín ra, cho miếng thứ hai lật miếng thứ ba qua mặt C.

Như thế chỉ mất 30 phút để làm chín 6 mặt của ba miếng thịt thay vì 40 phút.

Nếu chiên hai loạt thịt heo sẽ mất :

$$30 \times 2 = 60 \text{ phút}$$

Cũng với cách đó, tôi có thể tiết kiệm được 3 phút để chiên chín một loạt ba miếng bò hết tức là 9 phút thay vì 12.

Chiên hai loạt hết sẽ mất :

$$9 \times 2 = 18 \text{ phút.}$$

Tổng cộng vừa thịt bò vừa thịt heo chỉ phải mất :

$$60 + 18 = 78 \text{ phút để chiên chín.}$$

Như vậy tôi đã tiết kiệm được so với thời gian 104 phút lúc đầu một số phút là :

$$104 - 78 = 26 \text{ phút.}$$

2.—

HAI CHUYẾN XE BUÝT

Nếu người chào hàng đã đi 900 lần trên 1.000 lần bằng xe buýt số 49, mặc dù số chuyến xe buýt 43 cũng như 49 đều bằng nhau trên lộ trình ấy, và khoảng cách giữa mỗi chuyến xe khi tới trạm đều là 10 phút thì chỉ có một cách giải thích sau đây : chuyến xe buýt số 43 đến trạm sau chuyến xe buýt 49 1 phút. Như thế người chào hàng đã có 9 dịp may trên 10 để tới trạm vào khoảng cách giữa 1 chuyến 43 và 1 chuyến 49, trong khi đó người ấy chỉ có 1 dịp may trên 10 đến trạm vào khoảng cách giữa một chuyến 49 và một chuyến 43.

Tin Mừng

Thân mến chúc mừng :

TRẦN THI, thứ nam Bà Võ thị Khương, Quảng Ngãi, Trưởng Ty xã hội Nha Trang, và LÊ THỊ PHƯƠNG LIÊN, sinh viên Dược Khoa, trình nữ Ô. Bà Lê Du, chợ lớn, được trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Vỹ, Nguyễn Tâm Phan thị Thu Mai
Thủ văn đoàn Thăng Bờm.

BA TÁC GIẢ



BUỔI TRỞ VỀ

giữa buổi sáng lòng nghe đầy chim hót
tôi trở về lớp học của em xưa
màu áo mới khua vang cùng chân bước
của đời năm tháng đẹp như thơ

lòng của em đang là trang giấy trắng
tôi nâng niu trọn cả một đời người
dấu bước nhẹ lên nỗi buồn năm tháng
cũng thấy lòng ái ngại mãi không thôi

em con gái mùa xuân thơm sách vở
cỏ sân trường mấy lượt đã lên xanh
tôi bỏ đi từ mùa thu lá đỏ
cũng yêu người dưới lớp áo thiên thanh

mùa thu đó hồn tôi nào đã chết
dù cuộc đời xô ngã rất thương tâm
tôi chỉ có một màu xanh hy vọng
màu sân trường lẫn màu áo của em

em đừng hỏi sao tôi còn e ngại
những tháng năm đẹp nhất của đời người
bởi tôi sợ ngày mai em bỏ lại
năng sân trường cỏ úa một màu thời

nên tôi giữ lòng đầy chim hót
buổi trở về nhìn dấu chân xưa
em còn đó áo thơm hồ nếp mới
cũng đủ vui ấm lại một giòng thơ

dấu tôi có đi giữa đời nước lũ
lòng hướng về cũng đủ thấy yên tâm
năm tháng đó của đời người ru ngủ
tặng cho nhau màu sáng của tim hồng

■ HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

GIỮA CHIỀU THU NĂM CŨ

Người rớt lại giữa chiều thu năm cũ
Áo sương chùng trắng lấm bụi chiêm bao
Trời cõ nguyệt băng hồng đau lá mỏng
Ta nằm nghe máu đỏ giọt phương nào...

THƯA CÙNG ĐÀ LẠT

Xin lừa cỏ trong đêm hồn rạo rục
Ôm chân ta run rẩy dưới trăng ngàn
Và khép lại chuyện đời kia phiêu lãng
Xuống bên trời cùng sương lạnh chưa tan.

MÙA CẨM NGUYỆT

Em để lại nghìn dấu chân lạnh giá
Trong hồn ta sương đỏ bóng cầm cầm
Mùa cẩm nguyệt cuối trời xô thu gãy
Giữa dặm hồng hư huyền gót trắng tan...

■ HUY TƯỜNG

BẦY SAO VỖ

Bên giòng suối lặng chiều an nghỉ
Nàng ngồi thả tóc đợi chờ tôi
Trời xẩm có vườn cây chứng kiến
Nàng ngồi như thể lãng quên đời
Đèn sáng xuôi theo tường đá xếp
Ngôi nhà mơ ngủ dưới chân đồi
Tôi đến rực rỡ như phố xá
Tôi đến giờ hoa nở đóa tươi
Tôi đến đầm đầm như da thịt
Nàng ôm vinh hiển của đời người
Chúng tôi lặng lẽ như nước mắt
Mà nàng rót xuống giữa môi cười
Có chân ai khắp đời sao chín
Rừng thông gió thức dậy tôi bởi
Tôi đứng bóng ngang hình thứ dữ
Nàng ôm sự sống đến huyệt hơi
Đêm trở hay tay rời rã mệt
Những vì sao vỹ ở trên đời
Đêm dẫu mặt trong cây cối ngủ
Những vì sao lặng dưới chân soi
Đêm lên tiếng hát trong cành nhánh
Nàng loãng tan trong ánh sáng trời
Trở lại một mình nơi đã ở
Tôi vắng trong tay hạnh phúc người

■ NGUYỄN ĐẠT



trầm ca

pha lê

Anh muốn viết một bài thơ tình ái,
Lời mê man bằng tốc độ siêu thanh.
Đề dâng trọn về em ngàn tê tái,
Của khối sầu vạn thuở bám rêu xanh !
Con sâu nhỏ trên đường dân kềm nhọn,
Đã âm thầm chấp nhận khoảng không gian
Xin tình tự bằng lời ca nhỏ mọn,
Của muôn vùng hải đảo cúi đi hoang..!
Em có thấy què hương mình sỏi đá ?
Bức tường vôi loang mảnh đạn quân thù,
Nhà cửa cháy và thân người gục ngã,
Đề oán hồn chồng chất đến thiên thu ?
Thân bé nhỏ với tuổi đời lính chiến,
Vùng không gian đôi cánh sắt lên cao.
Em có biết gì đâu nơi chiến tuyến.
Đã kinh hoàng hơn vạn giấc chiêm bao ?!
Anh ước muốn chiến tranh dừng bước lại,
Đoàn xe tang dừng qua phố chiều nay.
Cho trời đẹp và nắng hồng lên mãi...
Đề em cười đôi má đỏ hây hây !
Và vì thế anh giả từ sách vở,
Bước vào đời bằng súng đạn, chinh y.
Anh vẫn biết rồi đây thương với nhớ,
Em mỗi mòn ngồi đếm bước anh đi..!
Thời em nhé nơi cô phòng hoang vắng,
Nếu thương anh em hãy cố nguyền cầu.
Cho tuổi trẻ anh mang về chiến thắng,
Đẹp chuyện tình sông núi, Đẹp duyên
nhau...!!!



thung lũng Mây Ngàn

• BÍCH HOÀI

EM nào biết ở đây, có những buổi chiều tự đứng nhớ nhưng dâng lên nhiều quá! Phải. Có những buổi chiều tự đứng nhớ nhưng dâng lên nhiều quá. Sự nhớ nhưng như một cần thiết tự nhiên phải có, không thể nào thiếu vắng. Như, hoa rụng tàn nhớ hương. Lá lìa cành rơi nhớ cội. Đàn bà luống tuổi ngồi nhớ nhan sắc. Cây đàn cũ treo nhớ dư âm. Con ngài già nằm nhớ kén...

Những buổi chiều đó anh vẫn lang thang ra ngoài doanh trại hay lên ngồi trên mái xi măng sần sùi khô cứng của một kho đạn nhìn về phía chân mây lo lắng. Vẫn những dãy núi trải dài theo móng trời gần cách làm nổi bật nền xanh được quét lên màu sắc hồng hoang lúc tàn ngày hút hồn vào trống vắng buồn xa. Vẫn những bông hoa

nắng rơi từ vọi cao, gió thổi vương lên giải áo hoàng hôn miều thung lũng May Ngàn. Iren đường chim bay, mấy giàn radar hướng về phía cố định mà anh vẫn gọi là mấy viễn vọng kính tìm theo hướng đi của một vì sao hiếm; như anh vẫn dùng viễn vọng kính tâm tưởng đề rồi về một bóng hình điều vọi.

Đôi khi anh dằm mình trong gió lạnh cho tới lúc màn đêm buông xuống hẳn. Chẳng phải đợi sao mọc đề nhĩa sao trời nhớ em; vì em có phải là... sao đâu. Và giữa chúng mình có liên quan đến «trăng sao đầy trời» đâu. Anh nghiệm một điều là hễ có những cơn mưa cuối ngày thì đêm đến thường thế nào cũng thấy sao mọc nhiều hơn và lấp lánh hơn — làm như nước mưa hồi chiều đã rửa sạch những bóng tối bám đầy quanh những hạt sao trên giòng Thiên hà cũ. Anh cũng vẫn dùng trí tưởng rửa sạch các lớp thời gian bám đầy hình ảnh em trong trí nhớ.

Nhưng thường những lần quá nhớ thương nhau, anh vẫn lang thang đi tìm bóng cũ. Một mình, anh lững thững ra khu chăn nuôi quen thuộc.

Đi hết con đường nhỏ hẹp và gầy đều, hai bên là dây kẽm gai mắc qua những cột sắt cao gần bằng đầu người, là cách khoảng của doanh trại với Khu Sinh Hoạt. Nằm bên trái đầu dãy là ngôi nhà gạch mới cất lợp tôn làm phòng học thay cho phòng học cũ ở căn nhà lá vách phen cuối dãy (giờ bỏ trống). Con đường lớn cũng là sân ngăn chia một bên mấy căn nhà làm phòng học và nơi để dụng cụ phân bón... một bên nuôi gia súc, trồng trọt. Khu này được ngăn rõ rệt theo con đường bằng hàng rào kẽm gai nối tiếp hàng rào tre khô. Một vài cây dứa, cây cà chua mọc lạc sát chân rào, bên mấy cây mít cao non một thước. Ở cuối là cái vòi nước. Nơi mỗi khi xong việc em vẫn vắn nước xối xả rửa hai bàn tay muối ngọt. Anh tưởng như tưởng thấy đầu đây những màu áo đen khác bên màu áo đen em, hiền dịu chăm chỉ vui vẻ, tuy hình bóng mờ nhạt loáng thoáng. Chưa bao giờ anh thấy mình yêu và thấy gần gũi bộ bà ba đen đến thế!

Các mảnh đất trồng trọt vẫn còn đây. Vẫn còn đây mảnh đất trồng cải xanh ra hoa vàng nhỏ như những cánh mai xuân. Vẫn còn đây những thùng tôn-nô cắt đôi đem sơn đen dùng chứa nước tưới cây được đặt sâu phân nửa xuống lòng đất cho dễ mát. Vẫn còn đây những dãy bắp (đã cao quá đầu người) mang những lá khô vàng loang lổ bạc màu — trông sáng nhất Khu Sinh Hoạt — mà những bông đực, ở ngọn, trông hao hao những bông lúa lép đã khô xác. Vẫn còn đây những luống sắn rụng đồng vô tình trong làn gió nhẹ lướt qua với những cuống lá nhỏ dài đỏ tía như màu huyết dụ. Vẫn còn đây những dây bí leo trên

những phen tre đan thưa dựng nghiêng quanh rào của chuồng gà thả...
Nhưng nào em đâu ?

Anh mang nỗi xúc động bồi hồi đi giữa những luống vườn như đi trong kỷ niệm. Mảnh đất trồng cải radis giờ được thay bằng khoai lang. Những dây khoai lang lẫn cỏ mọc tốt tươi vì được tưới bằng nước mưa trời, bò xuống hai bên luống nở thưa những bông hoa tím nhạt trông tưởng là hoa rau muống không dựng trở màu.

Anh cố nhớ lại dáng em cầm thùng thiếc có hình hoa sen đựng đưa tưới nước một cách nhàn hạ trên những luống cải radis lá nhỏ thấp lè tè. Mỗi luống trồng hai dãy xanh tươi trên màu đất nâu đậm đà. Màu nâu thấm nước nên màu nâu sẫm lại, làm nổi bật màu cải xanh non tươi ngắt trong sắc nắng mỏng. Có những chú chim sẻ áo nâu mặc cả đời chiêm chấp bên những luống đất mới đánh thành r luống gieo hạt rắc lên một lớp than vụn đen nhánh hay phân bò khô nhạt ; bên mấy ả gà mái cục cục tìm sâu với đàn con theo sau bắt chước.

Anh thần thờ đứng một góc vườn cạnh hàng rào kẽm gai cỏ mọc hoang cao lẫn với cây cà độc dược chỗ ngày trước anh hay đứng một mình kín đáo ngắm em làm việc. Anh nghĩ rằng thời gian xa cách lâu ngày sẽ là một thứ độc dược làm xám chết dần những hy vọng ấp ủ. Anh cũng vào mảnh đất trồng dưa trước căn nhà sàn nuôi thỏ. Những chú thỏ lúc nào cũng thấy mặc áo lông làm như cả bốn mùa đời, đều rét mướt mùa thu không bằng. Thùng cái xe kút kít bỏ một góc, nước mưa đọng đầy. Và lòng anh, nhớ thương cũng đang đọng đầy.

Anh thường chỉ nhận ra ngày hầu tàn là nhờ những luồng khí lạnh của núi rừng phía đông thổi lại ; và lúc đó anh mới trở vào. Những lúc đó, anh thường nghe trong chạng vạng bóng chiều những âm thanh trong vắng nhất của một bản dạ khúc là tiếng gió trên không đang lùa nắng về trời...



Cũng có những ngọn gió mang nhiều hơi ẩm ướt. Như cũng có những đám mây mưa đi tưới nước xuống vườn đời. Nhưng, chỉ có một nỗi buồn len thấm vào nỗi nhớ thương nhau. Nếu chú ý, em sẽ thấy trong những cánh thư anh viết gửi em, cánh nào cũng mang một nỗi nhớ thương bằng bạc và cánh nào anh cũng cố nuốt một tiếng thở dài nhiều lần chỉ chực thoát ra khỏi cuống họng ! Và từ lâu rồi, khổ đau đời, anh cũng đã cố nuốt dần như thế ! Chắc em đâu có ngờ anh là kẻ vẫn mang đơn độc làm hành trang cúi đầu lúi trên đường dài gió cát. Gió quất vào mặt. Gió quất cát vào mặt, làm

đôi mắt tỏ hoe, nước mắt ràn rụa như khóc. Như khóc, chứ không phải khóc ! Có lẽ cũng vì khi thức không khóc được nên ngày trước anh vẫn thường khóc nhiều trong mơ. Những lần tỉnh dậy sau đó anh cứ tưởng hai mắt mình đắm lệ. Nhưng, không ! Đôi mắt anh vẫn ráo hoảnh. Lúc đó, anh muốn khóc ghê lên được ấy, khóc như giấc mơ qua, mà không khóc được !

Có những giấc mơ lộn xộn không đầu không đuôi như một số những khúc phim của những chuyện phim khác nhau được ráp nối đem chiếu một lần. Có những đoạn phim được chiếu đi chiếu lại nhiều lần. Nhưng em ạ, có một giấc mơ, một giấc mơ kỳ lạ mà anh chỉ mơ có một lần, có lẽ là duy nhất trong đời; và chắc nó sẽ theo ám ảnh cho tới ngày nhắm mắt. Giấc mơ mà đôi khi, anh tưởng đó không còn là giấc mơ nữa.

Anh còn nhớ như in lúc đó, anh chợt thức dậy, mở màn bước xuống đất, đi lại phía bàn viết quen thuộc thì thấy có một người ngồi sẵn ở đấy từ bao giờ không biết, xoay lưng lại phía anh. Tuy không thấy mặt nhưng khổ người, tầm vóc chẳng khác anh mấy may nào. Và chẳng hiểu sao anh lại đoán chắc người đó chính là anh. Anh giật mình tự hỏi tại sao anh lại ngồi đấy ? Thế còn anh đang nghĩ đây là ai nữa ? Dầu nghĩ, nhưng chân vẫn bước, thong thả và nhẹ nhàng, như sợ người đó nghe động quay lại. Tự dưng anh sợ phải trông thấy mặt người đó; và cái sợ khoảnh khắc xâm chiếm khắp người lạnh toát ! Anh bưng dậy trong sự sợ hãi lạnh toát đó, trong không khí tối om, không đèn đóm.

Sau này, anh có ý nghĩ là biết đâu anh chẳng sẽ gặp lại « người đó » ở... bên kia mồ ! Biết đâu ! Anh cũng có ý nghĩ là giấc mơ đó chỉ là hậu quả tất nhiên của những tháng ngày mưa nắng từ trong lòng người, từ trong lòng đời. Như ở đây đường xá bụi lầy và lầy lội là hậu quả tất nhiên của những tháng ngày mưa nắng... Và tuy đường đời anh vì còn bụi lầy và lầy lội hơn nhiều, cũng chẳng khi nào anh có ý nghĩ anh là một kẻ bị lưu đày, rồi mang một tâm trạng hoài hương vu vơ cả ! Bởi anh không thấy anh không thuộc vào thế giới này. Anh cũng thuộc vào thế giới này chứ. Nhưng không hoàn toàn như vậy. Một phần thuộc về những thế giới khác, những thế giới mới và cũ. Như rồi đây anh sống ở một thế giới nào anh cũng sẽ dành một phần đời sống với những thế giới mới và cũ (thế giới hiện giờ nằm trong chữ « cũ » này). Vì đâu chẳng là quê hương ; đâu chẳng là đời sống ! Có thể chẳng có gì quan trọng mà cũng có thể không chẳng có gì quan trọng. Có sao !

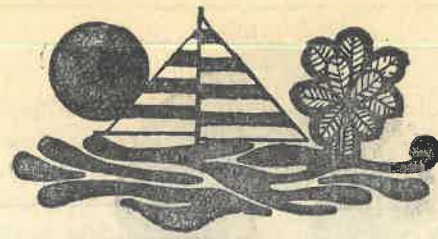
Em ạ. Thực ra anh cũng còn thuộc vào một cánh hoa di lãng ngày cũ nữa. Một cánh di lãng xanh dai thơm biếc trong thời tuổi

mộng (thời của những hy vọng hầu hết chưa kịp nở hoa đã héo tàn khi mới vừa kết nụ). Một cánh di lăng mà ở đâu anh cũng thấy hương của nó thoang thoảng...

Càng về sau thì thứ hương đó càng không đủ tác dụng như một thứ mê hồn hương nữa Bởi đó, mặc nhiên tâm hồn đòi hỏi một thứ hương khác. Và sau những năm tháng dài cuộc đời, anh đã gặp được một thứ hương thích ứng; hương của tình yêu, em có. Thứ hương này đã thơm ngát hồn anh dù vẫn chưa đủ tác dụng đối với nỗi cô đơn. Bởi nỗi cô đơn đã kết tinh từ những thế giới khác rồi. Nên anh xin em, em đừng buồn giận gì khi anh yêu em và được em yêu lại anh vẫn thấy cô đơn Anh vẫn thỉnh thoảng có những hành động làm em khó hiểu, đôi khi không hiểu. Nguyên nhân chẳng phải tại anh không chịu tìm hiểu, nhất là tìm hiểu về em đâu. Vì khi yêu, anh không đặt ra những câu hỏi và những dấu hỏi trước tình yêu, trước em, và trước anh — dù anh là người mang nhiều dấu hỏi trong đời. Giả dụ. Sao anh lại yêu em và em lại yêu anh? Và một số « sao » xoay quanh cái « sao » kia như một số hành tinh xoay quanh mặt trời.

Có đôi lúc mệt mỏi (đã thuộc vào quá khứ), anh tìm cách hòa lẫn với đồng loại. Tựa con kỳ nhông. Khi leo lên cây thì lẫn với màu cây, khi bò dưới đất thì lẫn với màu đất; ở chỗ nào thì lẫn với chỗ đó. Ở cây anh cũng có màu xanh và ở đất anh cũng có màu nâu. Nhưng em ơi, màu xanh đó đã không phải là màu xanh của cây và màu nâu đó đã không phải là màu nâu của đất! Càng cố gắng anh càng thấy mình cách xa đồng loại. Vì Anh đã là như thế. Vì anh đã là như thế rồi, làm sao mà đổi khác được nữa!

Cũng vậy, có một điều không làm sao đổi khác được nữa là anh yêu em hơn cả chính bản thân anh; anh sẵn sàng hy sinh cho em, có thể là tất cả? Em sẽ là hình ảnh được cưng chiều nhất, được nâng niu nhất và có mặt nhiều nhất trong những trang đời « Hệ Lụy ». (Tác phẩm được viết bằng đời mình trên Miền Đất Chết, từ khi lọt lòng mẹ nằm trong cái nôi cho đến khi cái nôi úp lại thành nắm mồ, để gửi theo một ánh sao băng, về một nơi nào xa xôi nhất). Cho nên anh vẫn đề lòng mình hướng về em trong những ngày sống xa như thế này. Anh vẫn tin dù anh có thua sạch nhận trong một canh bạc đời đầy gian lận thì ít ra anh cũng còn một thứ ngọc, một thứ bảo ngọc, anh thấy, đẹp hơn mọi thứ bảo ngọc khác trên đời. Và chỉ thứ bảo ngọc hiếm hoi này mới có thể ngăn ngừa và mới có thể hút ra hết được những độc của đời sống đã từ lâu chạy vào mạch máu; để anh có thể có đủ sinh lực ở lại miền trần gian này dài lâu như hầu hết mọi người. Và để trong những tháng năm này, chúng mình sẽ viết chung cho trọn vẹn một thiên tình ca đẹp nhất. Nghe em. □□



THƠ CỦA NGƯỜI

một lần rồi trở về ăn năn
hai lần thôi trở về dẫn vật
như trời chiều như những cơn ho
dù cố nén dần trong lòng ngực
dù muốn xa nhau dù muốn gần nhau

đã một lần từ bãi biển xa
quay quắt trở về cố quên mà không quên tất cả
để hai lần nổi lại biển xa
nghiêng ngửa với làn xuôi tay nghiệt ngã
tay vẫy thôi đời chéch bóng la đà.

đưa còn út một lần thương một lần nựng
một lần thành hai hai lần đã mấy ăn năn
như vầng chiều như mưa ngày cuối bãi
cõi hồng trần vương vãi mất tâm hơi
để thôi một lần trở về ăn ă.

để thôi một lần trở về dẫn vật
như con nước triều biển động cửa Tuy phong
như eo biển mù sương bóng thuyền không trở lại
thôi cuộc đời đã lỡ cho nhau

■ PHẠM HỒ



những mùa mưa lãng quên

■ Truyện dài TỪ KỂ TƯỜNG

(Tiếp theo kỳ trước)

N GUYỄN đi với Uyên hết con đường lốm chốm đá xanh tới đứng trên cầu gỗ. Bên kia bờ hồ một đám trẻ con chơi thả diều cười nói vang sang. Một khu vườn tuổi thơ chợt mở ra trong hồn Nguyễn. Từ lâu, chàng quên mình có tuổi thơ. Một thời ấu thơ đã bay xa, mất hút, trong một khoảng trời nào rất mơ hồ. Và chàng quên bằng đi như vệt nắng ngày nào còn xuyên qua ô cửa. Ý nghĩa vừa bắt gặp lại tuổi thơ của chàng làm xanh tươi thêm những viên cỏ chạy dài

ven bờ hồ. Uyên đến sau lưng chàng nói em đau chân quá. Nguyễn không nhìn nàng, nhưng nói :

— Chắc em bị một viên sỏi va vào chân.

Uyên cúi xuống thoa thoa gót chân. Nguyễn nghe tiếng nàng suýt soa. Một lúc nàng đứng dậy đánh tay lên lưng Nguyễn nói :

— Anh ghét ghê.

Nguyễn cười. Gió từ con lộ mới trải đá đỏ cuốn về đây những đám bụi hồng. Uyên nói chắc bụi không sang được bên này đâu, có tới nó cũng rớt hết xuống hồ. Nguyễn nói biết đâu nó sẽ chụp hết xuống mái tóc em, làm em giống như một cô đầm nào đó thì sao. Uyên cười trong miệng. Trông Uyên lúc này thật hấp dẫn, mái tóc nàng bay dạt mắt bên gáy đưa chiếc cổ trắng ngần. Hơi thở mạnh làm ngực nàng căng to, uốn về phía trước. Vạt áo dài bay uốn khúc. Thỉnh thoảng quần ngang người Nguyễn. Nàng cười, thật trẻ con :

— Con rắn của em đấy. Quán anh hoài cho đáng đời.

— Con rắn của em làm sao bằng sức vùng vẫy của anh.

— Nó có nọc độc nữa chứ bộ.

— Nhưng con rắn không dám cắn đâu.

— Nó không cắn, nhưng cũng làm anh sợ rồi. Ai thấy rắn mà không sợ ? Và làm gì anh biết được con rắn đó không cắn ?

Nguyễn lặng im, không biết trả lời nàng thế nào. Uyên thật trẻ con. Bỗng dưng Nguyễn phá lên cười :

— Nhưng em có phải là con rắn đâu ?

— Cũng gần vậy thôi.

Nguyễn nắm tay kéo Uyên gần hơn một chút. Bàn tay Uyên mềm và thơm ướt. Bàn tay của em không thể nào là một phần thân thể của rắn được. Cho dù em có nọc độc. Nguyễn muốn hôn lên bàn tay. Anh muốn hôn lên bàn tay đó một chiếc hôn thật nồng ấm. Buổi chiều xuống thật xa lạ. Một vùng ánh sáng trải ngọt ngọt trên mặt hồ phía xa. Ở đó nước không còn trong xanh, nước pha lẫn sắc vàng. Màu vàng của nắng chiều. Gió làm mặt hồ gợn sóng lăn tăn. Những đợt sóng như thể ru ngủ hai bờ cỏ xanh, ru ngủ cái chơi vơi của buổi chiều tình lý. Nguyễn đứng trên cầu hay đứng trên cái chơi vơi đó. Xung quanh Nguyễn thật bao la. Gió thoảng hơi mát nhưng ngọt bụi. Nguyễn nói :

— Giờ cho anh cởi quần áo nhảy xuống đây tắm chắc sướng lắm nhỉ. Uyên nhắm mắt :

— Lớn rồi mà ăn nói...

Nguyễn nhìn sang đám trẻ con thả diều bên kia bờ hồ. Nguyễn có cái khao khát thật lạ. Tuổi thơ chàng như một gùi gấm từ đâu đâu.

Những bước chân chạy nhảy, những trò chơi, những trận cười vỡ tan xưa nay đã bay mất theo ngày tháng. Lớn rồi mà ăn nói. Nguyễn thật sự đã lớn chưa. Làm sao định nghĩa được em. Như chúng ta, dạy học tư là làm thầy giáo. Nhưng thầy giáo không phải bắt buộc là người lớn. Rất có thể, một lúc nào đó chúng ta còn thấy mình nhuộm lên một tình cảm trẻ con. Uyên có vẻ buồn. Nguyễn cũng nhớ tới buổi chiều về tỉnh với Uyên hôm nay không có một quyết định nào hết. Đi không biết mình đi, về không biết mình về. Chỉ thấy mình như cái máy. Nguyễn chưa nói được gì với nàng. Anh chưa nói được gì với em. Anh ngộp thở quá. Cuộc hành trình còn vương vãi trong người Nguyễn một cảm giác mệt mỏi toàn diện. Hình như, Nguyễn ít khi được khỏe mạnh... Nguyễn nhìn Uyên một lúc lâu rồi chợt nắm lấy tay nàng đi ngược lại dốc cầu xuống con đường lúc nãy. Hai người rẽ trái, đi vào cái trơi mát của hàng cây xanh. Uyên đi bên chàng như một chấp nhận sơ ngộ nào đó Nguyễn choàng tay ôm ngang lưng nàng. Phải thân mật như một cặp vợ chồng. Uyên bỗng bước chậm lại. Vòng tay Nguyễn nói rộng Hai người nhìn nhau:

— Anh nói đi ?

— Nói gì ?

— Nói bất cứ cái gì cho cuộc gặp gỡ này. Em còn về. Uyên tiếp tục đi. Nguyễn muốn la thật lớn cho mọi người chào đón. Anh muốn cười thật to cho mọi người đều nghe, nhưng anh không muốn nói với em gì cả. Không hẳn gặp nhau là để nói nhau nghe. Im lặng là tốt nhất. Là nói với nhau nhiều nhất phải không em ? Nguyễn hỏi Uyên :

— Em có thể đi chơi chừng bao lâu nữa ?

— Mười giờ rưỡi em về.

— Mười giờ hoặc mười một giờ chứ sao lại có cái rưỡi ở trong.

— Em vậy.

— Đi như vậy suốt đêm sao.

— Có đi suốt đêm đâu. Mình chọn chiếc ghế nào yên tĩnh nhất vào đó ngồi rồi chờ giờ chia tay.

Chờ giờ chia tay. Nguyễn lặp lại câu nói này với nụ cười. Bất cần. Tình yêu như một chiếc gậy có hai đầu. Quay đầu này thì sanh. Quay đầu kia thì tử. Thế thôi. Giản dị hết sức. Giản dị như cùng đi chung một chuyến xe. Cười, bắt tay rồi quên nhau. Một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ quên nhau. Uyên không nói được gì hơn cho đến khi hai đứa cùng đứng trên một khoảng đất cao. Đường rầy xe lửa phía dưới chân, chạy vòng vòng qua những nơi không ngó thấy.

Đêm đã xuống từ lúc rời bỏ bờ hồ, hàng cây xanh dài bây giờ

đã thành những khóm đen sậm. Con đường hồi nãy đưa Nguyễn tới đây đã mù mù không còn nhìn rõ. Một thế giới màu đen đã hoàn toàn bỏ lại sau lưng, dưới con dốc này. Nguyễn nắm tay Uyên bước chậm xuống dốc. Cát bùn dưới chân mềm nhũn. Một người đàn ông sau cái quày gỗ đi ra cùng với một thoáng ngạc nhiên trên gương mặt. Nguyễn cười. Gã đàn ông cười. Nguyễn chọn chiếc bàn trong vùng ánh sáng yếu ớt nhất. Người đàn ông đứng chờ kế bên với vẻ mặt mệt mỏi. Nguyễn cho nàng một ly cà phê đá và cho Uyên một chai nước ngọt. Người đàn ông khuất sau quày gỗ rồi có tiếng ly, tiếng chặt nước đá cạch cạch. Nguyễn lấy thuốc. Uyên cầm cái bật lửa. Một đốm sáng lóe nơi đầu mấy ngón tay. Mặt Uyên hồng lên như vừa nhấp một hớp rượu. Nguyễn thấy trên chiếc mũi của nàng lấm tẩm mấy giọt mồ hôi. Không khí trong quán có vẻ nóng bức khó chịu. Nguyễn thở những hơi khói dài.

— Mấy đêm trước anh có tới nhà bà Liên phải không ?

— Bà Liên nói với em ?

— Bà Liên không có nói. Em biết. Anh tính chuyện gì nữa đây ?

— Có chuyện gì đâu mà tính.

Uyên lờm :

— Anh kỳ cục lắm đó nghe. Em không muốn anh bị mang tai tiếng Anh đừng tưởng chuyện anh làm không ai biết. Ngân biết. Ông Phụng biết. Em biết. Mọi người đều biết.

Nguyễn nổi nóng :

— Anh không có làm cái gì cả. Nhưng mà nếu anh có làm cũng không can gì đến ai. Anh sống cho anh chứ không phải sống cho mọi người.

— Nhưng anh là một ông thầy giáo. Anh sống cho quận lỵ, cho khu chợ. Hay ít ra anh cũng sống cho đám học trò của anh.

Nguyễn im lặng hút thuốc. Nhìn ra cái khoảng đen trước mặt. Đêm hoàn toàn giấu mất những cành cây, những viên gạch. Nguyễn thở dài. Chàng muốn nói thẳng với Uyên những điều chàng nghĩ. Nhưng, chắc chắn sẽ làm Uyên buồn. Chàng nhận lời về đây với nàng là ước muốn cho nàng vui. Chàng không muốn khuất cái vui thanh nổi buồn. Cho dù nàng đang buồn. Nguyễn nói :

— Anh và bà Liên không có gì hết. Xin mọi người đừng hiểu lầm.

— Chính khi anh nói anh không có gì với bà ấy là lúc anh tự đặt rồi một cái tên gọi cho tình cảm, cho sự liên lạc giữa anh với bà ấy. Bà Liên đẹp. Tuy lớn tuổi. Bà Liên khôn ngoan và kinh nghiệm. Có thể không nói nhưng anh đã yêu bà ta. Và ngược lại.

— Anh không muốn làm cho em buồn. Tốt nhất đừng nên nói về chuyện ấy nữa.

Uyển gật đầu. Người đàn ông đem thức uống ra. Uyển múc đường cho vào ly cà phê của chàng và cầm muỗng quấy đều. Xong nàng thử, nói:

— Ngọt rồi anh uống đi.

Nguyễn bưng ly uống một ngụm. Uyển cúi mặt nhìn vào ly với màu nước vàng nhạt. Mái tóc phủ nửa khuôn mặt. Nguyễn không nghĩ nàng là một cô giáo. Uyển vẫn còn cái vẻ ngây thơ của một nữ sinh.

— Anh giận em?

— Không, anh có giận em đâu.

— Sao anh không nói gì hết?

— Có gì để nói với nhau đâu. Chúng ta vẫn sống trong một quận lỵ, vẫn dạy chung một ngôi trường. Vẫn gặp nhau hằng ngày những lúc đi và những lúc về. Em làm như anh sắp đi xa.

— Thì anh không sắp sửa đi xa là gì. Anh sắp nhận được lệnh gọi. Nguyễn cười:

— Chuyện đó thì có ăn thua gì. Anh đi lính cũng như anh đang đi dạy thể thôi.

— Nói như anh, chúng ta chắc không có gì phải bận tâm giữa đời sống này hay sao?

Nguyễn cười. Nhưng thật ra Nguyễn muốn nói với nàng thật nhiều. Về những năm tháng chạy gạo chạy cơm. Về những mối tình đã đi rồi đến. Đã đến rồi đi. Nguyễn muốn nói về những lầm lỗi về cuộc đời mình, những tầm thường nhất của đời anh. Em chắc không thể nào biết. Những ánh sáng. Những đêm tối. Đêm tối của chiến tranh. Như một khẳng định cho đất nước này từ hơn hai mươi năm qua. Chiến tranh, từ lúc mở mắt và khôn lớn. Chiến tranh theo đuổi đến kiệt tan chịu đựng. Nguyễn bỗng thấy mình vô lý. Tôi vô lý khi tôi còn sống ở đây. Ngồi ở đây trong khi bao nhiêu người khác đã ra đi. Long hằng đêm vẫn phải ngủ bờ bụi để giữ an ninh cho những người sống trong quận lỵ. Trong đó có chàng. Bao nhiêu người khác đã ra đi bạn bè Nguyễn lần lượt cũng đã ra đi. Chàng như một sau chót. Hôm tiễn Nghệ vào Thủ Đức, Hoanh nói với Nguyễn:

— Chúng mình phải có mặt khắp mọi nơi trên đất nước này. Lần lượt sống rồi lần lượt chết. Không có gì. Cái đáng nói là phải chiến đấu để có mặt hoài hoài. Hôm nay thắng Nghệ đi, mai tao đi, mốt mày đi. Chúng mình còn trẻ chiến tranh sức mấy mà kéo dài được. Tao sẽ chiến đấu như điên khi tao vào lính. Tao sẽ chết và sẽ thản nhiên cười.

Nghệ xoay xoay ly rượu đã vơi đi một phần nào dòm vào đó. Cái thẳng thật lạ. Tại sao lại rớm nước mắt. Nguyễn nói như vậy và Nghệ đã bưng ly lên uống cạn. Đôi mắt Nghệ đỏ ngầu. Nhìn thẳng. Cái say sưa chất ngất hay điệu buồn lên phơi phới trong anh. Nghệ đứng lên nói. Tiếng Hoanh cười, Quang gật đầu lia lịa. Nguyễn lặng im. Chấm dứt câu nói là một va chạm hoảng hốt. Lòng ngà say. Va chạm của ly, va chạm của anh em. Cuối cùng là sức vỗ của tiếng khóc. Tiếng khóc của người yêu Nghệ. Nguyễn nói với Hoanh những lời an ủi, giọng nhỏ như say. Hoanh nín khóc và gấp đồ ăn bỏ vào chén Nghệ. Một chăm sóc cuối cùng trong tình yêu, hạnh phúc sẽ còn mãi khi xa nhau. Hoanh ngâm một bài thơ cho cuộc tiễn đưa này... Hãy say đi để mai thành cố nhân. Tiếng Hoanh trầm xuống. Con mưa nào chơi voi trong nỗi buồn. Hoanh lại khóc. Mắt Nghệ đỏ ngầu. Nguyễn nhớ đến Long, khi tiếng súng khai mào cho cuộc chiến tiếp diễn. Tiếng súng đây chàng rời xa làng mạc, ngôi trường, nhó đám học trò. Chia tay của tôi là nỗi kinh hoàng. Uyển chạy lẩn trong bom đạn, tiếng mõ trống hỗn loạn và tiếng người. Nguyễn chạy lẩn trong đám học trò nghèo dốt đáng thương. Thôi tạm biệt các em thầy đi. Tạm biệt ngôi trường, mái ngói đỏ, hàng phượng lá chưa xanh. Tôi đi, chạy trốn những ngày khói lửa. Kế tiếp là những ngày giang hồ, tôi đi và sống như rêu cỏ, bấp bênh. Gặp lại Uyển khi chiến tranh quen đi, tiếng súng nghe mòn tai và lo sợ không còn hằn hằn trên da mặt mọi người. Uyển tiếp tục dạy học, còn chàng phải xa hẳn trường xưa. Học trò của Nguyễn ngày nào giờ đã lớn, thành những người lính dân vệ giữ làng. Những bấp bập mới nở, tuổi mười sáu mười bảy mới khai trương. Nhưng thấy đều có mặt nhưng không tha thiết bằng các em. Hoanh, Quang, giờ đã ra đi, làm kẻ nối tiếp gót chân Nghệ. Long đã nằm xuống trong những đêm pháo kích, mảnh đạn ghim trên trán Long trong giấc ngủ, mảnh đạn anh em trong đêm tối rình mò. Long chết, cái chết vô lý của chiến tranh, và cái vô lý của của chiến tranh là hạ thủ người sống. Tất cả đều không đồng ý cái chết của Long, bởi nó vô lý quá và ảm ái quá. Phải chết một cách khác, chết khi mắt nhìn trừng trừng và miệng gào to. Chắc Long tức lắm nhưng không nói được. Chúng ta không nói được gì cả. Anh không nói được gì với em hết, Uyển ạ. Uyển ngược nhìn chàng trong một cái chớp mắt, bao nhiêu lời không thành tiếng. Nguyễn cũng nhớ Saigon gần như vậy. Chiến tranh làm té liệt đầu lưỡi, nỗi bức tức ảm ouch nhưng tiếng nói từng đã nghẹn trong lòng. Thật ra cũng chẳng có gì phải nói. Chiến tranh bi thảm. Điều này hiển nhiên như sự mất nước mắt. Nói nữa cũng thể thôi. Nguyễn đã bỏ Sài Gòn khá lâu và thấy nhớ. Tin tức trên đài phát thanh và báo

chí, tin tức trên nỗi âu lo của mọi người truyền đi bằng đường dây máu thịt. Cái lo sợ cố hữu, cái bang ho ng thản thốt. Mấy ngày nay Sài Gòn như một ngọc thiên lớn, mới tới từ đâu xa. Tuổi trẻ xuống đường, tuổi già xuống đường. Trẻ con xuống đường. Cả một thế hệ chưa rốt cục đã vỡ tan. Cái vô lý vẫn còn hoài hoài trong nỗi tha thiết. Buổi trưa nơi một quận lỵ bụi đỏ bốc lên mù mịt. Nguyễn đứng trên dốc cao nhìn xa. Mấy chiếc trực thăng lượn vòng trên bia rừng cao su. Nguyễn muốn bay về theo nó để tìm lại Sài Gòn, tìm lại những đêm ngà say men rượu, tìm lại những vòng khói thuốc tan loãng, trong không khí mặn nồng anh em. Nhưng Nguyễn như kẻ đã xa lạ với thành phố đó, trở về sợ lạc đường. Nguyễn thật là một người lạ đến vô tình. Ly nước của Uyên rơi đi phân nửa, Nàng cầm chiếc muỗng gõ vào thành ly lạnh canh. Nguyễn muốn hỏi Uyên về gia đình nàng, nhưng bỗng đứng thấy ngượng. Uyên nói anh Khang đi lâu rồi vẫn chưa có tin tức gì. Nguyễn hỏi Khang đi đâu, Uyên nói theo Việt Cộng. Nguyễn nói :

— Vô lý.

— Vô lý, chính em cũng không hiểu anh Khang ra sao.

— Gia đình không ngăn anh ấy à ?

— Có ngăn cũng vô ích, và lại anh ấy trốn đi.

Khang. Tôi gọi tên, ngạc nhiên và bàng hoàng như một người bạn thân vừa chết. Uyên nhìn Nguyễn. Chang nói không có gì, anh cứ ngỡ là đã có một lần quen với Khang.

— Khang đi lâu chưa ?

— Gần hai năm.

Nguyễn thở dài. Bạn bè chàng phần lớn đã chết. Vài thầy ở đồng ruộng nhà mình. Những Nhung, Na, Khiết. Một đêm tối trời, một mảnh vải đen bịt mặt, một nhát mã tấu và một bản án. Thế là xong. Họ có sống dậy được đâu. Chiến tranh mở rộng đến tận cùng quê hương, sống và chết cùng một đêm. Cái chết bất chợt như một trò chơi, như một vai tuồng trên sân khấu đến lúc phải kết thúc. Nguyễn nói với Uyên :

— Chắc Khang đã chết.

— Em cũng mong như vậy.

Nguyễn móc tiền đặt trên bàn, gõ chiếc muỗng vào thành ly canh một tiếng rồi nắm tay Uyên đứng lên. Ly cà phê chàng uống không hết, lần thứ nhất chàng thấy cà phê đắng. Đi đến chỗ cuối cùng có ánh sáng hắt ra Nguyễn không còn thấy gì hết. Phía trước mặt đây

đặc. Một phương hướng mờ hồ trong tầm mắt Nguyễn bóp nhẹ vai Uyên làm nàng rùng mình.

— Em dắt anh đi, Uyên.

— Anh không thấy đường sao ?

Nguyễn không muốn nói với nàng là chàng cận thị, nhưng cận thị hay không cận thị trong đêm tối cũng như nhau. Đối tượng mắt sáng của chàng cũng là một khối đen rình mò dò dẫm. Chúng ta có thể đụng nhau rồi ngã xuống. Một tiếng chửi thề, một lời xin lỗi. Bộ anh đi sao chớ. Anh cũng không thấy đường. Cười xòa rồi huê. Không đến nỗi phải đánh nhau vỡ đầu. Uyên nắm tay chàng đứng yên trên đường sắt.

— Không có gì hết phải không anh ?

— Chắc vậy, đêm nay dành riêng cho chúng ta.

Uyên cười khúc khích :

— Anh lại văn nghệ văn gừng rồi.

— Anh nói thật đó em.

Uyên dòm lên trời một lúc lâu :

— Có lẽ trời sắp mưa.

— Mưa càng tốt. Anh thích vậy.

— Ướt hết chứ anh.

Nguyễn không nói gì. Chàng nắm tay Uyên đi lần xuống con dốc. Bước chân thận trọng.

— Tối thế này...

— Ở đây vậy đó, chỉ có những con đường lớn mới có đèn.

Hai người đã đứng trên một chỗ bình yên. Uyên thở ra, và hỏi :

— Mấy giờ rồi anh ?

Nguyễn nói :

— Tối quá làm sao xem đồng hồ.

Những ngôi nhà ở phía xa còn có ánh đèn. Tiếng máy dật chạy rầm rì như mưa. Tiếng côn trùng đăm đăm. Chang nói bên tai Uyên :

— Về nhà Triệu nhé ?

— Cũng được.

Uyên nói đề em dắt anh đi. Nguyễn vội ôm nàng hôn bắt chấp nơi đâu. Uyên dấm vào lưng chàng :

— Dữ vậy, anh tham quá

— Anh nhớ em.

— Anh nói câu khác không được sao ?

— Anh yêu em.

— Khi.

Nguyễn cười khúc khích và cả hai đi rất mau. Hình như Uyên

dắt chàng đi vào con đường khác. Nguyễn thật nhà quê. Cái tình nhỏ xíu như thế này mà không biết hết. Nguyễn nói :

- Đường gì đây em ?
- Làm gì có tên. Đúng hơn, nó có cái tên bất ngờ.
- Tên gì ?
- Ngã rẽ tâm tình.

Nguyễn kêu ối trời một tiếng. Uyển cười :

- Cái tên ướt át quá vậy ?
- Nghe một con bạn bảo thế.

Đi hết con đường mang tên ngã rẽ tâm tình Nguyễn đã thấy ánh đèn sáng xanh của một con đường lớn. Uyển nói quẹo, mặt đi một chút là tới bến xe. Những chiếc xe đồ nằm dài theo một chiều hướng ra đầu đường. Bến xe thật vắng chỉ còn có mấy người đàn ông ngồi tán gẫu trên sạp bán vé. Nguyễn có ý tìm chiếc xe hơi sáng đã đi nhưng không thấy. Có thấy chắc Nguyễn cũng quên. Nguyễn nói với Uyển :

- Còn mười lăm phút nữa mười giờ.
- Mười rưỡi em về nghe.

Hai đứa lại đi vào con đường lát đá xanh lờm chờm. Uyển lại kêu đau chân. Nguyễn bảo ráng chút.

- Giờ này chắc anh Triệu ngủ rồi.
- Chưa biết, không chừng nó đi chơi khuya.

Các ông thật đáng sợ.

Nguyễn xoa đầu nàng :

- Sợ gì ?
- Biết đâu...
- Đừng nói bậy.

Nguyễn đẩy nhẹ cánh cửa.

— Khóa rồi, Triệu đi chơi.

— Làm sao ?

Nguyễn lòn tay vào bên trong tìm chìa khóa Uyển ngồi xuống chiếc ghế cây kê trước thềm nhà trong khi Nguyễn mở cửa.

- Vào chứ em ?
- Vào trước đi.

Nguyễn bật đèn. Uyển đứng sau lưng chàng hỏi :

- Anh Triệu đi chừng nào về ?
- Nó lu bù ai biết được.
- Mười rưỡi em về nghe ?
- Ừ mà.

Uyển đến chiếc bàn học của Triệu xếp đặt lại mấy cuốn sách cho ngay ngắn.

Chàng nói :

- Nhà không có con gái bữa bãi ghê chưa.
- Sao anh Triệu không cưới vợ ?
- Em về hỏi nó.

Uyển xi một tiếng dài. Nguyễn cười rồi ra nhà tắm xối nước rửa mặt. Nguyễn đi lên đứng ở cửa buồng nói vọng ra.

— Anh tắm nhé, em lên gác ngồi chờ luôn tiện xếp lại mấy cái áo anh vào va ly để mai còn về.

Uyển dạ nhỏ và nói em vẫn chưa sửa soạn gì cả.

Nguyễn cởi quần áo giầy vớ chạy một mạch ra nhà tắm. Những lon nước làm mát rượi da thịt. Nguyễn nghe Uyển hát trên gác. Chàng mỉm cười sát sà phòng đầy mặt. Nước sà phòng làm mắt chàng cay xé. Nguyễn xối nước liên miên. Chàng thấy mình chìm xuống trong cảm giác mát rượi toàn thân.

Con mưa chợt đổ xuống lúc Triệu về. Đèn bật sáng dưới nhà. Tiếng Triệu nói với một người con gái :

- Em sợ à ?
- Sợ gì ?
- Sợ đêm tối, sợ anh. Sợ căn nhà ma quái này và sợ cơn mưa ngoài kia.

— Không, em không sợ gì hết.

— Thế thì tốt rồi, em vào đây, ngồi đó đi, anh tắm nhé.

Nguyễn cười thầm. Triệu cũng giống chàng ở chỗ ưa tắm đêm. Đi đâu về cũng phải tắm một cái rồi mới ngủ được. Uyển thường nói tắm đêm có ngày trúng gió chết. Nguyễn đùa, chết mà được sáng khoái toàn thân thì ai không ham chết. Nguyễn quay sang ôm Uyển. Da thịt nàng mát lạnh, hạnh phúc đến với Nguyễn đột nhiên. Chàng nói bên tai Uyển cùng hơi thở ấm. Anh yêu em. Uyển thản nhiên trong vòng tay chàng. Uyển không nói. Điều này làm Nguyễn yên lòng. Trong giấc ngủ Uyển không đòi về nữa. Mười giờ rưỡi em về. Nguyễn đoán đêm chắc đã khuya lắm rồi. Nguyễn kéo mền đắp cho Uyển rồi ngồi dậy. Nguyễn không bật đèn, chỉ xỏ chân vào dép rồi lẩn mò đi trong bóng tối. Sáng mai anh sẽ đưa em về quận lỵ. Trả em cho ngôi trường. Nghe Uyển. Còn anh, chắc chắn sắp sửa khởi đầu một chuyến đi xa.

(Còn nữa)



những giòng Thơ mới

HOÀNG TUYẾT KHANH

Những Con Mưa Của Ngày Tháng

MÙA mưa đã bắt đầu với những thúc bách. Một buổi tối nào đó anh thấy cần thiết phải ra đường, phải dong xe dưới những hàng cây có lá vừa mới vàng. Mưa như thể làm lòng vừa chùng lại, vừa se lạnh, để đủ tưởng nhớ hương vị của ly cà phê hôm nào ngồi uống với bạn bè, người yêu. Thêm một không khí đầm ấm như khoảng thời gian thoáng đi như hương bay, gió đàn. Mưa là một thứ thời tiết của trời đất, điều ấy hẳn nhiên. Nhưng mưa còn là một thứ mùa cao cả và thênh thang nhất của tình yêu. Người ta yêu nhau là phải có một thứ mùa khác hơn mùa đời. Không gian và thời gian ở đó dần trải ra, ngút mắt. Trong thành phố này, ở một nơi nào đó. Mưa vẫn đến và ngự trị. Biết đâu và nói làm sao cho hết những kỷ niệm vui mùa mưa tới. Biết đâu và nói làm sao cho hết những lạnh bạc khi mưa nhắc nhở cho chúng ta sự chia ly. Như Huy Cận đã nói:

«Đêm mưa làm nhớ không gian

Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la»

Mưa không đến với chúng ta trong một khoảng thời gian nào nhất định. Từng sáng, từng trưa, từng chiều. Từng tối hay từng đêm khuya. Hẳn chúng ta đã từng bắt gặp một «Đêm mưa» như Huy Cận. Lúc ấy là lúc mưa ngự trị với chúng ta cả một đời sống vừa chùng lại. Lúc ấy là lúc lòng ta mở rộng những cánh cửa của quá khứ. Sự thương nhớ nào cũng chất ngất bằng chừng ấy thời gian lớp lớp phía dưới cây khê và lá vàng. Con đường ấy là con đường đã lẫn mất, quanh co vào một hướng nào đó.

« Rời phải rất buồn xa cách đây
Bốn năm làm lính xứ sương đầy

Cô đơn về khắc lời trên trán
Nước mắt dần soi chỉ ngón tay.»

Thơ của Ngọc Thùy Khanh như một sự báo hiệu của mùa mưa chia ly. Thành phố ấy là Đà Lạt, thành phố ấy là một nơi nào đó em biết không? Anh muốn gọi cho chúng ta một bắt đầu và bắt đầu bao giờ cũng là một kỷ niệm đẹp, dù rằng kỷ niệm ấy là sự chia cách không bền bờ. Ngọc Thùy Khanh làm thơ rất lâu. Nhưng thơ Ngọc Thùy Khanh vẫn không có gì đổi mới. Vẫn một giòng thơ như thể từ bao nhiêu năm nay. Nếu cần nói đến sự đổi mới trong thơ Khanh thì người đọc có thể nói đến kỹ thuật đã vững. Bài nào cũng có cái chắc chắn của nó, một lối «kiến trúc» làm cho người ta vững lòng. Một điều khác, nỗi buồn trong thơ Khanh càng ngày càng đào sâu thêm. Nhưng lại thiếu mất sự mới mẻ, một không khí bay thoát ra.

TRƯỚC KHI XA ĐÀ LẠT

Rời phải rất buồn chia cách đây
Bốn năm làm lính xứ sương đầy
Cô đơn về khắc lời trên trán
Nước mắt dần soi chỉ ngón tay

Trả lại Lâm Viên núi chập chùng
Với chiều Thủy Tạ nước hồ rung
Ái Ân rừng thấp hàng thông biếc
Đồi phố lộ cao bước ngại ngừng

Bạn bè bốn hướng về với nhau
Rời đây bốn hướng cách xa sầu
Lên đường ta nhớ người em gái
Mắt biếc bay bay áo giữa cầu

NGỌC THÙY KHANH

Tạ Mỹ đến với chúng ta ở những lần trước, với những bài lục bát. Và lần này, cũng lại thơ lục bát. Thơ lục bát của Tạ Mỹ còn vương vất một ít ngôn ngữ của một lần làm đáng thơ, chẳng hạn: «Mắt cay rướm máu trông chừng buồn tênh». Nếu dứt khoát được những điều ràng buộc đó, để có một giòng thơ riêng biệt của mình. Thơ lục bát của Tạ Mỹ sẽ trở thành là giòng thơ bay thoát nhất so với những người làm thơ lục bát mới của chúng ta. Hai bài thơ Tạ Mỹ cũng nói về một cơn mưa. Thơ cũng có một cái sâu và cái

đẹp của một tình yêu tan vỡ êm êm. Nhưng rất tiếc hai câu cuối cùng của bài «Mưa trên sông» lại ảnh hưởng nặng nề thơ của Lưu Trọng Lư, có lẽ, người thơ đã không cố ý đến điều đó.

ĐÈO MƯA

Mưa nghiêng sợi lướt xanh rùng
Mắt cay rướm máu trông chừng buồn tênh
Đèo cao trợn mỗi bước lên
Có con chim ướt run mềm cánh bay
Lòng ta một khóm thu gầy
Nhớ em ngồi dệt thắm ngày buồn hiu

MƯA TRÊN SÔNG

Chiều mưa vật vã đất trời
Ngồi im nghe nước rã rời trôi sông
Buồn theo sợi khói phiêu bồng
Nhớ em ta ngả chút lòng thơ ngây
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay
Ngồi đan mưa biếc cho dài tình em

TẠ MỸ

Mưa Ngâu, tượng trưng cho một ngày tương phùng của huyền thoại tình yêu Ngưu Lang, Chức Nữ. Bầy chim Ô Thước đó đã liến cánh nhau bắc một nhịp cầu cho anh và em gặp nhau. Mùa mưa Ngâu sẽ không kéo dài, cuộc tình chỉ có một hẹn hò trong khoảnh khắc. Như thế, cơn mưa thật quý hiếm biết bao nhiêu cho hạnh phúc đó. Thơ tám chữ của Uyên Trang không có gì mới, một bài thơ bình thường. Nhưng sự thành thật lúc đầu bao giờ cũng hiếm quý. Người phụ trách muốn giới thiệu thơ Uyên Trang, trong ý nghĩa đó.

LỆ TA CHẢY THÀNH MƯA NGÂU

(viết cho Phạm thị thanh Ngân Sài Gòn)

bỗng ta muốn trở thành con chim nhận
bay đến nhà em kêu tiếng thảm thương
rồi trắng tuyền, nhận chết giữa đêm sương
hồn vất vưởng trên muôn ngàn ngọn cỏ
đợi đông về ta theo ngàn cánh gió
đề đứng nhìn em ngủ giấc hoang say
đưa em vào cơn mộng suốt đêm ngày
và ánh mắt trở thành con nắng hạ

sẽ bên em qua những vùng xa lạ
tìm vết chân xưa giữa phố buổi chiều
hồn ra nghe bóng xế đỏ hắt hiu
ta sẽ chờ em bên hàng dương liễu
gọi gió lên, đem trăng về yêu điệu
ru em bằng tiếng hát thật thâm sâu
và giọt lệ ta chảy thành mưa ngâu
đề khi buồn, em hãy ngồi chiêm ngưỡng

UYÊN TRANG

Mùa thu là những cơn mưa đau yếu tới tấp đổ xuống sự chia ly. Thành phố được nhìn bằng những đôi mắt vàng và tuổi trẻ, như những vó ngựa hồng đã sai tằm tằm qua một rừng chiều. Thơ của Dạ Vũ Miên Trường có ý hướng làm mới. Nhưng chỉ mới ở nhịp độ và phong cách, chưa làm mới được ý. Điều này không lạ lắm, vì thơ năm chữ rất khó làm. Nhưng Dạ Vũ Miên Trường đang có một hơi thơ khoẻ, điều này có thể cho chúng ta hy vọng?

HÀNH TRÌNH

tặng: Thy Linh Tử

Xe thô mộ đồ nát
Mang mùa thu đi mau
Tôi cùng anh cúi xuống
Và chấp tay nguyện cầu
Con ngựa già tìm cỏ
Tôi và anh làm rừng
Tình yêu là thảo mộc
Bây giờ là mùa xuân!

DẠ VŨ MIÊN TRƯỜNG

Vương Đại Lợi mới đến với chúng ta lần đầu tiên, bằng một bài thơ năm chữ. Cũng như một số người đã có thơ năm chữ trình bày ở «Những giòng thơ mới» trước đây. Thơ năm chữ của Vương Đại Lợi cũng thiếu làm dáng ngôn ngữ. Khuyết điểm đó làm cho người đọc thấy giòng thơ như một cách xếp đặt thiếu tự nhiên. Thơ tự nó, đã đầy đủ ngôn ngữ và là thứ ngôn ngữ kỳ diệu nhất. Tìm cho thơ một ngôn ngữ khác là từ chối lòng tin tưởng của chính mình. Sự «câu cú» đó làm cho thơ mang một vóc dáng đau yếu sẵn. Nếu xử dụng ngôn ngữ đó không khéo, đọc giả sẽ nhận thấy ngay. Và khuyết điểm

bao giờ cũng nổi bật hơn cả. Như câu cuối cùng trong bài «Chiều buồn tháng tám» :

*Đầu quay cuồng chênh lệch
Lững thững sầu lang thang.*

Nhưng ngoài khuyết điểm đó thơ năm chữ của Vương Đại Lợi mang một cảm ứng tốt. Hơi thơ dàn trải ra không khó khăn, và kết luận của độc giả chắc phải nhận ra Vương Đức Lợi làm thơ với nhiều cảm hứng.

CHIỀU BUỒN THÁNG TÁM

*Lá sầu rơi trên đất
Úa vàng như đời ta
Nên linh hồn cú mặt
Nhìn tháng ngày trôi qua.
Gió chiều ơi đừng thổi
Lạnh nhiều buồn cô đơn
Úa nụ cười hấp hối
Nghe lòng đau từng cơn
Số kiếp này bằng mộng
Bâng khuâng đành ngậm ngùi
Bão đời còn sống động
Chưa tìm được niềm vui
Tâm sự cùng hơi thở
Tan hòa theo không gian
Gởi về phương Trời nhớ
Người thương ơi xa ngàn
Chiều hoàng hôn đã chết
Hy vọng cũng héo tàn
Đầu quay cuồng nghiêng lệch
Lững chững sầu lang thang*

VƯƠNG ĐẠI LỢI

Thơ tám chữ được coi như một lối thơ gần gũi nhất của những tình nhân. Bởi nó có nhịp độ rung động và âm hưởng thu hút như những lời nói với nhau. Nơi một không gian riêng, đầy ấm cúng. Người làm thơ tám chữ tuyệt vời phải kể Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Sa. Mộng Yên Hà đến với chúng ta lần đầu tiên cũng với bài thơ tám chữ, vì mới, nên thơ Mộng Yên Hà chưa có gì đáng nói. Ngoài ý nghĩa «cánh bướm phiêu lưu» là một bài thơ đẹp. Cho một cuộc sống đẹp.

CÁNH BƯỚM PHIÊU LƯU

*Con bướm rủ đậu trên cành chết nắng
Vỗ cánh bay theo những sợi tơ trời.
Nhưng ơi ! còn đếm lượt lá thu rơi.
Trên mặt đất cỏ sương buồn nặng hạt
Em có nhìn trong lớp mù bụi cát
Một người đi tiếp nối những người đi
Vùng sau lưng sẽ còn lại những gì
Niềm thương nhớ, nỗi ngậm ngùi nuôi tiếc
Rồi chiều nào nhìn sông xanh núi biếc.
Gió vi vu mang nhẩn nhừ cho người
Mây lang thang mang sầu nhớ chơi vơi
Em còn đó hãy theo trăng về cõi độ
Cây trần gian đã trở màu tang cổ
Thì còn đâu những cánh mộng thơm nồng
Nên thuyền xưa sẽ xuôi gió sang sông
Cho kỷ niệm từng bầy về sa mạc
Cho cánh bướm trong gió chiều tan tác
Chập chờn bay trong khắc khoải hoang vu
Thân rong rêu trong khoảng trắng sương mù
Về đâu ! về đâu ! ở làng bên đờ.*

TB. MỘNG YÊN HÀ



Thầy giáo hỏi một học sinh :

- Tại sao giờ của nước Pháp lại sớm hơn giờ của Mỹ ?
- Thưa thầy vì Mỹ Quốc được tìm thấy sau nước Pháp !

Một thanh niên bước vào một hiệu bán xe gắn máy nói với ông chủ :

- Tôi đã mua một chiếc xe gắn máy ở hiệu ông tuần trước.
- Vâng, tôi còn nhớ cậu mà.
- Ông có hứa sẽ thay cho tôi bất cứ món gì bị gãy hay vỡ trong vòng 6 tháng ?
- Đúng thế !
- Vậy thì ông thay cho tôi ba chiếc răng cửa ở hàm trên đi !

□ TỪ KẾ TƯỜNG

■ Thứ năm 24-6

NHỮNG ngày trước đây tôi có nhận được bức thư của một người làm thơ đồng hành, đại ý bức thư nói rõ trường hợp tại sao bây giờ anh mới chịu gửi bài về cho tòa soạn. Và tôi ý phiên trách việc thơ anh gửi cho tôi mà lại lọt vào mục giới thiệu những giọng thơ mới của HTK. Những bức thư như thế hay sắp sửa như thế, người coi sóc phần văn nghệ cho PT cũng đã hiểu rõ từ trước. Bởi hơn ai hết tôi đã là một người từng mang tâm trạng đó, một người mà trước đây đã gửi bài về cho rất nhiều tòa soạn, được chọn đăng hay không chọn đăng. Con đường nào cũng có những bước chân đầu tiên. Con đường càng chông gai sự thành công càng đáng quý. Nhưng ngày đó tôi không hiểu như thế. Cầm viết lên đã là một mặc cảm, càng viết càng quẫn quai hơn, với những mặc cảm đó. Tôi cũng đã viết thư phiên trách những người chọn bài, rằng thì là đáng lẽ phải đề tên của mình trịnh trọng, sắp một «co» chữ thật to, nếu có chọn đăng thì đừng loan báo trong hộp thư, hoặc thề thảm hơn, không được chọn đăng thì yêu cầu được dấu tên, hay viết tắt nơi mục hộp thư tòa soạn mỗi kỳ. Bây giờ thấy những điều như thế quả thật là trẻ con, tự ái vật. Và nhận ra cái mặc cảm của mình to lớn quá. Việc gì phải như thế này như thế kia? Cứ cầm viết và viết. Với tất cả yên tâm và bình tĩnh. Được đăng bài một cách trịnh trọng hay không trịnh trọng cũng chỉ có nghĩa như là một lối làm quen với độc giả của mình. Đăng bài nhiều chưa chắc đã thành một cây viết lớn. Nhiều người đăng xong, lại thấy buồn. Tiếc rẻ và mất mát một điều gì khó nói. Viết thành thật như thế, ở đoạn này, mong người bạn đã viết thư về trách tôi hãy xem như là một cách trả lời.

■ Thứ sáu 25-6

Việc đăng thơ của anh ở Những Giọng Thơ Mới không có nghĩa là thơ của anh kém. Người coi sóc phần văn nghệ cho tòa soạn chỉ nhằm một mục đích trình bày những cây viết mới, khơi mở những giọng thơ mới. Anh là một chân trời, người khác là một chân trời, những chân trời khác biệt nhau đó cần một nơi để ghé một chút mây

phiêu bông của mình. Người đọc sẽ thấy những màu sắc riêng biệt đối chọi nhau hay dung hòa nhau. Những điều mà tôi nghĩ có ích cho sự thưởng ngoạn, nhất là đọc giả của một giọng thơ bây giờ. Chúng ta không thiếu những nhà thơ. Hãy nhìn vào hộp thư tòa soạn của riêng tờ báo mình mà xem, thư và bài vở nhận được mỗi kỳ rất nhiều. Chỉ thiếu những người làm thơ cá biệt, khơi mở cho chính mình một cánh cửa xanh biếc, và tự tin nhất. Thi ở đây, chỗ của HTK như là một nơi ngồi lại, đông vui, đề nhìn nhau, qua cánh cửa một tầm mắt. Ở đó cũng bắt đầu cho những lên đường. Một cuộc lên đường hành diện của những thi sĩ. Vì thế anh đừng ngạc nhiên sững sờ hay mặc cảm quẫn quai khi thấy bài mình đăng ở mục Những Giọng Thơ Mới. Hãy nghĩ rằng nơi đó, mình đã bắt đầu một cuộc lên đường. Mắt ngó thẳng về phía trước và chân bước vững vàng trên những chông gai. Nếu còn được làm thơ tôi vẫn yêu ở sự lên đường đó.

■ Thứ bảy 26-6

Một người hiện đang chủ trương một tạp chí xuất bản, coi sóc nguyên một cơ sở ấn loát nổi tiếng nhất ở Sài Gòn trước đây vốn coi nhau như là bạn. Cứ tạm gọi là bạn văn nghệ. Bởi hình như anh cũng thích làm văn nghệ lắm, tha thiết lắm, tha thiết nữa là khác. Nhưng sau này mới biết rõ anh chỉ là một người đội lốt văn nghệ. Cầm viết đã là một điều khổ tâm, viết lên một điều gì là coi như hy sinh một phần nào đời sống riêng tư của mình. Có người làm văn nghệ vì ngoài văn nghệ ra không biết làm một việc nào khác hơn. Anh có một tạp chí cứ tạm coi như có độc giả, có một cơ sở vững vàng, có được một sự giao thiệp hàng ngày với những người bạn phiêu lãng đó, anh đã được một cái hạnh phúc nhất trần gian rồi. Viết bài cho anh, anh phải chứng tỏ rằng mình cũng là một người biết hưởng cái hạnh phúc quý báu bằng cách trả tiền nhuận bút một cách hài hòa, nếu không được hậu hi lắm. Đăng này anh im lặng bằng nhiều cách. Bằng nhiều thủ đoạn vật. Có một thủ đoạn nào, anh không thể là một người nhân danh làm văn nghệ được. Anh hãy đi buồn, và hãy tính toán với một người đồng nghiệp của anh, như thế. Anh vốn chỉ có hai thứ hạnh phúc, một là trả nhuận bút cho một người làm văn nghệ mà anh thương mến, là anh chỉ nên yên thân làm anh lùn cạnh nhà thờ đức bà, mơ một đôi cánh chim én bay lên cao trên tháp chuông.

■ Chủ nhật 27-6

Con mưa bắt đầu từ buổi sáng kéo dài như những ngọn bão liên tiếp ở đâu đó rớt về thành phố, và trong thành phố ở những ngày như thế đời sống mới nhẹ nhàng và cảm động như một chiếc lá rơi tan tác trong trời thu. Thành phố, ra khỏi những cơn mưa, như một người con gái chưa biết trang điểm mà đã cầm thỏi son, hộp phấn, tạo thành những đường nét kỳ khôi và lộ liễu trên gương mặt, đáng lẽ ra cái vẻ đẹp tự nhiên vẫn còn. Gần mười năm sống trong thành phố này với những thay đổi, chộp bắt tôi vẫn không thể nào hòa hợp được với nó. Công việc cho từng ngày, nỗi ngậm ngùi cho từng đêm, như những ngọn roi đánh lên tâm lưng tuổi trẻ hẳn những vết đau. Tôi mong cho mùa mưa tới và ở lại như thế để thành phố không có nắng, không lửa xối từ trên những cơn đường bị đổ sập cây xuống. Bao giờ tôi cũng mong, duy nhất một điều, được trở về quê hương có con sông êm đềm chảy ngang, những hàng cây Vông Vang lợp bờ, những cơn đường làng hiu hắt lá mơ rơi như một bài thơ của Nguyễn Bính. Gần mười năm rồi còn gì. Con đường về quê hương tôi không xa, nhiều lắm là một ngày đường, qua những chuyến xe đò và những chuyến phà là đã có thể đặt chân lên bãi cát của giòng sông thơ ấu. Gần mười năm, nhưng lại nhớ như in những dấu chân mình in trên khoảng cát ngày xưa. Cùng những buổi chiều mây hồng đuổi nhau qua những đỉnh cây xanh ngát, nhìn chim Cát bay dập dờn, chao đôi cánh trên từng không. Tiếng kêu của loài chim Cát là tiếng kêu của những người tình đứng ở một khoảng cách gọi nhau, vừa êm đềm vừa cuống quýt, vừa xôn xao Vẫn chưa viết được một điều gì vừa ý về quê hương ấy cả. Có lẽ ngày xưa, quá khứ thơ ấu đó là một bầu trời rộng bao la dưới đôi mắt mơ ước của một đứa trẻ thơ. Và từ đó, Tuổi Nhỏ là một đề tài khó thu lại, khó diễn tả.

■ Thứ hai 28-6

Và mưa vẫn tiếp tục, nhớ lại một buổi tối nào trong tuần lễ trước cũng mưa liên miên xối xuống từng gốc cỏ đường vào nhà T. Ánh đèn vừa bật lên của con đường nhà nhem bóng sáng bóng tối. Đưa T. vào một quán cà phê đường Nguyễn Huệ Đức. Hình như là quán Tre. Những cây cột gỗ bóng loáng trần thiết cho một khoảng vuông chứa những chiếc bàn rải rác trong các góc tối. Hình như tôi còn nhớ rõ những ngọn đèn trắng đục từ trần rọi xuống đẹp lắm. ánh sáng huyền ảo và đậm thắm. Chỗ ngồi cũng ấm cúng lý tưởng cho một cặp tình nhân. T. luôn luôn im lặng trước ly nước. Tôi im lặng với những bóng hình hiện lên xô đuổi nhau trong một ngày tàn đầy lo âu thúc bách. Lâu lắm mới bước vào quán cà phê không có không khí văn nghệ. Và chính điều đó làm tôi dễ chịu hơn. Lúc ra về cơn mưa vẫn còn. Tôi đứng lớn, xa hẳn những viên gạch vỡ những chân cỏ đầy tiếng con trùng. Tôi hỏi T. bây giờ đi đâu? Đi đâu? Có phải là tiếng kêu thảng thốt trong hoàn cảnh này hay không? ■



Sinh Hoạt Văn Nghệ

■ ĐĂNG BẢO TRÂM

TAI trung tâm sinh hoạt thanh niên (Tổng hội sinh viên Saigon cũ) một đêm văn nghệ « Đường vào quê hương » đã được tổ chức hấp dẫn được một số khán giả đông đảo (dù trước lúc đó có một trận mưa). Đêm văn nghệ « Đường vào quê hương » do đoàn văn nghệ « Tiên Rồng » tổ chức.

■ Phòng tranh Nguyễn Khai

Trong tuần lễ trưng bày tranh tại phòng trưng bày thuộc Trung tâm Văn hóa Pháp đường Đồn Đất, Saigon, Nguyễn Khai đã cho bày 24 bức. Nội ngày đầu tiên, về tài chánh, phòng tranh của Nguyễn Khai đã có kết quả tốt. Nguyễn Khai là họa sĩ thuộc Hội Họa Sĩ Trẻ mà họa sĩ Nguyễn Trung là chủ tịch. Tranh của Nguyễn Khai được ưa chuộng, theo nhiều người, vì vẻ đẹp thần thoại và màu sắc được xử dụng rất rực rỡ.

■ Cơ sở Quán Văn giới thiệu

Vào hồi 20 giờ ngày 28-5-71 tại trụ sở Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, cơ sở xuất bản Quán Văn đã tổ chức một buổi tiếp tân đề giới thiệu cuốn sách đầu tay của Hoàng Ngọc Tuấn, cuốn *Hình như là tình yêu*. Buổi tiếp tân này có nhiều anh em trong Văn giới và làng báo. *Hình như là tình yêu* là một tập truyện của Hoàng Ngọc Tuấn. Như cái tựa của cuốn truyện, *Hình như là tình yêu* là một cuốn sách viết về tình yêu mới lớn.

■ Một việc đáng tiếc

Trên tạp chí Văn số 180 ra ngày 15-6-1971, có màu tin về mục « Những dòng thơ mới » của Hoàng Tuyết Khanh trên mặt bao này số 265 về việc bài thơ « Vàng Lạnh » của Nguyễn Nho Sa Mạc bị « đạo » bởi người ký tên Hoài Vọng Thu. Sau khi đăng bài thơ, Hoàng Tuyết Khanh có được anh Cung Tích Biền cho biết. Đáng lẽ đã viết lên nhưng Hoàng Tuyết Khanh muốn liên lạc với ông Hoài Vọng Thu trước. Việc liên lạc chưa có kết quả thì đã có bạn Lê Trần nào đó

« báo động ». Đáng tiếc là bạn Lê Trần không báo cho Hoàng Tuyết Khanh. Lại nữa, mượn dịp nói thêm một việc khác. Tất cả đều đáng tiếc.

■ Một thi sĩ được ngưỡng mộ

Rainer Maria Rilke là một nhà thơ lớn của Đức. Đây là một nhà thơ được người Nga xem là một đại thi hào sau Goethe và Brecht. Việc ngưỡng mộ Rainer Maria Rilke của người Nga đã biểu lộ qua việc chỉ trong vài tiếng đồng hồ, tại Mạc Tư Khoa, các hiệu sách đã bán được tới 50.000 cuốn thơ (tuyển tập) của Rilke.

■ Quách Đàm không còn nữa

Nói đến Quách Đàm hầu như có rất ít người không biết đến. Nhất là những người thường theo dõi chương trình Tao Đàn của cố thi sĩ Đinh Hùng.

Bây giờ, sau Đinh Hùng, Quách Đàm cũng vừa mãn phần. Viết về cái chết của Quách Đàm, nhà văn Mai Thảo viết trên tạp chí Văn Đè :

« Nhân nói về thông minh, vài giòng ghi nhận có ý nghĩa tưởng niệm dành cho một người vừa năm xuống giữa tháng mưa này : Quách Đàm. Đàm quê ở Sơn Tây. Một ca sỹ lỡ. Một tiếng ngâm thơ hàng đầu trên làn sóng điện. Đàm sống thất thế, thu mình và kiêu hãnh là phản ứng tự vệ thường thấy ở những người mặc cảm thua thiệt đầy mình. Mấy năm trước, thời kỳ Đài chưa bị phá hủy vì biến cố Mậu Thân, trong mấy ban bình thơ, đọc sách ở Đài, tôi coi Quách Đàm như một diễn viên kiêu ngạo cách biệt, giữa những diễn viên bình dị khác. Chỉ có sự thông minh là đáng kể, theo một câu nói tiếng Pháp luôn luôn được sử dụng của Quách Đàm. Ngâm thơ, tự phụ ở sự thông minh thấu triệt được hiệu năng của những cõi ngôn ngữ xuất chúng nhất không kém gì thi sỹ, Đàm nghiêm nhiên sửa đổi và thơ Xuân Diệu, Huy Cận và thơ Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng. Yêu cầu cách mấy cũng mặc. Tôi sửa lại là hay hơn. Sửa thế này mới được. Những lần tôi đòi Đàm đọc lại cho đúng như nguyên bản, người ngâm thơ kiêu hãnh đành làm theo, nhưng hậm hực, tức giận. Một thái độ tự phụ kỳ lạ, buồn cười nhưng cũng đáng yêu khác : Đàm tự coi là người diễn viên phát thanh hàng đầu hiểu được cái đẹp thanh lịch, đài các, tế nhị của đời sống và con người Hà nội. Chương trình có một bài văn, một đoạn thơ nào liên quan đến Hà nội, dù chỉ là một danh từ Hà nội, Đàm tranh đọc bằng được, ngáy ngát, xúc động thành thực với tiếng

nói, lối đọc của mình. Cái tiếng ngâm thơ trầm thấp, làm buồn những đoạn thơ sáng nhất, làm tối những đoạn văn tươi nhất, đã tắt. Trong túng quần thất thế. Những mảnh vụn kiêu hãnh cuối cùng hết là tấm áo giáp phòng vệ cho một người đọc thơ buồn phiền. Tin báo ngày : Đàm được truy tặng bội tinh tâm lý chiến. Vì công lao đóng góp không nhỏ cho trình diễn và nghệ thuật suốt hai mươi năm. Một tấm bội tinh. Cho một tiếng ngâm thơ. Một tấm bội tinh, cho một nghệ sỹ. Cũng hay. Tại sao không.»

Trên báo Tuổi Ngọc nhà văn Duyên Anh viết :

« Khi tôi vừa lớn, vừa biết đứng gần trông với áo tiêu thư và coi sách bài là giấy cũ, tôi thường đi lang thang, mỗi đêm, trên vỉa hè phố Duy Tân, từ rạp Đại Nam — gần nhà tôi trọ học — ra tận hồ Gươm tìm kiếm một nỗi niềm gì đó bắt lòng tôi nhầy nhụa xốn xang. Một buổi tối vào đông, trời lạnh, mưa nhỏ, cở áo đi mưa trùm kín gáy, miệng phi phèo điệu Cotab, tôi đã đứng lại trước hiệu đàn Nguyễn Túc vì thoáng nghe ai hát *Em đến thăm anh chiều đông giá, đường xa ngại ngưng...* Giọng hát đầm ấm, truyền cảm. Làm thế nào diễn tả được cơn gió heo may trải dài trên cánh đồng lúa sữa? Đó là giọng hát tôi đứng nghe. Giọng hát như nắng vàng, đủ ấm để hạt mầm tình ái vươn lên ở tâm hồn tôi. Nỗi niềm gì đó tôi đã hiểu. Chỉ là cánh cửa mộng, tôi sắp mở tung một con đường tôi sắp đi vào. Mưa nhỏ cở hồ đã tạnh. Và chiều thêm nắng trong ước ao. *Ta ước mơ một chiều thêu nắng, em đến chơi quên niềm cay đắng, và quên đường về.*

— Quý vị vừa nghe Quách Đàm trình bày nhạc phẩm *Em đến thăm anh một chiều mưa* của Tô Vũ, sau đây, mời quý vị thưởng thức giọng hát của Tâm Vấn.

Quách Đàm. Tôi nhớ Quách Đàm tự hôm đó. Và tự hôm đó, khi con hoạ mi ngựa cở hát chơi, cả Hà Nội rung động. Người Hà Nội có thể đếm trên đầu ngón tay những danh ca của họ. Minh Đỗ, Tâm Vấn, Quách Đàm. Sau này thêm Kim Tróc, Thanh Hằng, Thanh Hiếu. Thê Tân, Hồng Hào mới chỉ là mầm non. Quách Đàm ru chúng ta vào mơ mộng trên đài Hà Nội. Anh Ngọc ru chúng ta ngủ trên đài Pháp Á. Hai con hoạ mi cất tiếng hót từ hai miền đất nước. Quách Đàm, Nat King Cole của tôi. Giọng hát bọc kín lấy kỷ niệm thuở mới lớn của tôi và của những người bằng tuổi tôi. Buổi tối, nằm trên gác trọ nghe Quách Đàm hát, trái mộng còn xanh. Sáng dậy, nghe Quách Đàm hát, trái mộng đã chín. Nghe Quách Đàm hát là nghe bước chân ai lướt nhẹ trên bờ cở mộng. Giọng hát ấy mơn man, vỗ về, an ủi, đầm ấm, thiết tha. Nó rót vào tai ta khiến ta hồi tưởng. Nó đọng lại ở đôi môi người yêu ngọt lịm mật ong, thơm ngát hương tình. Và ta ngỡ

đang hôn đôi môi mong ân ái cùng lúc ta nghe Quách Đàm hát.»

Riêng với người viết lại tin này, đã xúc động rất nhiều khi nghe tin nghệ sĩ Quách Đàm qua đời. Nhân đây xin phân ưu cùng tang quyến cố nghệ sĩ và toàn thể văn nghệ giới.

■ Cách làm việc của một người

Ông Nguyễn Minh, Thư ký Tạp chí Ý Thức kiêm Giám đốc nhà in Đăng Quang vừa «trở ngón ma giáo» với anh em làm văn nghệ tại tỉnh lẻ như sau :

Nguyễn anh Phan Chính có đặt in tạp chí Nhận Định tại nhà in của ông Nguyễn Minh. Hai bên thỏa thuận về giá cả và ngày giờ giao hàng. Đến ngày anh Chính từ Bình Tuy vào Saigon nhận báo mới bật ngửa ra là báo mới in được một nửa toàn đen chữ không chạy màu như đã cam kết. Ông Nguyễn Minh viện lẽ là máy hư, giấy báo không có, thợ quên chạy màu, v.v... (?)

Nghề tin này, anh em ở Bình Tuy tức học máu mồm định sẽ vào ăn thua đủ với ông Nguyễn Minh. Vừa vừa thôi chứ ông thư ký tòa soạn Ý Thức. Ông có biết là anh em Bình Tuy vay nợ nặng lãi, xuất tiền túi để in báo không ?

(TVS)

■ Gió vàng thu

Gió vàng thu là tên một truyện dài mới nhất của Từ Kế Tường. Đặc biệt cuốn truyện dài này chưa hề đăng báo, được viết và dành cho nhà Xuất bản Khởi Nguyên do Bích Hoài trông nom. *Gió vàng thu* là một lứa tuổi viết đề ca tụng thơ mộng. Theo những người bán sách hiện nay, những cuốn truyện loại dành cho nhi đồng của Từ Kế Tường bán rất chạy. *Gió vàng thu* viết cho mọi lứa tuổi và *Gió vàng thu*, trước hết, đã được người chủ trương nhà xuất bản Khởi Nguyên rất vừa ý. Vào thượng tuần tháng 7, *Gió vàng thu* được phát hành trên toàn quốc. Đây là cuốn sách, theo lời người chủ trương xuất bản, nên có trong tủ sách của những người yêu văn chương thơ mộng.

■ Tin thêm về bức tượng cho Y Uyên

Sau cái tin nhỏ những người chủ trương nhờ loan đề mong mọi nhận được sự tiếp tay của tất cả, và nhân thể thông báo cho bằng hữu đồng nghiệp, văn nghệ xa gần về việc làm cho Y Uyên « một cái tượng kỷ niệm » nhân ngày giỗ thứ ba của Anh, tới nay công việc đã khởi đầu thực sự. Được biết anh Đỗ Toàn đã làm việc tuần lễ thứ nhất. Và, sẽ được đúc đồng vào tháng tới.

Theo dự định của anh em thực hiện, những người đã nặng

lòng giúp đỡ, tùy hảo tâm, sẽ được gởi tới một danh sách chung đã quyên góp, một tấm ảnh bức tượng kỷ niệm, cùng thư cảm tạ sau khi bức tượng được hoàn thành trong một ngày gần gũi đây.

Trong thời gian này, những anh em thực hiện cũng đang mong mỗi nhận được nhiều hơn nữa sự ủng hộ, ý kiến xây dựng của tất cả. Thư và bưu phiếu xin gởi cho : Trần Sĩ Huệ (Trần Huệ Ân), Ty Tiêu Học hoặc Mang Viên Long, 58 Bis. Tầng Bạt Hồ, Qui nhơn.

(P.T. ghi)

■ Viết vội về buổi họp mặt văn nghệ mừng ngày khai sinh cơ sở Động Đất — Tây Biên

Từ lâu văn nghệ Tây ninh rất rời rạc, cũng từng đầy nhóm văn nghệ : Lăng Tử Tím, Lóp Sóng Phù Sa, Trăng Sao Vàm Cỏ, ngoại trừ nhóm Rừng in được vài tập : Quỳ Xướng Lồm Còm Đi Lên, Nước Mát Rêu Rong và Tập Con Gái, nhưng phổ biến không sâu rộng mấy, thì có một bất ngờ trong giới viết trẻ Tây Biên, là băng Động Đất được dựng lên bởi : Sa Chi Lệ, Dạ Sầu Vinh Thuy, Trần Duyên Tường, Nguyễn Thụy Băng Giang. Và nhóm Động Đất đã tổ chức buổi họp mặt ngày 06-06-71. Tham dự gồm đầy đủ những người viết trẻ của thị trấn miền Đông. Có thể nói gần mười năm rồi, Tây Ninh mới có buổi tiệc văn nghệ hết sức thành công. Thành công ở chỗ được linh động từ đầu đến cuối, có những tiếng hát không kém phần độc đáo, những giọng ngâm xuất thần và tiếng sáo của Vũ Anh Sương, chương trình được thâu vào 02 cuộn băng Cassette, có một điểm đáng ghi nhất là buổi tiệc đang chuyển tiếp thì mưa đổ xuống bất ngờ, không khí trở nên ẩm cúng lạ thường, từng nhóm bốn năm người quay quần kể chuyện làm văn nghệ, trao đổi kinh nghiệm, nổi nhất là nhóm hát tự do, làm cho những người tham dự khi ra về bắt tay nhóm chủ trương thật nhiều lưu luyến.

Xem vô tuyên truyền hình

GIỜ NHẠC ANH VIỆT THU

ANH Việt Thu là một nhạc sĩ trẻ. Tên tuổi của nhạc sĩ này ít gây nên những ồn động. Dù không gây được những nhắc nhở, Anh Việt Thu vẫn làm việc và tỏ ra là một người yêu nhạc. Nỗ lực của Anh Việt Thu đã từng được thể hiện qua những bản nhạc đã được xuất bản.

Mới đây một chương trình ca nhạc của Anh Việt Thu đã được trình chiếu. Trước hết đó là một chương trình được trang trí khá gọn mắt. Carol Kim trong chương trình này nổi bật với bài Biên Động (dù Biên Động chắc chắn là một bản nhạc dưới trung bình). Nhiều người cho nghe và nhìn Carol Kim hát rất dễ cảm động. Vì màu da, khuôn mặt và giọng hát của Carol Kim. Ngoài ra còn một bài hát Nhật Bản được hát bởi Thanh Lan, cách thể trình bày được xem là đẹp mắt (không như cảnh vừa hát vừa diễn tả những vẻ mặt, những cung cách tình ái thấp kém). Về các bản hợp ca, ban Tiếng ca bạn trẻ của Anh Việt Thu đã khá vững kỹ thuật hợp ca, chứng tỏ được luyện tập kỹ lưỡng. Qua chương trình Anh Việt Thu người ta thấy đây là một chương trình không xuất sắc nhưng không làm phiền lòng người xem. Điều này chứng tỏ Anh Việt Thu tự trọng. Về trang trí, như đã nói đã được chuẩn bị kỹ lưỡng.

Về tiếng hát trong chương trình nói chung không có gì đáng ghi nhận, tuy nhiên cũng không đáng bị phê phán nặng nề, dù là ông ca sĩ Chế Linh.

Ít nhất, một ca sĩ trẻ cũng đã làm cho giới ca nhạc được nhìn là còn có một thiếu số có khả năng đem những tiếng hát đến cho đời sống.

TRẦN MINH HOÀNG

ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH

ĐỀ TƯỢNG NHỚ MÙI HƯƠNG của MAI THẢO

NHÂN vật chính trong «Đề tưởng nhớ mùi hương» là Ninh. Là một chàng trẻ tuổi. Chàng trẻ tuổi vừa bỏ lại sau lưng nương ngày phóng đảng để đến một tỉnh lỵ nhỏ bé có bên sông. Về tỉnh lỵ này Ninh ở nhà bà Quảng Hưng. Bà Quảng Hưng có người con dâu đang sống trong sự giam hãm của tỉnh lỵ của tâm hồn nàng, tâm hồn một người đàn bà đẹp tên Trang. Ngay từ phút đầu Ninh và Trang đã sững sờ trước mặt nhau. Cũng ở nhà bà Quảng Hưng còn có mẹ con bà Phán Dịch, con của bà Phán Dịch là một người con gái ngộ ngáo tên Hoa.

Ngay trong bữa cơm thứ nhất, Ninh đã khó chịu Hoa và thấy một hạnh phúc ngầm với Trang. Việc của Ninh đến tỉnh lỵ này là để buồn

bán, và ở bên sông, Ninh còn gặp một người con gái khác nữa tên Sầu. Sầu là một cô gái lai Trung Hoa. Cả ba người đàn bà, Trang, Hoa, Sầu đều đề ý đến Ninh. Nhưng với Ninh tất cả chỉ là Trang, người đàn bà đã có hai con, chồng đang ở phương xa, ở xa và không nhung nhớ. Giữa lúc tình cảnh đang như thế, một người tình cũ của Ninh đã điện tín và tự ý đến tìm Ninh. Việc này làm cả tỉnh lỵ (quá nhỏ bé) lưu ý. Nhưng lưu ý nhất phải kể là Trang, Sầu và Hoa. Người tình cũ của Ninh lộng lẫy, nhưng đã nói tự về mình là một «gái chơi». Dù cô «gái chơi» đến với Ninh bằng tình cảm xưa cũ, nhưng Ninh thấy giữa anh và Phượng, tên cô gái, đã nhạt nhòa. Họ sống với nhau một tuần lễ rồi chia tay. Họ sống với nhau trong một khách sạn trong khi Ninh nghĩ, nhớ, và lo sợ Trang. Ngược lại Trang cảm thấy buồn tủi, nghĩa là giữa Trang và Ninh, dù chưa nói họ biết họ đang sống mạnh mẽ với những điều chưa nói ấy. Nghĩa là giữa những tâm thường một mối tình đã nổi bật lên với những tình cảm đầy mộng tưởng. Của những người đã dày dặn (Ninh đã có những mối tình, Trang đã có hai đứa con.) Nàng yêu chàng đến mức:

«Trang đứng lại. Nàng vừa đụng đầu gối vào một vật cứng chắn ngang. Đó là cái thành giường. Một luồng điện ấm áp truyền lan cùng khắp thân thể người đàn bà run rẩy, sự đụng chạm vô nghĩa, lúc này, Trang đang ở giữa một tâm trạng mê loạn khác. Hơi thở đứt quãng. Rồi nàng lê dần vào tới giữa giường. Nàng nhích dần lên cho tới khi mái tóc nàng đặt ngay ngắn trên một mặt gối. Chưa từng bao giờ lại ngáy ngất như thế»

Đó là một đêm Ninh vắng nhà và Trang khốn khổ với sự cô đơn với ước ao, tưởng tượng, bỏ lại hai đứa con say ngủ và như kẻ mộng du đi đến phòng của Ninh.

«Đề tưởng nhớ mùi hương được» viết linh động, và nồng cháy cho mỗi nhân vật. Về ra những nhân vật rất biểu trưng. Như Hoa, như Sầu. Bằng một bút pháp riêng biệt. Đề tưởng nhớ mùi hương được tác giả của nó viết mạch lạc, linh động như khi viết về cô gái lai tên Sầu, tác giả đã vẽ ra một mẫu người trong một lứa tuổi thân thường, đến với Trang như một ve vuốt táo bạo và đột ngột. Năm nhắm nghiền mắt lại. Rủ xuống. Hưng chịu sự ve vuốt dấy lên bằng tưởng tượng, như một ngọn lửa bùng bùng. Suốt một đời xuân, hết một tuổi hoa.

Trang chỉ nằm ở chiếc giường của nàng, trong căn buồng riêng của nàng, như một thế giới hoàn toàn kín. Nàng chưa từng đứng như từng đứng như thế này, một mình trong một căn buồng đàn ông. Nàng chưa từng nằm xuống bao giờ trên mặt đệm lạ. Và Trang buồn người, ngã xuống.

Chỗ chàng nằm là đây, đêm đêm. Nàng ở đây, phút này, trên đầu vết thân thể chàng nằm. Trang rên lên một tiếng nhỏ, trong cổ họng. Da thịt nàng chỉ còn là một khối rung động kỳ lạ. Sự ve vuốt vô hình mà mãnh liệt. Trang nằm im một lát như thế. Miệng nàng mở hé. Xác muốn được sống cái đời hồi của nó. Cảnh ngộ của Sầu được mô tả là một cảnh ngộ đau xót.

Sau khi đọc hết câu chuyện, câu chuyện được kết thúc Ninh quyết định rời tỉnh lỵ, chia tay với Trang và ra đi với Sầu. Chia tay với Trang trong khi người chồng ở xa của Trang trở về. Nghĩa là câu chuyện được dựng lên hết sức hợp lý.

Bằng bút pháp Mai Thảo, mà có người cho là một nhà văn hàng đầu hiện nay, *Đề tưởng nhớ mùi hương* là một truyện dài trước khi khi được in thành sách đã đăng từng kỳ trên nhật báo. Nếu người ta gạt bỏ thành kiến và mặc cảm, bất cứ thành kiến và mặc cảm nào liên quan tới vấn đề trên, người ta phải thấy *Đề tưởng nhớ mùi hương* là một cuốn truyện có đủ tầm vóc cho một nhà văn.

HOÀNG MỸ HƯƠNG

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 7-10-1961

Chủ - nhiệm : NGUYỄN - VỸ

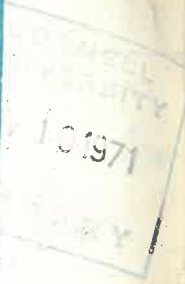
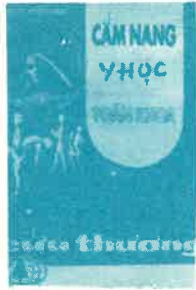
In tại nhà in riêng của PHỒ - THÔNG

265/2 Phạm Ngũ Lão — SAIGON

Giá 50 : đ.

Công số : gấp đôi

Đã xuất bản



Tổng phát hành NAM CƯỜNG

185-187 Nguyễn Thái Học Saigon ĐT: 23.867

Offset Kim Châu 24 Nguyễn an Ninh Saigon

no.271 not available